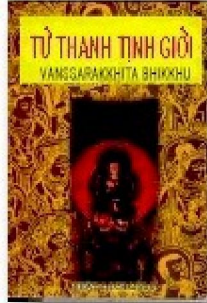


***THERAVÀDA - PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
TỨ THANH TỊNH GIỚI
(CATUPÀRISUDDHISÌLA)***



***VANSARAKKHITA BHIKKHU
TỖ-KHUU HỘ-TÔNG
PL. 2510 - TL. 1966
TÁI BẢN PL. 2537 - TL. 1993***

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 26-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Phần 01

BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT THU THỨC GIỚI (Pàtimokkhasamvara sila).

LỤC CĂN THU THỨC GIỚI (Indriyasamvarasila).

CHÁNH MẠNG THANH TỊNH GIỚI (Àjivapàrisuddhi sila).

Phần 02

THỌ VẬT DỤNG GIỚI

PHẢI BIẾT VẬT DỤNG THỂ NÀO LÀ TRONG SẠCH THỂ NÀO LÀ KHÔNG TRONG SẠCH

QUÁN TƯỞNG VỀ THỌ VẬT DỤNG GIỚI (Paccaya sannissita sila).

CÁCH THỨC QUÁN TƯỞNG

PHÉP QUÁN TƯỞNG (Paccayavekkhana)

LÀM CHO GIỚI TRONG SẠCH

MƯỜI BỐN ÁC PHÁP

CHÍN ĐỨC TÁNH

PHƯỚC BÁU CỦA SỰ TRÌ GIỚI

Phần 03

NHỮNG ĐIỀU CẢM RỜI RẠC

GIẢI VỀ CÁCH CHO VÀ THỌ

GIẢI VỀ CÁCH THỨC SÁM HỐI

Phần 04

GIẢI VỀ PHÉP ĐÀU ĐÀ (DHUTANGAKATHÀ)

ĐÀU ĐÀ CÓ 13 PHÉP

GIẢI VỀ CÁCH THỌ TRÌ ĐÀU ĐÀ (Dhutangasamàdàna vidhànàdikathà)

I- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐÀU ĐÀ THƯỜNG MẶC Y CA-SA ĐÁNG GÓM NHƯ PHẨM ĐẤT (Pamasukùlikanga)

II- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐÀU ĐÀ CHỈ MẶC TAM Y (Tevàrikanga)

III- CÁCH THỌ TRÌ ĐÀU ĐÀ THƯỜNG ĐI ĐỂ KHUẤT THỰC (Pindapàtikanga)

IV- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐÀU ĐÀ THƯỜNG ĐI KHÁT THỰC THEO MỖI NHÀ (Sapadànacàrikanga)

V- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐÀU ĐÀ THƯỜNG NGỒI ĂN TRONG MỘT CHỖ (Ekàsanikanga)

VI- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐÀU ĐÀ THƯỜNG ĂN TRONG MỘT BÁT (Pattapindikanga)

VII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐÀU ĐÀ NGĂN

ATRITTABHOJANA (Khaluppacchabhàttikanga)

VIII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐÀU ĐÀ THƯỜNG NƯƠNG NGỤ TRONG RỪNG (Arannikanga)

IX- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐÀU ĐÀ THƯỜNG NƯƠNG NGỤ GẮN CỘI CÂY (Rukkhamùlikanga)

X- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐÀU ĐÀ THƯỜNG NGỤ TRONG KHOẢNG TRỐNG (Abbhokasikanga).

XI- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐÀU ĐÀ THƯỜNG NGỤ NƠI MỘ ĐỊA (Sosànikanga)

XII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐÀU ĐÀ THƯỜNG Ở TRONG CHỖ TẮNG ĐÃ CHO ĐÀU TIÊN KHÔNG DỜI ĐỔI (Yathàsanthatikanga)

XIII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐÀU ĐÀ NGĂN OAI NGHI NĂM (Nesajjikanga)

GIẢI VỀ SỰ ĐOÁN XÉT CHUNG TRONG 13 ĐÀU ĐÀ (Sanàsavinicchayakathà)

GIẢI VỀ PHÂN PHÁT ĐÀU ĐÀ (Byàssavinicchayakathà)

Phần 05

PHẨM PARIVÀRA (Trích lục trong tạng Luật)

GIẢI VỀ KATHINA (Kathina Kathà)

5 QUẢ BẢO (Ànisansa)

CÁCH THỨC THỌ KATHINA (Kathinatthàna vidhànakathà).

GIẢI VỀ THỂ THỨC THỌ KATHINA KHÔNG ĐƯỢC KẾT

QUẢ (Anatthatakathinakathà)

GIẢI VỀ CÁCH THỨC THỌ KATHINA ĐƯỢC KẾT QUẢ

ĐƯỢC (Atthatakathinakathà)

GIẢI VỀ NGUYÊN NHÂN KATHINA XẢ (Ubbhatakathinakathà).

BỎ BUỘC (Palibodha)

HÀNH TRÌNH KATHINA XẢ (Ubbhàra hay Uddhàra)

PAKINNAKAKATHÀ

GIẢI VỀ CÁCH THỨC CÁC THỨ Y CA-SA

PHÉP DÂNG Y KATHINA ĐẾN TẶNG (SANGHA)

---o0o---

LUẬT XUẤT GIA (Tứ Thanh Tịnh Giới)

TỨ THANH TỊNH GIỚI (Catupàrisuddhisila) là:

- 1) Biệt biệt giải thoát thu thúc giới (Pàtimokkhasamvarasila).
- 2) Lục căn thu thúc giới (indriyasamvarasila).
- 3) Chánh mạng thu thúc giới (àjìvapàrisuddhisila)
- 4) Quán tưởng thọ vật dụng giới (paccayasannisstasila).

-ooOoo-

Phần 01

BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT THU THỨC GIỚI (Pàtimokkhasamvara sila).

Trong 4 giới trong sạch, xin giải về: "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới" là sự thu thúc theo điều học trong giới bốn trước.

Giới mà đức Thế Tôn đã tự thuyết rằng: "Tỳ-khưu trong giáo pháp này, đã thu thúc theo giới bốn, đều đủ cả àcàra và gocàra, là người đã thọ trì những điều học, hay có lòng lo sợ tội lỗi, dầu là nhỏ nhen chút ít. Như thế gọi là: "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới".

Tiếng Pàtimokkha (Tàu âm là Ba-la-đề-mộc-xoa) nghĩa là "Pháp mà người đã thọ trì đúng đắn rồi, nó hằng làm cho người đó được thoát khỏi sự thống khổ, nhưt là khỏi khổ trong bốn đường dữ (cầm thú, atula, ngạ quỷ, địa ngục)".

Tất cả điều học mà đức Thế Tôn đã chế định, hiệp lại gọi là Pàtimokkha ấy, có thể làm cho người thọ trì theo được nhiều điều lợi ích cao thượng, như đã có giải.

Câu nói "thu thúc" theo Pàtimokkha ấy, là nói được thu thúc điều học mà đức Thế Tôn đã truyền răn để lại.

Giải về tiếng àcàra và gocàra: Phẩm cách người mong được điều hữu ích, phải cố gắng hành theo, gọi là àcàra, trái lại gọi là anàcàra.

Àcàra và Anàcàra

Trước hết, xin giải về tiếng anàcàra, vì hai pháp ấy có sự tương phản cùng nhau: Anàcàra về đàng dữ, àcàra về đàng lành.

Tiếng anàcàra là nói về sự hành ác, do nghiệp thân, nghiệp khẩu, hoặc luôn cả nghiệp thân và khẩu, tức là nói về sự phá giới.

Còn sự nuôi mạng không chơn chánh, là nói về Tỳ-khuru nuôi mạng nhờ:

- 1) Giả làm cách tề chỉnh.
- 2) Giả làm cách vui vẻ.
- 3) Nói ướm.
- 4) Giả bộ dọa hăm.
- 5) được nơi đây đem cho nơi kia, được nơi kia đem cho nơi đây.
- 6) Cho tre.
- 7) Cho lá cây.
- 8) Cho bông hoa.
- 9) Cho trái cây.
- 10) Cho cây xia răng.
- 11) Cho nước rửa mặt.
- 12) Cho vật để tắm.
- 13) Cho vật thoa dôi.
- 14) Cho đất (của Tăng).
- 15) Tôn kính kẻ thế.
- 16) Thật ít, dối nhiều.
- 17) Giữ giùm con cho người.
- 18) Làm tay sai cho người.
- 19) Làm thầy thuốc cho người.
- 20) Làm kẻ đem tin cho người.
- 21) Chịu cho người sai khiến.
- 22) đem cơm cho người rồi đi khát thực sau mà ăn.
- 23) Cho đi, cho lại.
- 24) Xem thiên văn địa lý.
- 25) Xem ngày tháng, sao hạn cho người.
- 26) Xem tài tướng và xem thai đàn bà (để trai hay để gái).

Nếu Tỳ-khuru có lòng ham muốn mong được lợi để nuôi mạng theo 26 điều tà mạng trên đây, chẳng được gọi là Tỳ-khuru (trừ ra không có lòng ham muốn thì không kể).

Anàcàra chia ra có 2 nghiệp:

- Kàyika: hành tà do nghiệp thân.
- Vácàrika: hành tà do nghiệp khẩu.

Giải: Tỳ-khuru khi vào giữa Giáo hội không lòng cung kính, đứng, ngồi, đưng, chạm, lẩn lức vị cao hạ hơn mình; đứng hoặc ngồi trước vị cao hạ, đứng hoặc ngồi cao hơn vị cao hạ, nói múa tay trước mặt vị cao hạ; vị cao hạ đi chân mà mình mang giày hoặc vị cao hạ ở thấp mà mình ở cao; đứng hoặc ngồi không ngay thẳng; không cho phép vị thấp hạ ngồi; để củi trong nhà khói mà không cho vị cao hạ hay; đi tắm không nhường cho vị cao hạ; lúc tắm và khi tắm xong lên, đi vào xóm hoặc ra xóm cũng như thế.

Hoặc đi đến nhà nào, vào buồng của người đã khép cửa; có phụ nữ ngồi đầu lại đi vào nơi ấy; vò đầu kẻ trai hoặc gái, các sự hành động như thế gọi là anàcàra; hành tà do nghiệp thân.

Có vị Tỳ-khuru khi vào giữa Giáo hội nói những lời vô lễ, không bạch trước với vị cao hạ mà thuyết pháp, hỏi hoặc giảng giới bốn (Pàtimokkha) đứng nói, múa tay; nếu đi vào xóm thấy phụ nữ, trẻ, hoặc già, kêu nói: cô này, có cháo không? có cơm không? có bánh không? có gì ... ta ăn, uống? ... có chi dùng? các cô này! có chi dâng cho ta? v.v...

Những lời nói ấy là anàcàra, hành tà do nghiệp khẩu.

Còn về àcàra tức là thu thúc theo giới luật trái hẳn với anàcàra như đã giải trên, và cũng chia ra có 2 nghiệp: nghiệp thân và nghiệp khẩu, giống nhau.

Người học Phật nên lấy đó làm nơi xu hướng.

Tóm lại, tiếng àcàra để nói về phẩm cách vị Tỳ-khuru có lòng tôn kính và nghiêm trì giới luật, có sự hổ thẹn và gớm ghê những điều tội lỗi, ăn mặc theo điều "Ứng học pháp" sekhiyavatta, đi tới, thối lui, xem trước nhắm sau, ngồi, đứng phải phép, đáng cho người kính trọng, mắt ngó xuống, oai nghi chơn chánh, lục căn thanh tịnh, có sự tiết độ, có trí nhớ, có sự biết mình satisampajanna, ít ham muốn, có độ lượng, không hay trà trộn cùng kẻ thế, hoặc thiên vị theo đảng phái, biết đền ơn trả thảo, tôn kính người đáng tôn kính ...

Những sự hành động ấy gọi là àcàra, hành đúng luật do nghiệp thân và nghiệp khẩu.

Gocàra và Agocàra.

Cảnh vật (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) mà lục căn thường xu hướng theo gọi là Gocàra.

Giải: lục dục nếu nói cho tột lý thì có cả dữ và lành. Dữ là tư cách làm cho phát sanh tội, nhất là phạm giới. Lành là tư cách làm cho phát sanh phước, nhất là gìn giữ giới luật cho trong sạch

Giải về tiếng agocàra, đức Phật có sự thuyết rằng "Tỳ-khuru thường hay thân cận phụ nữ, bán nam, bán nữ, Tỳ-khuru ni, hàng rượu hoặc lưu luyến theo vua chúa, quan lại, người cao sang, phú hộ, kẻ dữ, người không tín ngưỡng tam bảo, hạng khinh rẽ Phật pháp, hay gây gổ cùng tín đồ và tăng chúng. Xu hướng theo những điều ấy gọi là agocàra, trái lại là gocàra".

Gocàra chia ra có 3 điều:

1. Upanissayagocàra: Nơi nương nhờ có thể làm cho đức hạnh phát sanh, như thân cận cùng bậc thiện trí thức.
2. Àrakkhagocàra: Cái có thể gìn giữ lục căn thanh tịnh, như trí nhớ.
3. Upanipandhagocàra: phương pháp trau dồi có thể buộc chặt cái tâm, như phép tứ niệm xứ.

Giải: những bậc thiện trí thức có đủ 10 lời nói trong sạch [*] hoặc cao minh, hằng tế độ người nương theo Phật pháp, cho được nghe chơn lý chưa từng nghe, nghe được rồi càng thêm ngưỡng mộ, làm cho người hết sự hoài nghi, phát sanh chánh kiến.

[*] 10 lời nói trong sạch (*katthàvatthu*) là:

1. *Appicchakathà*: lời nói làm cho phát sanh sự tiết dục.
2. *Santutthikathà* : lời nói làm cho phát sanh sự biết đủ (*tri túc*).
3. *Pavivekakathà*: lời nói làm cho phát sanh sự yên lặng
4. *Asamsaggakathà* : lời nói không làm cho phát sanh sự quyến luyến
5. *Viriyàrambhakathà*: lời nói làm cho phát sanh sự tinh tấn
6. *Silakathà* : lời nói làm cho phát sanh sự trong sạch
7. *Samàdhikathà*: lời nói làm cho phát sanh sự thiền định
8. *Pannàkathà*: lời nói làm cho phát sanh sự trí tuệ
9. *Vimuttikathà*: lời nói làm cho phát sanh sự giải thoát
10. *Vimuttinanàdassanakathà*: lời nói làm cho phát sanh trí tuệ thấy rõ sự giải thoát.

Những bậc có đủ các pháp: tín, giới, văn, thí, tuệ, mà người nào đã nương theo rồi hằng được hưởng điều hạnh phúc, như thế gọi là Upanissayagocàra.

Giải về tiếng Àrakkhagocàra đức Phật có tự thuyết rằng: Tỳ-khuru khi đi vào xóm hoặc đi ngoài lộ, mắt thường ngó xuống, xa lối 1 sải, đi đứng cẩn thận, nghiêm trang không xem xe cộ, ngựa, voi, ... nhất là không để ý đến kẻ bộ hành (traí, gái) không ngó phía trên, nhìn phía dưới ... như thế gọi là Àrakkhagocàra.

Còn về Upanipandhagocàra, đức Thế Tôn chỉ ngay về pháp tứ niệm xứ (thân, thọ, tâm, pháp) dạy người tu Phật phải dùng pháp ấy phải buộc chặt cái tâm như sau này:

Yathàdhambhe nibandheyya vaccham damannaro idha bandheyyevam sakkam cittam satiyàrammane dalham.

Nghĩa là: trong vũ trụ này, những người khi tập luyện bò con, cần phải buộc chặt nó đứng yên nơi cây trụ, ví như hành giả, khi tu tâm cũng phải dùng pháp tứ niệm xứ để buộc chặt cái tâm, mới có thể gìn giữ tâm được yên tịnh, đó gọi là Upanipandhagocàra.

Đức Như Lai kể Àcàra và Gocàra vào trong giới bốn vì là: Giới của Tỳ-khuru được trong sạch là nhờ có hành thêm àcàra và gocàra. Nhơn đó, đức Phật mới để pháp àcàra chung với giới bốn.

---o0o---

GIẢI VỀ TIẾNG "LO SỢ NHỎ NHEN CHÚT ÍT"

Trong điều Ưng học pháp sekkhiyavatta và khandhakavatta v.v... điều học nào thuộc về vô ý mà phạm thì cũng bị tội cho nên gọi là tội nhỏ nhen chút ít.

Đối với bậc trí tuệ, dầu là tội nhỏ nhen chút ít, các ngài cũng chẳng dám để đuôi phạm đến. Sự lo sợ của các ngài làm cho các ngài thấy những tội ấy lớn bằng núi Tu-di, cao đến 84.000 do tuần. Bằng không, với tội nhẹ hơn hết, như tội ác khẩu, các ngài cũng rất lo sợ, xem như đại tội "Bất cộng trụ". Chẳng phải cũng chỉ thế thôi, cho đến những nghiệp nhỏ nhen mà đức Phật nói "Không phải là tội, không phải là sự dễ đuôi", các ngài cũng chẳng phạm. Phẩm cách của bậc trí tuệ lo sợ tội lỗi nhỏ nhen chút ít là như thế ấy.

Thọ trì một việc nào là phụ thuộc của những điều học "9 điều của đức Phật đã chế định" [*] và gìn giữ hành theo cho đều đủ, như thế gọi là đều đủ theo tất cả điều học.

[*] 9 điều chế định là:

1. mùlapànnatti: điều chế đầu tiên trong điều học.
2. anupannatti: điều chế nối tiếp trong điều học đã có cảm nhiều lần.
3. anuppannàpannatti: điều chế để ngừa sự xảy đến (nói về 8 trọng pháp của Tỳ-khuru ni).
4. sabbatthapannatti: điều chế đối với tất cả Tỳ-khuru trong xứ.
5. padesapannatti: điều chế đối với tất cả Tỳ-khuru trong xứ trung Ấn độ.
6. sàdhàranappannatti: điều chế chung cho Tỳ-khuru và Tỳ-khuru ni.
7. asàdhàranappannatti: điều chế riêng cho Tỳ-khuru và Tỳ-khuru ni.
8. ekatopannatti: điều chế chỉ đối với Tỳ-khuru hoặc Tỳ-khuru ni.
9. ubhatopannatti: điều chế đối với cả 2 bên.

KẾT LUẬN TRONG BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT THU THỨC GIỚI

Thật vậy, "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới" mà được trong sạch là nhờ có đức tin. Điều học mà đức Phật đã chế định ấy, vượt qua khỏi tuệ lực của chư thánh văn, nên chính mình đức Phật mới có thể chế định được. Nhân đó, các Tỳ-khuru phải thọ trì điều học, chẳng nên tiếc sự sống mà phạm giới, phải hành theo bài kệ sau đây.

Pàtimokkham visodhento appevajìvitam jahepannattam lokanàthena na bhinde silasam varam.

Nghĩa là: người có đức tin, khi đã thọ trì giới bổn, nên liêu thác, chẳng nên phạm giới của đức Phật đã chế định.

Giải rằng: Chim tê hoạch liêu chết rắng gìn giữ trứng của nó thế nào, thú càmì liêu chết rắng gìn lông nó thế nào, người bá hộ có một trai, rất triu mến, rắng gìn giữ đứa con đó thế nào, kẻ nào hư 1 mắt rắng gìn giữ mắt lành kia thế nào, thì người rắng thọ trì giới của mình như thế ấy, hãy lấy nó làm nơi chí thiết, làm cho giới được trong sạch hoàn toàn cũng như mấy điều kể trên đây.

-ooOoo-

LỤC CĂN THU THỨC GIỚI (Indriyasamvarasila).

Đức Thế Tôn đã tự thuyết rằng "Tỳ-khuru đã thọ trì giới bổn rồi, nếu mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi hửi mùi, lưỡi nếm vị, thân tiếp xúc, tâm biết các pháp mà chẳng cảm xúc, tinh tấn gìn giữ lục căn, không cho ác pháp (tham, sân, si) òn nén được, như thế gọi là Lục căn thu thúc giới".

GIẢI VỀ TIẾNG "CẢM XÚC"

Chẳng cảm xúc là chẳng vì sự tiếp xúc mà cảm động, phân biệt rằng đây là phụ nữ, đây là nam giới, đây đẹp, đây không đẹp, đây ngon, đây không ngon, v.v... chỉ phải trong phạm vi ấy nghe mà thôi.

---o0o---

GIẢI VỀ TIẾNG "TINH TẤN GÌN GIỮ LỤC CĂN"

Phải tinh tấn cẩn thận, chẳng chỉ không cho lục trần thâm nhập lục căn, ngăn ngừa không cho cảnh nghịch làm cho phát sanh sự thương ghét vào nhiều loạn tâm linh. Nếu có cảnh nghịch tiếp xúc, phải dùng trí nhớ cản ngăn, nghĩa là, đừng hờ hững để cho tâm duyên theo hoàn cảnh. Phải tinh tấn hành theo pháp àcàra và gocàra cho đều đủ (như đã giải trong đề: "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới").

Sự tinh tấn như thế chỉ để ngăn ngừa lục căn không cho ác pháp (tham, sân, si) vào làm hại thiện pháp trong tâm. Bởi vì ác pháp vào được rồi, thì nó làm tiêu hoại các điều lành trong tâm, ví như đạo tặc vào nhà vậy.

---o0o---

THU THỨC VÀ KHÔNG THU THỨC

Trong Lục căn thu thúc giới có những điều để phân biệt pháp thu thúc với pháp không thu thúc: khi những điều ấy chưa phát sanh thì không thể gọi là thu thúc hoặc không thu thúc được.

Thế nào gọi là pháp thu thúc (samvaradharmā), thế nào gọi là pháp không thu thúc (asamvaradharmā)?

5 pháp để phân biệt thu thúc là:

- Sīlasamvara: Pháp thu thúc, tức là giới.
- Satisamvara: Pháp thu thúc, tức là trí nhớ.
- Nānasamvara: Pháp thu thúc, tức là trí tuệ.
- Khantisamvara: Pháp thu thúc, tức là nhẫn nhục.
- Vīriyasamvara: Pháp thu thúc, tức là tinh tấn.

5 pháp để phân biệt không thu thúc:

Dussilya: phá giới.
Mutthasacca: hay quên.
Annana: không trí tuệ.
Akkhanti: không nhịn nhục.
Kosajja: lười biếng.

Giải: Khi 1 trong 6 trần tiếp xúc với 1 căn nào mà có 1 trong 5 pháp thu thúc phát sanh thì phải biết rằng căn ấy Tỳ-khuru đã thu thúc trong sạch rồi. Trái lại, nếu có 1 trong 5 pháp không thu thúc phát sanh, thì nên biết rằng căn ấy, Tỳ-khuru không thu thúc. Sự thu thúc và không thu thúc chẳng phải chỉ phát sanh trong 1 căn thôi đâu (chúng nó có thể phát sanh trong tất cả lục căn).

Muốn biết những sự thu thúc và không thu thúc phát sanh, cần phải biết con đường đi từng bậc của tâm.

Đây xin giải: con đường đi của tâm trong nhãn căn.

Khi sắc trần tiếp xúc mắt thì những hiện tượng biết động tiếp xúc phát sanh, trước hết.

1- Bhavanga: tâm thường tịnh phát sanh 2 "sát-na" (*khana: thời gian rất ngắn của tốc lực tâm*), nghĩa là rung động tâm thường tịnh 2 sát-na rồi diệt.

2- Kiriyaṃanodhātu: là cái tâm tìm kiếm sắc trần làm cho sự tìm kiếm (āvajjanakicca) sắc trần ấy phát sanh 1 sát-na rồi diệt.

3- Cakkhuvinnāna: nhãn thức, nghĩa là sự biết sắc trong nhãn căn, làm cho sự thấy (dassanakicca) sắc trần ấy phát sanh 1 sát-na rồi diệt.

4- Vipākamanodhātu: Tâm dung nạp sắc trần làm cho sự dung nạp ấy phát sanh lên 1 sát-na rồi diệt.

5- Vipākahetuka manovinnānadhātu: Tâm xem xét chu đáo làm cho sự xem xét chu đáo (santīranakicca) ấy phát sanh 1 sát-na rồi diệt

6- Kiriyaṃhetuka manovinnānadhātu: Tâm ghi chép sắc trần làm cho sự ghi chép (votthapanakicca) ấy phát sanh 1 sát-na rồi diệt.

7- Javana: Tâm tốc lực [*] tùy theo trạng thái của cảnh giới, làm cho phát sanh pháp thu thúc hoặc không thu thúc.

[*] Javana là cái sức mau chóng của tâm bắt lấy và hưởng dụng sắc trần

Khi tâm thường tịnh (Bhavanga) mới phát sanh thì chưa được gọi rằng thu thúc hoặc không thu thúc. Chỉ đến khi sát-na (javana) phát sanh mới có thể nhất định được. Bởi tất cả các pháp để phân biệt cho biết có thu thúc cùng không thu thúc đều chỉ phát sanh trong sát-na cuối cùng là (javana) thôi.

Chỗ nói "Phải cẩn thận trí nhớ và ráng gìn giữ 6 căn không cho các pháp là tham, sân đè nén được" là chỉ rõ rằng: khi tham, sân không đè nén được thì gọi là thu thúc. Nếu để chúng nó đè nén được thì gọi là không thu thúc.

Xin ví dụ cả thân thể như nhà, 6 căn cửa cửa là ngoài nhà, đường đi của tâm ví như buồng trong nhà, trí nhớ như người giữ cửa.

Tất cả 5 pháp thu thúc ví như cửa cái, 1 trong 6 trần ví như kẻ dắt đường, tham và sân ví như kẻ cướp; cả 5 pháp không thu thúc ví như bọn tùy tùng của kẻ cướp. Khi người gác cửa tức là trí nhớ quên phận sự mình, thì tất nhiên kẻ dắt đường, chính là 1 trong 6 trần, sẽ thừa dịp ấy dẫn kẻ cướp tất là tham và sân vào nhà. Kẻ cướp ấy tức là tham, sân, ắt đem theo bọn tùy tùng, tức là 5 pháp không thu thúc xông vào phá buồng trong nhà, tức là đường đi của tâm để cướp lấy tài sản, tức là thiện pháp (Pháp thu thúc).

Vì vậy, cho nên cần phải tinh tấn gìn giữ 6 căn cho cẩn thận, chớ nên hờ hững để cho giác quan phóng túng như mắt hay xem sắc, tai hay nghe tiếng vân vân... Những lời đã giải gọi là: "lục căn thu thúc giới"

KẾT LUẬN "LỤC CĂN THU THỨC GIỚI"

Nhờ có trí nhớ mà Tỳ-khuru gìn giữ 6 căn được thanh tịnh, làm cho các ác pháp, nhất là tham, sân, không thể đè nén cái tâm trong sạch được.

Có lời khen rằng "Thu thúc lục căn giới mà được kết quả mỹ mãn rồi, có thể bảo tồn giới bền được lâu dài, ví như cây lúa mà người gìn giữ tốt tươi, là nhờ có hàng rào kín đáo, ví như Tỳ-khuru không thể bị đạo tặc phá quấy, tức là các phiến nãovào làm hại, hoặc giả ví như 1 xứ kia được quan quân canh giữ các cửa thành rất cẩn thận làm cho bọn tặc không sao xâm nhập được". Hiệp theo Phật ngôn rằng:

Rupesu saddesu adhorasesu gandhesu, phassesu, ca rakkhatindriyam ete hidvārā pidahitā susamvutā na haranti gāmamva parassa hārino.

Nghĩa là: Con người phải gìn giữ lục căn không cho điều nguy hiểm tai hại phát sanh, vì sắc, thanh, hương, vị, xúc, bởi khi các cửa nhất là nhãn căn, mà người đã đóng khít khao rồi, thì chẳng bị cái chi là hại được, ví như trong xứ mà

người đã đóng kín cửa thành chắc chắn, thì đạo tặc cũng không sao vào phá hại dân chúng được.

Lại nữa, nếu Tỳ-khuru nào đã thu thúc lục căn rồi, vì lòng tham dục không sao phá hại tâm của vị đó được, ví như giọt mưa không thể xoi thủng mái nhà đã lợp khít khao vậy.

Đúng theo Phật ngôn rằng:

Yathà agàram succhannam vutthi na samativijjhati evam subhàvitam cittam rago na samativijjhati.

Nghĩa là: Giọt mưa không thể xoi thủng mái nhà mà người đã lợp khít khao thế nào mà lòng tham dục cũng không sao xâm nhập vào tâm của người đã trau dồi đúng đắn được.

Những hành giả nào khi đã thấy rõ các đức của sự thu thúc và những tội của sự không thu thúc thì chẳng nên dãi dãi, phải hết lòng tinh tấn gìn giữ lục căn theo lời chú giải sau này:

Makkato và yàvajivika arannamhi vane bhanto migoviya bàlo viya ca uttāsito na chavelolalocano adhe khipeyya cakkhūni yugamattadasso siyàvanamakkatalolassa nacittassavasam vaje.

Nghĩa là: những người nào mong được sự lợi ích, thì mắt chẳng nên láo liên như khỉ trên cây, như thú nhút nhát trong rừng [*], như trẻ con sợ hãi vì xa thân quyến. Theo giới luật thì trong khi đi đứng phải ngó xuống, xem chung quanh mình lối 2 thước, chẳng nể chịu theo vọng tâm, xét cái này, suy cái khác như khỉ trong rừng vậy.

[*] Thú trong rừng thường hay sợ người bắt giết hay là bắt nó. Nên khi đi kiểm ăn lỗ ra ngoài rừng, thì mắt dáo dác ngó bên này dòm bên kia không ngớt

-ooOoo-

CHÁNH MẠNG THANH TỊNH GIỚI (Àjìvapàrisuddhi sīla).

Cách nuôi mạng theo lẽ chánh của Tỳ-khuru, không phạm 6 điều học mà đức Phật đã chế định vì nguyên nhân tà mạng, hoặc chẳng phạm nhất là 5 ác pháp, như thế gọi là giới nuôi mạng trong sạch.

Giải về 6 điều học: Sáu điều học này mà đức Phật đã chế định là:

- 1) Tỳ-khưu chỉ vì nguyên nhân nuôi sanh mạng, có sự ham muốn xấu xa, bị lòng tham đè nén, rồi khoe pháp của bậc cao hơn (pháp đại định hoặc là pháp thánh) mà mình chưa đắc, phạm tội Bất cộng trụ.
- 2) Tỳ-khưu chỉ vì nuôi sanh mạng, làm mai dong, nói cho trai vừa lòng gái, gái đẹp lòng trai phạm tội Tăng tàn.
- 3) Tỳ-khưu khoe pháp của bậc cao hơn, nói không ngay, chỉ nói mí rằng "Các ngài hãy xem Tỳ-khưu nào ở trong tịnh xá của các ngài, chính vị Tỳ-khưu ấy là bậc A la hán vậy". Cách khoe mình như thế, chỉ vì sự nuôi sanh mạng, phạm tội Trọng tội.
- 4) Tỳ-khưu vô bệnh chỉ vì sự nuôi sanh mạng, xin vật cao lương để dùng, phạm Ưng đối trị.
- 5) Tỳ-khưu ni vô bệnh chỉ vì sự nuôi sanh mạng, xin vật thực để dùng, phạm Ưng phát lộ.
- 6) Tỳ-khưu vô bệnh xin vật thực để dùng phạm Tác ác.

---o0o---

GIẢI VỀ 5 ÁC PHÁP:

Năm ác pháp là pháp đê hèn, tội lỗi mà bậc tu hành phải xa lánh là:

- Kuhanà
- Lapanà
- Nemittikatà
- Nippesikatà
- Làbhenalabham nijjigimsanatà

1) Trong ác pháp thứ nhất Kuhanà giải rằng: Tỳ-khưu dục lợi muốn được người tôn kính và khen tặng, nói dối để khoe đạo đức cao thượng mà mình không có và tìm nói dối như mấy cách sau này:

a. Paccayapatisevana: Phương pháp nói dối về sự thọ lãnh vật dụng.

Giải: có hạng Tỳ-khưu được thí chủ thỉnh đến dâng cúng 4 vật dụng, duy tâm mong mỗi được mấy món ấy, nhưng giả bộ từ chối, làm cho người tưởng mình là kẻ ít tham, không cần vật quý giá, chỉ dùng vật thấp hèn thôi (như dùng y dơ của người bỏ). Vì lẽ ấy nên thí chủ thật lòng tín ngưỡng mình. Lần sau họ đem

nhiều vật đến dâng cúng mới chịu thọ lãnh và kiểm thế chữa mình rằng: Ta chẳng phải tham dùng các món ấy, nhưng muốn cho quý ngài vui lòng được phước, nên phải buộc mình thọ lãnh. Chẳng phải chỉ giả dối trong những nơi ấy, mà còn làm ra dáng cao thượng nữa, cho người càng thêm tôn trọng mình.

Các cách hành động như thế gọi là dối trá về sự thọ lãnh vật thực.

b. Sàmantajappana: Tỳ-khuru dục lợi, muốn được người khen ngợi, giả trá bằng cách nói mí rằng: Các ngài nên xem Tỳ-khuru nào mặc y như vậy, thầy tế độ và thầy giáo thọ của vị Tỳ-khuru ấy như vậy, Tỳ-khuru ở trong tịnh xá như vậy v.v... Tỳ-khuru như thế là bậc Sa-môn cao thượng, bởi ngài có đạo đức thanh cao. Hoặc nói nhiều cách khác nữa, hoặc tự khoe mình để cho người khác tán tụng. như thế gọi là Sàmantajappana

c. Iriyapathasanisita: hoặc sự dối giả xấu xa bằng cách oai nghi đi đứng.

Giải: Có hạng Tỳ-khuru dục lợi bằng cách đê hèn, muốn được danh lợi nên khoe rằng mình có đạo đức cao thượng, thu thúc oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) theo dáng bậc cao hơn, làm cho người lầm tưởng rằng mình có đầy đủ trí tuệ, hoặc đã đắc đại định. Như thế gọi là dối trá bằng cách giả bộ thu thúc oai nghi.

2) Trong ác pháp thứ nhì (Lapanà) giải rằng: Tỳ-khuru tham muốn xấu xa, mong được tài vật và danh tiếng, khi thấy người đến chùa thì niềm nở hỏi han. nếu người nói đến thỉnh chư tăng thì tự mình đi thỉnh thế cho, hoặc tự khoe rằng: ta được từ vua, chí các quan lớn, nhỏ đều kính mến. Hoặc nói lời này tiếng nọ làm cho thí chủ phải dâng cúng vật dụng cho mình. Như thế gọi là Lapanà.

3) Trong ác pháp thứ ba (Nemittikatà) giải rằng: tham muốn xấu xa mong được vật dụng và danh dự, hành động nói để cho người phải bỏ thí tài vật đến mình. Như Tỳ-khuru thấy, người có vật thực ngon, làm tuồng như không thấy giả bộ hỏi thăm bằng thế này thế kia, cho người biết rằng mình cần dùng vật ấy, khiến người phải buộc lòng đem dâng cho mình. Các cử chỉ như thế gọi là "Nemittikatà".

4) Trong ác pháp thứ tư (Nippesikatà) giải rằng: Tỳ-khuru dục lợi cách đê hèn, mong được tài vật và danh vọng, ý quyền chửi mắng [*] thí chủ, dùng lời này tiếng kia, trách người không biết điều, không tin ngưỡng Phật pháp; nói lén hoặc nói xấu người, hoặc đem đến chuyện xấu nhà này nói nhà kia... như thế gọi là "Nippesikatà".

[*] 10 cách chưởi mắng : người là kẻ cướp, người là kẻ dữ, người là kẻ làm lạc, người là bò, người là thú..

5) Trong ác pháp thứ năm (Làbhenalàbham nijigimsanata) giải rằng: Tỳ-khuru dục lợi cách dê hèn, muốn được tài vật danh tiếng, lấy vật được nơi đây đem cho nơi kia, như thế gọi là làbhenalàbham ijigimsanata.

Những lẽ giải trên đây gọi là sự tà mạng do 5 ác pháp.

---o0o---

GIẢI VỀ SỰ BIẾT VÔ ÍCH

Sự biết vô ích, là tư cách hiểu biết thấp hèn, không có ích lợi chi. Tư cách có nhiều thể thức khác nhau, nhưng đây chỉ lược thuật 8 thể thức:

- Biết sách giải về thân thể học (angam).
- Biết sách giải về các nguyên nhân khác (nimittam).
- Biết sách giải về thiên văn học (uppàtam).
- Biết sách giải về pháp đoán điềm mộng (supinam - mộng là những triệu chứng mà người thường cảm giác trong lúc ngủ).
- Biết sách giải về thần tướng học (lakkhanam).
- Biết sách giải về y phục bị chuột cắn [1] (musikacchinnam).
- Biết sách giải về sự cúng dường lửa (aggihomam).
- Biết phương pháp cúng dường vá [2] (dobbihonam).

[1] khoa này thuộc về Bà-la-môn giáo

[2] phép cúng dường (và mức canh) theo đạo Bà la môn

Tỳ-khuru thọ dụng những vật thực của thí chủ có lòng tín thành dâng cúng cho, chẳng nên học hỏi sách tướng để tìm cách nuôi mạng bằng sự biết không hữu ích như giải trên.

Tư cách của Tỳ-khuru, nhất là sự xa lánh 5 ác pháp và 8 điều biết không hữu ích để tìm thể nuôi mạng chơn chánh, gọi là hành theo chánh mạng vậy.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG PHÁP CHÁNH MẠNG

Tỳ-khuru chánh mạng do sự tinh tấn, thu thúc theo giới luật, nghĩa là nhờ có sự cố gắng, thì pháp chánh mạng mới được trong sạch.

Sự trì giới này chỉ nhờ đức tinh tấn chơn chánh, hằng xa lánh các ác pháp và sự biết vô ích như đã giải trên, mới có thể tìm vật dụng một cách trong sạch được.

Theo lẽ ấy, Tỳ-khuru mong được điều lợi ích, chẳng nên thọ lãnh vật dụng như nhớp dê hèn, trái lẽ đạo.

--- o0o ---

Phần 02

THỌ VẬT DỤNG GIỚI

PHẢI BIẾT VẬT DỤNG THẾ NÀO LÀ TRONG SẠCH THẾ NÀO LÀ KHÔNG TRONG SẠCH

Đối với các hạng Tỳ-khuru không tu hạnh đầu đà, những vật dụng của thiện tín thông luật pháp bố thí đến chư tăng hoặc đến 1, 2, 3 vị Tỳ-khuru, đều gọi là vật trong sạch.

Tuy nhiên vật dụng được do sự hành khuất, lợm lặt của người thí chủ có tâm thỏa thích trong pháp đầu đà dưng cúng, mới đáng gọi là vật dụng trong sạch. Hoặc vật dụng quý giá hay thấp hèn đã được trong một thời kỳ, Tỳ-khuru không dùng vật quý, đem dâng cho vị khác và để vật hèn lại cho mình, như thế mới đáng gọi là vật trong sạch cao thượng.

Vật dụng không trong sạch là vật dụng được do sự tà mạng như đã giải trong "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới", trong anàcàra, trong 6 điều học, trong 5 ác pháp và trong 8 điều biết vô ích, hoặc vật dụng do sự bôm dồ, làm thầy thuốc mà có hay tự mình mua, đổi. Những vật ấy gọi là vật không trong sạch.

Có lời khen rằng: Tỳ-khuru nào, dầu có sự tai hại đến sanh mạng mình, cũng chẳng thôi chuyên trong sự hành theo chánh mạng, thà chết chớ chẳng chịu dùng vật thực không trong sạch, mới đáng gọi là bậc chơn chánh.

Như đại đức Xá Lợi Phất, một thườ nợ, ngài đau bụng gió, tôn giả Mục kiên Liên hỏi rằng: Thường khi sư huynh mang bệnh ấy, vậy chớ sư huynh dùng thuốc chi để chuyên trị? Đức Xá Lợi Phất đáp "Khi còn ở thế, bị bệnh này, tôi dùng cơm nấu với sữa tươi không có lộn nước thì bệnh hết".

Trong lúc ấy có 1 vị Tỳ-khuru nghe được, bèn bảo người nấu cơm y như lời đức Xá Lợi Phất đã nói khi nãy. Ông ta đi khát thực rồi đem về dâng cho đức Xá Lợi Phất, nhưng ngài chẳng chịu dùng, vì cho rằng cơm này phát sanh do lời nói của mình. Ngài bèn thuyết rằng:

*Vacivannatti vipphàrà
Uppannam madhupàyasam
Sace Bhutto Bhaveyyàham
Sàjivo garahito mama
Yadipi me antagunam
Nikkhamitvà bahi care
Nevabhindeyyamàhivam
Cajamànopi jìvitam
Àràdhemi sakam cittam
Vivajjemi anesanam
Nàham buddhapatikkuttham
Kàhàmi ca annesanam*

Nghĩa là: Nếu tôi dùng cơm sữa phát sanh do lời nói của tôi, thì ắt bậc trí tuệ khinh bỉ được. Dầu ruột phải lòi ra ngoài, tôi cũng cam chịu chết, chớ không thối chuyển, để làm hư hại pháp chánh mạng của tôi. Tôi làm cho tâm tôi phải theo tôi, tôi phải xa lánh vật thực tìm được do tà mạng và không khi nào dám phạm tà mạng mà đức Phật đã răn cấm đâu.

Có lời kệ rằng:.

Anesanàya cittampi ajanetvà vicakkhano àjivam parisodheyya saddhàpabbajito yati.

Nghĩa là: Những hành giả có trí tuệ, đã xuất gia theo Phật pháp do lòng tính ngưỡng chơn chánh, phải làm cho sự nuôi mạng được trong sạch, không nên chịu theo vọng tâm, thọ lãnh vật dụng thuộc về tà mạng.

---o0o---

QUÁN TƯỜNG VỀ THỌ VẬT DỤNG GIỚI (Paccaya sannissita sīla).

Giới nương theo 4 vật dụng là nói về tư cách dùng 4 món ấy được trong sạch, nhờ phép quán tưởng.

Tiếng vật dụng là nói về vật phải dùng mới có thể sống được. Vật dụng ấy có 4 loại là.

- Cìvara: Vật để mặc, đắp, trùm cho kín thân thể.
- Pindapàta: Vật để duy trì thân thể.
- Senàsana: Chỗ ngồi, chỗ nằm để cho thân thể an nghỉ.
- Gilànabhesajja: Thuốc chữa bệnh để hộ thân thể.

Tất cả chúng sanh trong thế gian đều phải dùng 4 vật ấy dầu thế nào cũng phải nhờ 1 trong 4 món ấy mới có thể sống còn được, nên gọi là vật dụng.

---o0o---

CÁCH THỨC QUÁN TƯỞNG

Về Dhàtupaccavekkhana, phải quán tưởng chung với thân thể của mình cho thấy chỉ là nguyên chất "dhātu", để dứt bỏ sự cố chấp là "ta hay là của ta".

Về patikùlapaccavekkhana, phải quán tưởng chung với thân thể của mình cho thấy là vật không trong sạch, đáng nhèm gớm, để dứt bỏ sự phân biệt sai lầm, cho là đẹp là sạch. Nếu trong pindapàtapaccaya thì kể vào trong phép thiền định ahārapatikūla manasikāra.

Về tamkhanikapaccavekkhana phải quán tưởng trong khi dùng.

Còn về atītapaccavekkhana thì phải quán tưởng thêm khi đã dùng rồi, nội ngày ấy để ngừa, e quên không được quán tưởng trong khi dùng, hầu ngăn lấp lòng ái dục không cho tâm khẩn khít trong vật dụng, nhất là để phá huỷ tình dục, sân hận, si mê và ngã chấp không cho phát sanh vì sự thọ dụng ấy.

Nếu Tỳ-khuru dùng vật dụng mà không quán tưởng, thì sự thọ dụng đó nó chỉ đem lại những thống khổ trong đường dữ, như có Phật ngôn rằng:

*Ayasāva malam samutthāyataddutthāya, tamava khādati evam
atidhonacārinam sànikammāni nayanti duggatim.*

Nghĩa là: Vật dơ sanh từ nơi sắt (ri sét), ra từ nơi sắt, trở lại ăn sắt thế nào, thì các điều tạo tác phát khởi trong tâm, hàng dất dẫn người làm sai, không cho quán tưởng vật dụng rồi dùng, nên phải chịu sa vào cảnh khổ, cũng như thế ấy.

---o0o---

GIẢI VỀ 4 PHẦN THỌ DỤNG

Sự dùng vật dụng chia ra có 4 phần:

- 1) Theyyaparibhoga, dùng như kẻ trộm là: sự dùng của Tỳ-khuru phá giới
- 2) Inaparibhoga, dùng như kẻ mắc nợ: là sự dùng của Tỳ-khuru có giới, nhưng không được quán tưởng.
- 3) Dāyajjaparibhoga, dùng như của di sản phải được: là sự dùng của bậc hữu học (từ Tu đà hườn đến A-na-hàm).
- 4) Sāmiparibhoga, dùng như của chủ: là sự dùng của hàng vô học (A-la-hán).

1) Trong sự dùng thứ nhất Theyyaparibhoga giải rằng: Tỳ-khuru phá giới, rồi ẩn mình nú lén thọ vật dụng của thí chủ chung với tăng gọi là trộm vật dụng của thí chủ đem dùng, vì thí chủ chỉ tìm dâng cúng đến Tỳ-khuru có giới để mong hưởng được nhiều quả phước.

Chẳng phải họ tìm dâng đến Tỳ-khuru phá giới đâu, Tỳ-khuru phá giới cố che mắt người, thọ lãnh và dùng vật dụng, cho nên gọi là trộm của thí chủ. Chẳng những chỉ thế thôi cũng còn gọi là cướp của các Tỳ-khuru có giới trong sạch nữa. Vì các vật họ dâng cho sự tín ngưỡng ấy, đức Thế Tôn chỉ cho phép các bậc Tỳ-khuru, có giới được thọ hưởng, mà Tỳ-khuru phá giới lại ẩn mình, che mắt thí chủ, nhận lãnh để dùng. Cho nên gọi là cướp đoạt vật dụng của Tỳ-khuru có giới.

2) Trong Inaparibhoga giải rằng: Tỳ-khuru có giới trong sạch, nhưng dùng vật mà không được quán tưởng trong 3 thời, theo 1 trong 4 phép quán tưởng, như thế gọi là dùng vật như kẻ mắc nợ. Tỳ-khuru mắc nợ của thí chủ không có thể vẫy vùng cho khỏi chỗ sanh tử được, ví như người thiếu nợ không sao đi đến xứ nào theo sở thích được. Bởi có ấy Tỳ-khuru có giới trong sạch nên quán tưởng trong ý mỗi lần mặc, trong mỗi miếng cơm, trong mỗi chỗ ở, mỗi khi đi vào ngủ. Lúc dùng thuốc, phải quán tưởng luôn trong khi thọ lãnh và trong khi uống.

3) Trong Dàyajjaribhoga giải rằng: Bậc thánh như hữ học như con của đức Thế Tôn được phép thọ lãnh di sản của ngài. Bốn món vật dụng mà thí chủ hằng bố thí bằng đức tin, ví như di sản của ngài để lại cho các con. Bởi có ấy, sự dùng 4 món vật dụng của bậc hữ học, có quyền giải được. Sự dùng của Tỳ-khuru có giới và được quán tưởng gọi là không mắc nợ (ānāparibhoga). Như thế cũng được, vì trái hẳn với inaparibhoga hoặc gọi là dājajjaribhoga cũng được, vì Tỳ-khuru có giới ví cũng như bậc hữ học vậy.

4) Trong Sāmparibhoga giải rằng: Các bậc vô học đã thoát khỏi vòng nô lệ của sự ham muốn. Các ngài được danh hiệu là chủ của vật dụng, vì các ngài dùng vật của người nào, hằng làm cho người ấy được mãn nguyện.

Trong 4 phần thọ dụng ấy có sāmiparibhoga là cao thượng hơn tất cả, dājajjaribhoga cao thượng bậc trung. Còn theyyaparibhoga và inaparibhoga thì không gọi là cao thượng được.

Như thế, paccayasannissitasila, chưa hư hoại vì giới ấy trong sạch do sự quán tưởng. Miễn là được quán tưởng rồi, dầu chỉ quán tưởng 1 phép trong vật dụng nào 1 lần, hoặc 2 lần cũng được gọi là chưa hư hoại. Trừ ra đến mặt trời mọc

lên mà không được quán tưởng lần nào, mới gọi là hư hoại, và Tỳ-khưu ấy phải bị ở trong vòng inaparibhoga nữa. Ấy là nói về 3 vật dụng trên.

Còn về thuốc men, phải quán tưởng trong khi thọ và khi dùng mới nên, nếu không được quán tưởng trong khi thọ, chỉ phải quán tưởng trong khi dùng cũng được. Nếu không được quán tưởng khi dùng, dầu có quán tưởng trong khi thọ cũng phạm Tác ác. Pàtimokkha samvarasīla cũng hư hoại nữa, nhưng paccayasannissitasīla chưa sao, chỉ khi giới hạn của atitapaccavekkhana đã qua rồi, mới hư hoại vì tamkhanikapaccavekkhana, trong gilānapaccava gìn giữ được cả Pàtimokkha samvarasīla và paccayasannissitasīla, còn atitapaccavekkhana không cần quán tưởng cũng được. Cả 2 giới cũng không hư hoại, nếu không được quán tưởng tamkhanikapaccavekkhana, dầu có quán tưởng atitapaccavekkhana, thì chỉ được có paccayasannissitasīla, còn Pàtimokkha samvarasīla phải hư hoại vì Tỳ-khưu ấy đã phạm Tác ác rồi.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG THỌ VẬT DỤNG GIỚI (Avasāna kathā paccayasannissita sīla)

Thật vậy, thọ vật dụng giới này, hành giả được kết quả nhờ thế lực của trí tuệ, nghĩa là trí tuệ là pháp hỗ trợ cho được kết quả. Giới ấy chỉ có người trí tuệ thấy rõ tội và phước trong cách thọ 4 vật dụng, mới có thể thành tựu được.

Bởi có ấy, hành giả nên dứt sự say mê theo 4 vật dụng và nên dùng trí tuệ để quán tưởng theo cách thức như đã giải trước, rồi mới nên dùng.

Có lời khen rằng: nếu Tỳ-khưu hành theo cách thức như thế, Tỳ-khưu ấy được gọi là người vừa theo lời nguyện đầu tiên [*] của mình đúng theo kệ ngôn như vậy.

*Pindam vihāram sayanāsanāna
Sutvāna sanghātirajūpavāhanam
Sankhāya seve varapannāsāvako
Tasmāhi pinde sayanāsane ca
Āpe ca-sanghātirajūpavāhane
Etesu dhammesu anūpalitto
Bhikkhu yathā pokkhare vārivindu
Kālena laddhā parato anuggahā
Khajjesu bhojjesu ca sàyanesu ca
Mattam sojanna satatam upatthito
Vanassa àlepanarūhane yathā*

*Kantàre puttamamsamva akkhassabbhanja nam yathà.
Evam àhati àhàram yàpanàya amucchito.*

Nghĩa là: Hàng tinh văn, người có trí tuệ thanh cao, khi được nghe pháp mà bậc thiện thệ đã giảng giải rồi, cần phải quán tưởng trước rồi mới nên dùng: vật ăn, chỗ ngồi, chỗ nằm, thuốc chữa bệnh, nước để giặt, y 2 lớp. Bởi có ấy, không nên say mê trong vật thực, chỗ ngồi, chỗ nằm, thuốc chữa bệnh, nước để giặt, y 2 lớp ấy đâu, phải có tư cách trơn tru không dính mắc, như giọt mưa rớt trên lá sen vậy. Tỳ-khuru là người có trí nhớ luôn luôn, cần phải tiết độ trong vật ngọt, vật mặc và các vật thực mà mình đã được theo thời, để tiếp độ thí chủ cũng như dè dặt trong sự rờ rẫm mụn ghẻ do sự thoa thuốc vậy.

[] lời nguyện đầu tiên là nói về lời của vị kiết ma dạy bảo 4 pháp nương sau khi vừa thọ xong cụ túc giới, mà mình thọ bằng tiếng Ama-bhante.*

Người đi đường xa, cực chẳng đã phải ăn thịt con để gìn giữ sinh mạng trong khoảng đường nguy hiểm, người xa phu bắt đực dĩ mới ăn dầu thoa ốc xe thể nào, thì hành giả buộc lòng thọ thực để duy trì sanh mạng của mình cũng như thế ấy, chẳng nên vì lẽ gì, mà say mê trong vật thực.

---o0o---

PHÉP QUÁN TƯỞNG (Paccayavekkhana)

Những người xuất gia tu Phật phải biết phép quán tưởng ấy hằng ngày, phải học nó cho thông thuộc nằm lòng, cả tiếng phạn và nghĩa lý.

Các phép quán tưởng ấy có 4 là:

- Y phục để cho người xuất gia dùng nhất là y ca-sa.
- Vật thực để cho người xuất gia được phép ăn từ mặt trời mọc đến đứng bóng, nhất là cơm và bánh.
- Chỗ ngụ để cho người xuất gia an nghỉ.
- Thuốc để cho người xuất gia dùng ngừa bệnh.

Trong mỗi phép ấy đều có cách quán tưởng khác nhau là:

- Quán tưởng về nguyên chất y phục.
- Quán tưởng về nguyên chất vật thực.
- Quán tưởng về nguyên chất chỗ ở
- Quán tưởng về nguyên chất thuốc men.

---o0o---

I- PHÉP QUÁN TƯỚNG VỀ NGUYÊN CHẤT Y PHỤC (Dhàtipaccavekkhana)

Phép quán tưởng này dạy phải thâm xét trong khi thọ lãnh 4 món vật dùng ấy cho thấy rõ nguyên chất của nó.

1) Khi thọ lãnh y phục phải quán tưởng bằng các này:

*Yathàpaccayampavattamànam dhàtumattamevetam yadidam cìvaram
tadupabhujaloca puggalo dhàtumattakonisattonijjvosunno.*

Y phục này hẳn thật là 1 nguyên chất, chỉ làm ra để dùng.

Dầu ta là người dùng nó chẳng hạn, nó cũng là 1 nguyên chất thôi chẳng phải là thú, chẳng phải là ta, cũng chẳng phải là vật chi chi cả.

2) Khi thọ lãnh món ăn phải quán tưởng bằng các này:

*Yathàpaccayampavattamànam dhàtumattamevetam yadidam piindapàto
tadupabhujaloca puggalo dhàtumattakonisattonijjvosunno.*

Món ăn này hẳn thật là 1 nguyên chất, chỉ làm ra để dùng.

Dầu ta là người dùng nó chẳng hạn, nó cũng là 1 nguyên chất thôi chẳng phải là thú, chẳng phải là ta, cũng chẳng phải là vật chi chi cả.

3) Khi thọ lãnh chỗ ở phải quán tưởng bằng các này:

*Yathàpaccayampavattamànam dhàtumattamevetam yadidam senàsanam
tadupabhujaloca puggalo dhàtumattakonisattonijjvosunno*

Chỗ ở này hẳn thật là 1 nguyên chất, chỉ làm ra để dùng.

Dầu ta là người dùng nó chẳng hạn, nó cũng là 1 nguyên chất thôi chẳng phải là thú, chẳng phải là ta, cũng chẳng phải là vật chi chi cả.

4) Khi thọ lãnh thuốc men phải quán tưởng bằng các này:

*Yathàpaccayampavattamànam dhàtumattamevetam yadidam gilànappaccaya
bhesajja parikkhàro tadupabhujaloca puggalo dhàtumattakonisattonijjvosunno*

Thuốc men để cho người bệnh dùng đây hẳn thật là 1 nguyên chất, chỉ làm ra để dùng.

Dầu ta là người dùng nó chẳng hạn, nó cũng là 1 nguyên chất thôi chẳng phải là thú, chẳng phải là ta, cũng chẳng phải là vật chi chi cả.

---o0o---

II- PHÉP QUÁN TƯỞNG VỀ VẬT ĐÁNG NHỜM GÓM (Patikùlapaccavekkhàna)

Phép này dạy phải quán tưởng trong khi sắp dùng 4 vật dụng ấy cho thấy rõ là vật đáng nhờm gồm.

1) Khi sắp mặc y phục, phải quán tưởng bằng cách này.

*Sabbànipanimànicivaràni ajigucchaniyàni imampùtikàyam
patvàativiyajiguechaniyànijàyanti*

Những y phục này, vốn chẳng phải là vật đáng nhờm gồm. nhưng đến khi đựng vào mình hôi thối này giờ nào rồi, thì liền trở nên vật đáng nhờm gồm lắm.

2) Khi sắp mặc vật thực, phải quán tưởng bằng cách này.

*Sabbopanàyam pindapàto ajigucchaniyàni imampùtikàyam
patvàativiyajiguechaniyànijàyanti*

Những món ăn này, vốn chẳng phải là vật đáng nhờm gồm. Nhưng đến khi đựng vào mình hôi thối này giờ nào rồi, thì liền trở nên vật đáng nhờm gồm lắm.

3) Khi sắp vào chỗ ở, phải quán tưởng bằng cách này.

*Sabbànipanimànisenàni ajigucchaniyàni imampùtikàyam
patvàativiyajiguechaniyànijàyanti*

Những chỗ ở này, vốn chẳng phải là vật đáng nhờm gồm. nhưng đến khi đựng vào mình hôi thối này giờ nào rồi, thì liền trở nên vật đáng nhờm gồm lắm.

4) Khi sắp dùng thuốc men, phải quán tưởng bằng cách này.

*Sabbopanàyam gilànappacceyabhesajjaparikkhàro ajigucchaniyàni
imampùtikàyam patvàativiyajiguechaniyànijàyanti*

Những vật để bảo dưỡng thân thể tức là thuốc men dành riêng cho người bệnh dùng, vốn chẳng phải là vật đáng nhờ gớm. Nhưng đến khi đụng vào mình hôi thối này giờ nào rồi, thì liền trở nên vật đáng nhờ gớm lắm.

---o0o---

III- PHÉP QUÁN TƯỚNG TRONG KHI DÙNG CÁC VẬT DỤNG (Tamkhanikapaccavekkhana)

Phép này dạy phải quán tưởng trong khi dùng 4 vật dụng:

1) Khi thọ mặc y phục phải quán tưởng bằng các này:

*Patisamkhàyoniso cìvarampatisevàmìyàva devasìtassapatighàtàyà
unhassapatighàtàyà damsamakasavàtatapasirimsapa samphassà
nampatighàtàyà yàvadevahirikopinappaticchàdanattham.*

Người xuất gia phải quán tưởng rằng: Ta mặc y phục đây để ngừa sự lạnh, nóng, muỗi, mòng, nắng, gió, rắn nhỏ, rắn lớn và để che thân thể cho khỏi hổ thẹn (lỏa thể) vậy thôi.

2) Khi ăn phải quán tưởng bằng các này:

*Patisamkhàyoniso pindàpàtampatisevàminevadavàyana madàya
namandanàyanavibhùsanàyà yàvadeya imassa kàyassathitiyà yàpanàyavihimsu
paratiyà brahmacariyànuggahàyà itipurànancavedanam patihamkhàmina
vancavedanamnauppàdessàmi yàtràcamebhavissati anavajjatàcaphàsuvì
hàrocàti.*

Người xuất gia phải quán tưởng rằng: Ta thọ thực đây chẳng phải để chơi như trẻ con ở thế, cũng chẳng phải dưỡng sức cho mạnh, say mê như kẻ đánh lộn, chẳng phải để trau dồi sắc thân như phụ nữ, chẳng phải để điểm trang nhan sắc như kẻ chơi bời đàng điếm.

Ta thọ thực chỉ để cho thân tâm được mạnh khỏe, đặng chánh sự khó nhọc, hầu tu hành theo đạo cao thượng, cho ta diệt trừ cái khổ đã qua là sự đói khát và ngừa sự ăn quá độ. Cách hành động trong 4 oai nghi sẽ phát sanh đến cho ta nhờ sự thọ thực này.

3) Khi vào chỗ cư ngụ, trong thất, nhà, phải quán tưởng bằng các này:

*Patisamkhàyoniso senàpanampati sevàmiyà vadevasitàassapati
ghàtàyānuhassapatighàtàyassānam patighàtāya yāvadeva
utaparissayavinodanam patisalānārāmattham*

Người xuất gia phải quán tưởng rằng: Ta dùng chỗ ở đây để tránh sự lạnh, nóng, muỗi, mòng, gió, nắng, rần nhỏ, rần lớn, tránh sự khó chịu bởi thời tiết và được nơi thanh vắng để tham thiền nhập định.

4) Khi dùng thuốc để chữa bệnh, phải quán tưởng bằng các này:

*Patisamkhàyoniso gilānappaccayabhesajjaparikkhārampatise vāmi yāva
devauppanānam veyyābādhikānam vedanānam patighàtāya
abyāpajjhāparamatāvāti*

Người xuất gia phải quán tưởng rằng: Ta dùng thuốc để dưỡng thân đây là thuốc mà người bệnh dùng để chữa những bệnh hoạn đã phát khởi lên rồi, cho đừng tránh khỏi khổ não, nặng nề thường có.

---o0o---

***IV- PHÉP QUÁN TƯỞNG CÁC VẬT DỤNG ĐÃ DÙNG RỒI
(Atītapaccavekkhana)***

Phép này dạy phải quán tưởng 4 vật dụng khi đã dùng rồi trong ngày ấy, nghĩa là vật dụng đã dùng qua 1 ngày, 1 đêm, phải hồi tưởng trước khi mặt trời mọc. Trong mỗi món dùng phải quán tưởng 1 hoặc 2 lần, 3 lần cũng được.

1) Khi quán tưởng y phục phải quán tưởng bằng cách này:

*Ajjamayā apaccavekkhitvāyam cīvaram paribhuttam
tamyāvadevasitàassapatighàtāya unhassapatighàtāya damsamakassavàtā
tapasirimsappasamphassānampatighàtāya yāvadeva
hīrikopinappaticchādanattham*

Y phục nào mà ta chưa quán tưởng mà mặc trong ngày nay rồi, y phục ấy ta mặc để ngừa sự lạnh, sự nóng, muỗi, mòng, nắng, gió, rần nhỏ, rần, lớn, cho đừng che thân thể và tránh điều hổ thẹn (lỏa thể).

2) Khi quán tưởng vật thực phải quán tưởng bằng cách này:

*Ajjamayā apaccavekkhitvāyo pīnapāto paribhutto
sonevadavāyanamadānanam danāyanavibhūsanāya yāvadeva*

*imassakàyassathittiyà yàpanàyavihimsuparatiyàbrahma cariyà nuggahayà
itipùrànancavedanam patihamkhàmi navancavadanamna upppàdessàmi
yàtràcamebhavissatiana vajjatàca phàsuvihàrocàti.*

Vật thực nào ta chưa quán tưởng mà ta dùng trong ngày nay rồi, Ta thọ thực đây chẳng phải để chơi như trẻ con ở thế, cũng chẳng phải dưỡng sức cho mạnh, say mê như kẻ đánh lộn, chẳng phải để trau dồi sắc thân như phụ nữ, chẳng phải để diêm trang nhan sắc như kẻ chơi bời đàng điếm.

Ta thọ thực chỉ để cho thân tâm được mạnh khỏe, đặng chánh sự khó nhọc, hầu tu hành theo đạo cao thượng, cho ta diệt trừ cái khổ đã qua là sự đói khát và ngừa sự ăn quá độ. Cách hành động trong 4 oai nghi, sự vô tội nhất là thân tâm không biếng nhác và sự an lạc trong 4 oai nghi, chỗ phát sanh đến ta là do nhờ sự thọ thực này.

3) Khi quán tưởng chỗ ở phải quán tưởng bằng cách này:

*Ajjamayà apaccavekkhitvàyam senàsanam paribhuttam
tamyàvedevasitàssapatiighàhàtàyà unhassapatighàtàyà damsamakasavàtata
pasirimsapasamphasànam patighàtàyà yàvadevautuparissayavino danam
patisallànàràmattham.*

Chỗ ở nào mà ta chưa quán tưởng mà ta đã vào cư ngụ trong ngày nay rồi, là để tránh sự lạnh, nóng, muỗi, mòng, gió, nắng, rắn nhỏ, rắn lớn tránh sự khó chịu bỏ thời tiết và được nơi thanh vắng để tham thiền nhập định.

4) Khi quán tưởng thuốc uống phải quán tưởng bằng cách này:

*Ajjamayà apaccavekkhitvàyò gilànappaccayabhesajjaparikkhàro paribhutto
soyàvadevauppanànànam veyyàbàdhikànànam vedanànampatighàtàyà
abyàpajjhaparamatàyàti.*

Thuốc uống để dưỡng thân là thuốc để cho người bệnh dùng, ta đã dùng cho ngày nay mà ta chưa được quán tưởng. Thuốc ấy tadùng để ngừa những bệnh hoạn đã phát khởi lên rồi, cho đặng tránh khỏi khổ não, nặng nề à thường có.

---o0o---

LÀM CHO GIỚI TRONG SẠCH

TỘI BÁO TRONG SỰ PHÁ GIỚI (Sìlavipatyàdinavakathà)

Nói tóm lại, pháp làm cho giới được trong sạch chỉ do 2 điều là:

- Thấy tội trong sự phá giới.
- Thấy phước trong sự trì giới.

Đây xin giải về sự phá giới trước.

Trong phẩm Anguttaranikàya pancakanipàta. Đức Phật có giảng 5 điều như vậy.

1. Người phá giới, người không có giới hăng bị tiêu hủy của cải mau lẹ, và vì nguyên nhân sự dễ duôi.
2. Danh xấu của người phá giới, người không có giới hăng bị đồn xa đến các hướng.
3. Người không có giới, khi vào chỗ đô hội, không được tươi tỉnh, hăng ái ngại hổ thẹn, gục mày.
4. Người không có giới, hăng mê loạn tinh thần trong khi hấp hối.
5. Người không có giới, khi ta rã ngũ uẩn hăng thọ sanh trong cảnh khổ .

Lại nữa, kẻ phá giới không được vừa lòng chư thiên và không đáng cho bậc phạm hạnh dạy bảo, phải chịu điều khổ não và lo ngại, vì bị người đời chê trách. Kẻ phá giới hăng hối hận, vì được nghe người đời ngợi khen bậc có giới, thường có màu da xấu xa dường như vải làm bằng vỏ cây và phải chịu sự khổ lâu dài trong đường dữ.

Người không có giới, nếu thọ lãnh vật dụng, thì làm cho kẻ tín thí ít phước, là người khó trau dồi cho mình trở nên trong sạch được, ví như hàm phấn chất chứa đã lâu năm, là người tiêu hoại, đã xa lìa các đức tánh của hàng Sa-môn và tài sản của cư sĩ, ví như đồng tro tàn thiêu tử thi còn sót lại. Dầu có xưng mình là Tỳ-khưu cũng vẫn không-phải là Tỳ-khưu. Ví như các con lừa theo dính bầy bò, hăng ngày làm cho bò giựt mình luôn. Kẻ ấy bị cho là cừ thù với tất cả loài người, không đáng cho người khác chung chạ, dường như tử thi, dầu có văn đức [1] (suta) cũng không đáng cho hàng phạm hạnh dâng cúng, dường như lửa trong rừng mộ địa không đáng cho bậc Bà-la-môn chiêm bái, là người abhabba trong sự giác ngộ các đức cao thượng, dường như người mù không thể xem thấy sắc, là người không còn trông cậy nơi Phật pháp, dường như trẻ con thấp hèn [2] không còn mong mỏi thọ hưởng ngôi vua, dầu tưởng rằng: ta có sự vui cũng chẳng khác chi được khổ.

- [1] Văn đức là đức tính trong sự được nghe được học hỏi nhiều
[2] Đức vua dùng phụ nữ hàng dân đã làm thứ phi, sanh được con trai, con trai ấy gọi là trai thấp hèn không sao lên ngôi vua được.

Có kệ ngôn rằng:

*Abhivàdanàsàdiyane kim nàma sukham vipannasìlassa
dalhavàlarajjughamsanadukkha dhikadukkha bhàgissa*

Nghĩa là: Vui trong ngũ dục mang quả khổ, bứt rứt nóng nảy nhiều hơn điều khổ phát sanh do sự ôm đống lửa. Khi người phá giới không chịu bỏ tánh xấu ấy ra, thì sự vui chánh thức không sao phát sanh được.

*Saddhànam anjalikammasàdane kim sukham asìlassa
sattippahàradukkhàdhimattadukkhassayam hetu.*

Nghĩa là: Tư cách nhận lãnh lễ bái của người có đức tin, là nguyên nhân chịu sự khổ rất lớn hơn sự khổ phát sinh do cách bị sát hại bằng gươm đao, sự vui không thể nào có đến cho kẻ phá giới, vì nguyên nhân chịu sự lễ bái của những người có đức tin ấy được.

*Cìvaraparibhogasukham kim nàma asannàtassa yena cìram anubhàvitabbà
niraye jalita ayopattasasamphassà*

Nghĩa là: Người không thu thúc phải chịu khổ lâu ngày, vì bị lửa của các miếng sắt cháy hỏa hào trong địa ngục thiêu đốt. Sự vui trong cách thọ dụng các thứ y ca-sa như thế không sao có đến người không thu thúc ấy được.

*Madhuropi pindapàto halàhalavisupamo asìlassa àdittà gilitabbà ayoyulà yena
cìramrattam.*

Nghĩa là: Hột cơm mà người không có giới dùng, dầu là ngon miệng đến đâu, cũng ví như chất thuốc độc mạnh, vì kẻ dùng cơm ấy sẽ bị ăn những cục sắt mà lửa địa ngục đốt cháy đã lâu ngày.

*Sukhasammatopidukkho asilino mancapìthaparibhogo yam bàdhissanti vcìram
jalita ayomanapìthàni dukkhàni.*

Nghĩa là: cách dùng giường và chõng của người không có giới, dầu là nói được vui, cũng phải chịu khổ, vì người ấy sẽ bị giường và chõng mà lửa địa ngục đốt cháy đỏ, làm hại lâu ngày, bởi sự dùng giường và chõng ấy.

*Dussilassa vihàre sadhadeyyamhi kànivàsarati jalitesu nivasitabbam yena
ayokumbhìmajjhesu.*

Nghĩa là: sự vui thích do cách nương ngụ trong tịnh thất của người bố thí bằng đức tin, không sao có đến người phá giới được, vì người ấy bị vào ở trong giữa chảo sắt mà lửa địa ngục đã đốt cháy hảo hào.

Sabbahayehiamutto mutto sabbhehi adhikamasukhehi supitahitasaggadàro apàyamaggam samàrulho.

Nghĩa là: kẻ phá giới không sao tránh khỏi sự kính sợ đâu. Sự vui trong các cõi đã dứt hẳn rồi, cửa vào cõi trời cũng đã đóng chặt rồi, kẻ ấy chỉ còn có đi trên con đường cảnh khổ thôi.

---o0o---

GIẢI VỀ PHƯƠNG PHÁP LÀM CHO GIỚI TRỞ NÊN TRONG SẠCH (Suddhi kathà)

Nơi cuối cùng đây, xin giải về 4 Suddhi:

Bốn thanh tịnh giới như đã giải, nếu gọi theo Suddhi là sự phải làm cho trở nên trong sạch, mỗi khi đã phá giới ấy, có 4 tên khác nhau như:

1) Desanà suddhi: Giới trong sạch vì phạm cách "sám hối", là nói về "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới" - Pàtimokkha samvarasila.

2) Samvara suddhi: Giới trong sạch vì phạm cách "thu thúc", là nói về "Lục căn thu thúc giới" - Indriyasamvarasila.

3) Pariyetthi suddhi: Giới trong sạch vì phạm cách "tìm kiếm", là nói về "Nuôi mạng thanh tịnh giới" - Àjìvarisuddhisila.

4) Paccavekkhana suddhi: Giới trong sạch vì phạm cách "quán tưởng", là nói về "Thọ vật dụng giới" - Paccayasannissitasila.

"Biệt biệt giải thoát thu thúc giới" được trong sạch do phạm cách "sám hối", là khi phạm rồi, cần phải sám hối giữa Tăng, hoặc 1, 2, 3 vị Tỳ-khưu mới có thể trở nên trong sạch được.

"Lục căn thu thúc giới" được trong sạch do phạm cách "thu thúc", là khi phạm rồi, cần phải nguyện rằng "Ta không nên làm như thế nữa", rồi dè dặt thu thúc thêm, mới có thể trở nên trong sạch được.

"Nuôi mạng thanh tịnh giới" được trong sạch do phẩm cách "tìm kiếm", là khi phạm rồi phải dứt bỏ anesana, là nguyên nhân phá giới, rồi tìm vật dụng phát sanh đúng theo điều luật mà dùng, mới có thể trở nên trong sạch được.

"Thọ vật dụng giới" được trong sạch do phẩm cách "quán tưởng", là muốn cho giới ấy trở nên trong sạch, thì cần phải quán tưởng theo cách thức quán tưởng như đã có giải.

Cho nên hành giả có 1 trong 4 giới nào không được trong sạch, nên traу đòi theo cách đã giải trên, chẳng nên điềm nhiên giữ lấy vật "ô nhiễm" ấy để trong mình.

Những điều đã giải trên đây, chỉ là phương pháp để sửa mình cho hành giả phá giới xu hướng theo.

Hành giả là người thành tâm thương giới, cần phải gìn giữ giới cho trong sạch luôn luôn, chẳng nên vì lẽ gì mà phá giới. Phải hành cho đúng theo kệ ngôn, đã có ghi chép rằng:

Dhanam caje angavarssa hetu angam acjevìvitam rakkha màno angam dhanam jìvitancàpi sabbam caje naro dhamma manussaranto.

Nghĩa là: - Chỉ phải dứt bỏ tài sản và tứ chi thân thiết là "Nếu thương yêu tứ chi, thì phải bỏ của cải ra đổi, khi muốn gìn giữ sanh mạng thì phải bỏ tứ chi ra đổi. Khi nhớ thấy chánh pháp thì phải bỏ cả tứ chi, của cải và luôn cả sanh mạng đem ra đổi".

---o0o---

GIẢI VỀ VẬT Ô NHIỄM CỦA GIỚI (Sìlassasankilesakathà)

Điều ô nhiễm của giới là:

- Trạng thái giới đứt.
- Trạng thái giới lũng.
- Trạng thái giới vá. [*]
- Trạng thái giới rỗ. [*]

[*] Vá có nhiều sắc xen lộn. Rỗ là có lỗ nhỏ nhiều chỗ

Cả 4 trạng thái ấy gọi là ô nhiễm của giới, nhất là trạng thái giới đứt, là nói về trạng thái làm cho đứt giới vì 5 nguyên nhân và 7 điều methunasamyoga (*hành vi vờ với sự giao hợp*).

Trạng thái làm cho đứt giới vì 5 nguyên nhân ấy là: Trong 7 phần tội nếu Tỳ-khưu đứt điều học thứ nhất hoặc điều học cuối cùng vì theo lợi, tham danh gọi là "giới đứt" như y ca-sa đứt bìa. Nếu đã đứt điều học giữa, gọi là "giới lũng", như y ca-sa lũng khoảng giữa. Nếu đứt 2 hoặc 5 điều học liên tiếp nhau, gọi là "giới vá", như bò đen hoặc vàng, có màu sắc khác nhau nơi lưng, nơi bụng. Nếu đứt điều học từ khoảng, gọi là "giới rỗ", như bò có nhiều đốm trắng hồng, đen, nhiều chỗ. Trạng thái giới đứt có 5 nguyên nhân vì theo lợi, tham danh như thế .

Phá giới do 7 điều methunasamyoga là:

- 1) Thầy Bà-la-môn đã tự nguyện rằng hành đạo phạm hạnh rồi lại ưa thích trong sự vuốt ve, rờ rẫm vật dụng của phụ nữ, rồi ưa thích theo.
- 2) Không làm đến thế, chỉ vui cười giỡn hót với phụ nữ, rồi ưa thích theo.
- 3) Không làm đến thế, chỉ liếc mắt tròng mày, với phụ nữ, rồi ưa thích theo.
- 4) Không làm đến thế, chỉ nghe tiếng hát của phụ nữ, rồi ráng lóng tai nghe ưa thích theo.
- 5) Không làm đến thế, chỉ nhớ đến cách cười, tiếng nói, hoặc thói quen đã tiếp xúc với phụ nữ từ trước, rồi ưa thích theo.
- 6) Không làm đến thế, chỉ thấy thí chủ, hoặc con cháu thí chủ rồi say mê theo ngũ trần và ưa thích giùm, hoặc muốn cho được như họ.
- 7) Không làm đến thế, chỉ muốn cho được thành hạng chư thiên, rồi tu phạm hạnh, cố ý rằng "Ta sẽ làm được vị trời như vậy, do sự trì giới này, rồi ưa thích làm theo".

Cả 7 điều ấy gọi là methunasamyoga, xấp xỉ với sự hành dâm. Nếu hạng Bà-la-môn hành theo thể thức ấy, thì giới hoặc pháp phạm hạnh của Bà-la-môn đó bị gọi là: đứt, lũng, vá, rỗ như đã giải.

GIẢI VỀ ĐIỀU TRONG SẠCH CỦA GIỚI (Sìlassavo dānakathā)

Điều trong sạch của giới là:

- trạng thái của giới không dứt.
- trạng thái của giới không lũng.
- trạng thái của giới không vá.
- trạng thái của giới không rỗ.

Những hành giả giữ giới không dứt, lũng, vá, rỗ được thì cần phải dè dặt không dám phạm 1 điều học nào, hoặc nếu đã phạm 1 giới nào phải mau hối hả tu bổ lại cho trong sạch và phải ráng ngăn ngừa không cho 7 điều là methunasamyoga và 14 ác pháp làm hại đến tâm tánh.

Phải nên trau dồi 9 đức tính, mới có thể làm cho giới trong sạch được.

---o0o---

MƯỜI BỐN ÁC PHÁP

Đó là:

- 1) Kodho: Giận.
- 2) Upanāho: Cố giận.
- 3) Makkho: Quên ơn người.
- 4) Palāso: Tự cao đem mình so sánh với bậc có tài đức.
- 5) Issā: Ganh gổ.
- 6) Macchāriyam: Bón rít, giấu không cho ai thấy của mình.
- 7) Mayā: Giấu lỗi mình.
- 8) Sātheyyam: Khoe tài đức mà mình không có.
- 9) Thambho: Cương ngạnh, cứng đầu.
- 10) Sārambho: Tranh đua, dành phần hơn.
- 11) Māno: Tự kiêu.
- 12) Atimāno: Khinh người.
- 13) Mado: Say mê.
- 14) Pamādo: Cầu thả, dễ duôi, buông lung theo ngũ trần (sắc tốt, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, đụng chạm nơi êm ái.).

---o0o---

CHÍN ĐỨC TÁNH

- 1) Appicchata: Không ham muốn hoặc ham muốn ít.
- 2) Santutthita: Vui thích bình đẳng đối với vật đã được, hoặc với vật dụng của mình.
- 3) Sallekkhata: tu hành cho giảm dần phiền não.
- 4) Pavivekata: ưa thích nơi thanh vắng.
- 5) Apacayata: Không cho phiền não đông đặc hoặc phát sanh lên được.
- 6) Viriyambhata: Tiến hành không cho ác pháp phát sanh.
- 7) Subharata: Làm người dễ duôi.
- 8) Appakiccatà: Làm người ít bận việc.
- 9) Sallahukavuttita: Người nhẹ nhàng như loài chim chỉ có cặp cánh và đuôi bay đi đến nơi nào cũng được dễ dàng.

---o0o---

PHƯỚC BÁU CỦA SỰ TRÌ GIỚI

Những người vâng giữ các điều học trong sạch được thọ hưởng 5 quả phước là.

- 1) Người có giới hằng được nhiều tài sản vì không có sự dễ duôi lười biếng.
- 2) Danh dự của người có giới hằng bay khắp hướng.
- 3) Người có giới hằng đi đến nơi nào đô hội hằng được tươi tỉnh, không hổ thẹn gục mày.
- 4) Người có giới hằng không tán loạn trong khi hấp hối.
- 5) Người có giới sau khi mạng chung hằng được thọ sanh trong nhân cảnh.

Chẳng phải có thể thôi, người có giới hằng là nơi yêu mến sùng bái vừa lòng của bậc phạm hạnh. Chỉ đến khi chứng quả Niết Bàn thì mới diệt tận những lậu phiền não, y theo kệ ngôn sau này:

1. Nagangà yamunà vapi sarabhùvà sarassati ninnagà mahi vapi mahà nadi sakkunanti visodhetum tam malam idha pàninam visodhayati sattànam yam vesilajalam malam

Nước của các sông lớn (ở Ấn Độ) là sông Gangà, Yamunà, Sarabhù, Sarassati, Àcivarati, Mahi cũng không có thể rửa sạch điều như nhớp của tất cả chúng sanh trong thế gian, chỉ có nước tức là giới này mới mong rửa sạch điều như nhớp của tất cả chúng sanh được.

2. Na tam sajaladà vata na capi haricandanam nevahàrà na manayo na candaki ranakkurà samayantidha sattànam parilaham surakkhitam yam sametidam ariyam silam accantasitalam

Các ngọn gió có nước, hoặc có mùi thị đồ, hoặc các thứ ngọc xích châu mã não, hay là ánh sáng mặt trăng cũng không sao dứt trừ sự bức tức nóng nảy của tất cả chúng sanh trong thế gian này được. Chỉ có giới thanh cao mà người đã vâng giữ chơn chánh rồi là phước đức rất mát mẻ, mới có thể dứt trừ được.

3. Sobhantevanna ràyàno muttamanvi bhùsità yathà sobhanti yatino silabhùsanabhùsità

Các bậc đế vương trang điểm bằng ngọc xích châu, mã não thường cho là tốt đẹp rồi, nhưng cũng không bằng hành giả đã trau dồi bằng vật trang sức, tức là trì giới đâu.

4. Attànuvada dibhayam viddhamsayati sabbaso janeti hāsanca silam silavateṃsada

Giới của các bậc thiện trí thức hằng diệt trừ được những điều kinh sợ, nhất là sự bức bối, không còn thương xót và thường làm cho danh dự và điều ưa thích được phát sanh.

5. Appakāpi katākarā silavante mahapphālahontiti silavā hoti pūjāsakkārahājanam

Lễ vật mà thí chủ đã cúng dường đến người có giới, dầu là chút ít cũng được nhiều phước báo, vì người có giới đáng gọi là đồ đựng lễ vật cúng dường.

6. Silavantam nabādhenti āsavā ditthadhammikā samparāyikakkhānam mūlam khanati silavā.

Các pháp phiền não có tánh các giết hại và buộc trói người trong kiếp hiện tại. Nhưng không sao làm hại những bậc có giới hạnh được. Chẳng phải chỉ có thể thôi, những người hằng đào bứng gốc rễ các thống khổ trong ngày vị lai không cho phát sanh lên được.

7. Yā manussesu sampatti yā cadevesu sampadā na sà sampannasilassa icchato hoti dullabhā.

Những người có giới hạnh đầy đủ, muốn được tài sản trong cõi người và trời cũng không khó.

8. *Accantasantà pana yà ayam nibbànasampaddà sampannasìlassa mano tameva anudhàvati nibbànasampatti.*

Đức tính tuyệt vời không sót xa vì phiền não, vì người có giới đầy đủ hàng lượt tới, để đạt tài sản Niết bàn tức là nơi tịch tịnh.

Những hành giả khi đã niệm tưởng quả báu sự trì giới rồi, có thể góm ghê xa lánh sự phá giới, làm cho giới được trong sạch đầy đủ, không sai. Cố ấy, bậc thiện trí thức nên niệm tưởng đến tội trong sự phá giới và phước trong sự trì giới như đã có giải rồi, nên tinh tấn cho giới mình được trong sạch đầy đủ.

--- oOo ---

Phần 03

NHỮNG ĐIỀU CẤM RỜI RẠC

Những Tỳ-khuru vô bệnh không nên đi xe, nếu có bệnh được phép đi xe bò, ngựa xa phu dầu là nam hoặc nữ cũng được.

Khi vô bệnh không nên mang dép vào xóm.

Không nên ngồi, nằm trên các thứ da: khi (matadho), sư tử (kalasiho)... (sarabho), bò, ngựa, trâu và các thú dữ, trừ ra của Giáo hội thì không cấm hoặc dùng để làm dép đi cũng được.

Không nên mang dép toàn màu đỏ, xanh, vàng, vàng lợt (như màu rơm), đen, đen sậm (như lưng rít), đỏ như màu lá cây chín, như màu hoa sen. Nếu được những vật như thế, nên làm cho ra khác màu đã cấm, thì dùng được.

Lại nữa, không nên mang guốc, các thứ dép giống như của kẻ thế, dép bít mắt cá, bít lưng chân, có giày buột đến mắt cá, góc có đôn bông gòn, dép thêu, có dây buộc treo thắt kết, mũi quót lên như đuôi con bò cạp, như đuôi con công.

Tỳ-khuru cao hơn 5 hạ, đáng làm Àcàriya đi chơn không, vị nhỏ hạ mang dép, phạm Tác ác.

Không nên thọ và ăn thịt, cá sống. Người xuất gia được kẻ thí chủ sát sanh cầm thú dâng cho, cũng chẳng nên ăn.

Không biết rời dùng thịt thú mà đức Phật cấm (akappiyamamsa) cũng phạm tội. Sau khi ăn, nếu rõ là thịt (akappiya) thì phải sám hối. Như thế Tỳ-khuru cần

xem xét hỏi lại cho rõ rồi mới nên dùng. Vì khó phân biệt thịt cầm (thịt gấu giống thịt heo, thịt beo, cạp giống thịt thú rừng có 4 chân).

Nếu có mặt vị trưởng lão, thiện tín thỉnh vị nhỏ hạ thuyết pháp, tụng kinh, nên chờ lệnh của vị cả hoặc bạch cho vị cả hay.

Nếu vị cả nín thỉnh thì thuyết pháp, tụng kinh, không lỗi. Bằng vị cả không cho, không nên cãi. Nếu đã lên pháp tọa rồi, vị cả mới đến thì không chờ lệnh.

Không có vải lột nước, chẳng nên đi đường xa.

Nên cho thực phẩm anàmattha pindapàta đến cha mẹ, người hộ cha mẹ, hộ tăng và giới sắp xuất gia (trong khi đang nhuộm y, đốt bát). Với giới tử, dầu đồ đựng của mình đem cho, cũng vô tội. Với cha mẹ, thiện tín thì không nên.

Nên cho anàmattha pindapàta đến kẻ cướp và các quan đến chùa (vì e có sự tai hại đến Phật giáo và mình). Có người đi lỡ đường đến nhà chùa nên tùy tiện cho cơm, cháo, cho nước uống, chỗ nghỉ, song đừng mong được sự lễ vật trả ơn). Với kẻ cướp, dầu là tài sản thuộc của tăng cũng nên cho để ngừa tai hại.

Đem tin cho cha, mẹ người sắp xuất gia, không phạm tội. Hỏi thăm tin, mình nói cũng vô tội. Đem tin cho kẻ khác phạm Tác ác.

Cho bông đèn cha, mẹ và thiện tín để cúng Tam bảo không phạm tội.

Trồng cây để dùng bông trái, bóng mát, hoặc tưới nước bằng lời kappiyavohàra vô tội.

Nhuộm y không nên ngồi quỳ 2 đầu gối xuống đất.

Không dùng tăm xỉa răng có 5 tội:

- Mất sự lợi ích cho mắt.
- Miệng hôi.
- Bộ thần kinh thọ chất bổ dưỡng không sạch sẽ.
- Mất và đảm hăng bao trùm thực phẩm.
- Thọ thực không biết ngon.

Người, trước khi tu có làm thợ cạo, hớt tóc, xin xuất gia không nên đem dao cạo theo.

Không nên nhổ tóc bạc, song, nếu có lông mọc trên mày, mí mắt, làm cho khó chịu, nhổ vô tội.

Không nên hót tóc, nếu có ghê trên đầu, hót tóc thoa thuốc cũng được. Không nên chải tóc, xúc dầu, đánh sáp, vuốt tóc, trừ ra tóc có bụi vuốt cũng được.

Không bị chằng nên che dù đi vào xóm. Có bệnh là; chóng mặt, nhức đầu, choá mắt hoặc có bệnh cần phải che dù, thì không cấm.

Nếu có mưa sợ ước y, hoặc sợ kẻ dữ mà che dù, thì không tội, dù bằng lá cây che nơi nào cũng được, nếu muốn khỏi tội, chỉ được phép che dù trong chùa, trong đất chùa mà thôi.

Không nên vẽ, hoặc bảo kẻ khác vẽ hình người và thú để chơi. Nếu vẽ làm cho sanh lòng chán nản, thì vô tội (như vẽ các tích đức Bồ tát).

Không nên máng, treo bát. trong nơi nào cả.

Đề bát trên chỗ bén, cứng (đá, sắt...) cũng phạm tội.

Không nên để dành đồ ăn trong bát, rửa tay trong bát dùng bát đựng đồ dơ (lá, vỏ rác...) đem đi đổ. dùng tay dơ cầm bát không nên, vật thực ăn vào miệng rồi nhả ra để trong bát không nên. chằng nên ăn vật chi mà không có kẻ dâng. Những vật dính trong tử thi chưa rửa là da thịt còn nguyên chưa bị thú ăn, không được phép lấy mà dùng, bát còn ướt không nên đem phơi hoặc cất.

Không nên ngồi và nằm chung với phụ nữ, bộ nắp và người có cả 2 bộ sanh thực khí.

Không nên ngồi và nằm trên chỗ họ trải lót mà mình chưa xem xét trước (hoặc lấy tay sờ, lật qua lại). Khi họ trải mình thấy, hoặc lót bằng vải mỏng thì không cần phải xem xét. Chằng nên ngồi nằm trên chỗ có rải bông, hoặc vật thơm.

Không nên dùng gói thêu, gói dài quá nửa thân mình, gói may 2 mặt bằng vải đỏ sậm, đỏ lợt.

Những vật chi để cho Giáo hội dùng trong 1 nơi nào, không nên lấy đem dùng riêng cho mình.

Nếu thí chủ thỉnh đi thọ thực, họ chưa mời, không nên ngồi, phải đứng xa nơi ấy chờ họ thỉnh sẽ ngồi.

Tỳ-khuru không nuôi bệnh cho nhau, dầu vị cả không nuôi cũng phạm Tác ác. Nếu chia phiên nuôi bệnh thì vô tội.

Đức Phật cho phép người nuôi bệnh, nếu người bệnh chết được thọ lãnh phần y bát, ngoài ra vật trong garubhanda thì nhập vào của Tăng dùng chung, không được phép chia. Những vật tầm thường thì phải chia với nhau, cho tất cả người xuất gia có mặt trong chùa (Tỳ-khưu, Sa-di).

Không nên rờ đụng hình tượng phụ nữ và 7 thứ lúa, dầu trồng ngoài ruộng cũng vậy. Nếu không có đường đi thì nguyện là "đường đi" rồi mới đi, không phạm, nhưng không nên đạp nhằm lúa. Nếu thí chủ thỉnh ăn tại trên đồng lúa, gạo, thì không được phép ngồi, phải nói với họ trái trong nơi khác. Nếu không có nơi nào trồng thì vô tội.

Không nên rờ đụng trái cây chưa dâng, trái cây rụng trong rừng. Nếu tính lượng về cho anupasampanna thì được phép. Không nên đụng nhằm 10 thứ ngọc thạch và vàng bạc. Ngọc Mutta nếu chưa giồi, đụng không sao. Ngoài ra, đều là vật anàmàsa cũng chẳng nên thọ. Nếu thọ lễ làm thuốc chữa bệnh thì vô tội.

Các thứ khí giới đều là vật không nên rờ, đụng nhằm. Khí giới bỏ nơi chiến trường, bỏ cán ra, lấy lưỡi về làm vật dụng không tội.

Nếu có bụi bay vào bát cơm nên bảo anupasampanna (Sa-di hoặc cư sĩ) dâng lại, hoặc rửa cho sạch mới nên dùng.

Không nên có ý hát múa, bảo kẻ khác hát múa, hoặc nghe đờn kèn trong chùa. Trong nhà ăn, có bọn hát múa, đờn kèn đến cũng không tội. Nếu cố ý dòm, xem, nghe thì phạm.

Không nên nằm chung trên giường, chiếu đã trải lót, đấm mừng. Nếu nằm chung trên đồ trải lót, lấy vật chi (y, gậy...) để ngăn ngừa ở giữa không phạm.

Không nên ăn chung đồ đựng, uống chung đồ múc nước. Nếu đồ khô để trong 1 đĩa, tô, vị lấy ra ăn, vị khác dùng vật còn lại trong đĩa, tô ấy cũng khỏi phạm tội.

Xin thực phẩm và y bằng miệng không nên. Xin chỗ ở bằng cách nói rằng "Trong lúc này, cát tịnh thất được chăng?" Hoặc hỏi cư sĩ rằng: Ông ở đâu? Đáp: - Tôi ở trong dinh. Hoặc hỏi Tỳ-khưu có thể trong dinh được chăng? Xin như thế vô tội.

Đức Phật giải rằng:

"Này các Tỳ-khuru! Có đường đi không có lương thực, ít nước, ít thực phẩm, nếu không dự trữ đồ ăn thì khó đi được. Như Lai cho phép kiếm, trữ lương thực đi đường, được phép xin gạo, đường, muối, khô. Cần dùng vật chi, xin vật ấy.

Này các Tỳ-khuru! Có người tín ngưỡng bố thí nói với kẻ hộ tòng rằng: "Nếu đại đức dùng vật chi, người nên dâng vật ấy, Như Lai cho phép vật do vàng bạc mà phát sanh, các người nên ưa thích vật ấy".

Như Lai không nói rằng: "Nên ưa thích vàng bạc trong nơi nào cả". Chẳng nên tìm vàng bạc đâu. Cần xin lương thực cho vừa để đi đường. đến nơi rồi, nếu còn dư, phải đem cho kẻ khác."

Trái cây có người trông giữ, họ hứa sẽ dâng cúng mới nên thọ. Hứa dâng trái cây để sắm 4 vật dụng, nếu Tỳ-khuru ăn lén, phải xử theo giá trái cây: nhằm con đoi kém đem ra đoi mua thực phẩm cũng được. Gặp mùa không sao kiếm thực phẩm được, nếu có thể, nên bán đoi chỗ ở cũ, hư, của Giáo hội, để nuôi sanh mạng, song phải nên tu bỏ mấy chỗ còn chắc.

Nếu có kẻ đến trộm, cướp vật chi của chùa, Tỳ-khuru phải cho quan hay để tìm vật ấy lại. Nếu quan toà hỏi ai trộm cướp? Dầu Tỳ-khuru biết cũng chẳng nên nói tên kẻ ác ấy. Cần nói như vậy: Ông nên biết lấy, tôi chỉ xin tìm các vật ấy lại thôi. Nếu thừa kiện, quan xử phạt đến 0\$60, Tỳ-khuru phạm tội Bất cộng trụ. Bằng chẳng thừa kiện, không chỉ tên kẻ dữ, dầu quan toà có xử phạt cũng vô tội.

Nếu chân không rửa hoặc đã rửa mà còn ướt, hoặc mang dép đạp lên chỗ ngồi, nằm (giường, chõng, hoặc chỗ có sơn phết), phạm Tác ác. Không nên dựa vào chỗ có sơn phết, (vách cột, cánh cửa) nếu để giường, chõng trên chỗ ấy phải lấy đồ lót, kê chân giường, chõng. Nếu vị cả không kê chân giường, mình để vậy cũng vô tội.

Không nên liệng hoặc bảo kẻ khác liệng đồ dơ (phần, nước tiểu, đồ ăn dư, rác) ngoài vách tường, ngoài hàng rào. Dầu liệng bỏ vật ấy, và cây tăm (xia răng) trên ruộng rẫy của người cũng phạm tội. Liệng trong ruộng rẫy, chưa gieo trồng chi hết thì không sao.

Chẳng nên ngủ ngày không đóng cửa. Nếu không đóng cửa mà tin rằng có người vào sau họ đóng hoặc có vị khác coi chừng dùm thì ngủ không phạm. Ngủ đến mặt trời mọc thức dậy cửa không đóng không phạm. Nhưng đã thức dậy mà không đóng cửa mà ngủ lại nữa thì phạm tội.

Không nên mượn ai làm công việc hoặc xin tài chánh để mượn người làm công việc cho mình, được phép xin họ làm thí công. Nếu họ không rãnh và nói: Ngài kiếm người làm rồi tôi trả tiền thì vô tội.

Muốn cần dùng vật chi chằng nên xin ngay bằng lời nói. Ví dụ như đốt bát mà không có đồ thoa bát, khi đi khát thực thí chủ đem cơm dâng, lấy tay đập bát lại, họ hỏi tại sao? Nên đáp: Đốt bát rồi không có dầu thoa. Họ xin bát đem thoa rồi để vật thực trong bát, mang đến dâng cúng được.

Nếu đi đường hoặc đi bát mệt, họ trải chiếu hoặc đem ghế cho ngồi, khi đi phải cho chủ hay. Bằng không mất đồ phải thương.

Không nên dùng gói dài nửa thân mình, gói may 2 mặt đỏ để trên 2 đầu giường, (phía đầu và phía chân) và gói thêu, trừ ra gói vừa kê đầu thì không cấm.

Tỳ-khuru cao hoặc thấp hơn 2 hạ chỉ được phép ngồi chung trên giường hoặc chõng vừa ngồi được 3 người.

Được phép ngồi trên ghế của cư sĩ có dùng bông gòn mà không nên nằm, nếu nệm không dính với ghế thì không nên.

Chẳng nên ngồi, nằm trên chỗ cao quá hơn 8 ngón tay của đức Phật, trên chỗ cao quý (ghế có chạm trổ) và có chạm trổ hình thú dữ.

Không nên nằm trên chỗ có sơn hình thú dữ, trên đồ trái bằng lông dài hơn 4 ngón tay, đồ trái bằng tơ, thêu hình thú dữ, đồ trái trắng làm bằng lông thú, đồ trái làm bằng lông có chùm, đồ trái có đôn gòn, đồ trái có vẽ hình thú dữ, đồ trái có làm lông dựng lên 2 bên, đồ trái có làm lông dựng lên 1 bên, đồ trái có chạy kim tuyến, bằng tơ, hoặc đương bằng đồ quý, đồ trái bằng lông thú vừa cho 16 người khiêu vũ nhảy múa, đồ trái trên lưng voi, ngựa xe, bằng da cạp, đồ ngủ có trần đỏ lên trên lưng, gói có 2 mặt đồ phết và lót, đồ sạch sẽ của tăng. Nếu chưa lót ngọa cụ của mình hoặc đã trái rồi mà ngủ quên, đồ trái cuống vào, thân thể đụng nhằm nơi ấy phạm tội. Lông chạm nhằm nơi nào, phạm tội, đếm theo số lông. Bàn tay và đụng nhằm vô tội.

-ooOoo-

GIẢI VỀ CÁCH CHO VÀ THỌ

Về sự thọ bằng cách thân thiết theo 5 chi:

- Của bạn đã thường thấy nhau.
- Của bạn thường hay ăn chung cùng nhau.
- Của bạn đã nói trước rằng: ngài muốn vật nào của tôi hãy lấy vậy ấy đi.
- Của người bạn còn sống.
- Của bạn biết rằng mình đã lấy rồi và ưa thích.

Tỳ-khuru gởi y trong tay vị khác, nhấn rằng: ngài đưa giùm y này đến giùm y tên đó. Người nhận lãnh, đi đến nửa đường, lấy y bằng cách thân thiết với Tỳ-khuru gởi, gọi là lấy bằng cách chơn chánh. Nếu lấy bằng cách thân thiết với Tỳ-khuru chẳng chịu gởi cho gọi là không chơn chánh.

Người đi đến nửa đường, nghe tin chủ gởi y chết, nếu nguyện là di sản của vị chết ấy, gọi là nguyện lấy không chơn chánh. Nếu lấy bằng cách thân thiết với người gởi gọi là lấy bằng cách chơn chánh.

Nghe tin rằng gởi y đến vị nào, mà vị ấy đã chết rồi, nguyện là di sản của vị ấy chết, gọi là nguyện lấy không chơn chánh. Nếu lấy bằng cách thân thiết với người gởi gọi là lấy bằng cách chơn chánh.

Nghe tin cả 2 đều chết hết rồi nếu nguyện là di sản của Tỳ-khuru đã gởi ấy gọi là nguyện lấy bằng cách chơn chánh.

Nguyện lấy của Tỳ-khuru mà chủ chịu gởi cho gọi là nguyện lấy không chơn chánh.

Lại nữa, Tỳ-khuru gởi y trong tay của vị khác rằng: Tôi cho y này đến Tỳ-khuru tên này, Tỳ-khuru nhận lãnh, đi đến nửa đường, lấy bằng cách thân thiết với Tỳ-khuru, mà chủ gởi cho, gọi là lấy không chơn chánh. Lấy bằng cách thân thiết với Tỳ-khuru gởi, gọi là lấy bằng cách chơn chánh.

Nghe tin rằng Tỳ-khuru gởi, hoặc Tỳ-khuru phải được đều chết cả, nếu lấy bằng cách thân thiết với vị phải được như thế là lấy bằng cách chơn chánh.

Nếu lấy bằng cách thân thiết với vị gởi, hoặc lấy mà nguyện là di sản của vị gởi, như thế gọi là lấy không chơn chánh.

---o0o---

VỀ CÁCH THỌ THEO "5 CHI MỚI NÊN" LÀ

- Vật vừa cho người có sức lực bậc trung đỡ lên nổi.
- Ở xa trong 1 hắc, 1 gang rõ rệt.

- Ý định dâng cho rõ rệt.
- Chư thiên hoặc người hay thú, dâng bằng thân hay bằng vật dính với thân, hoặc thầy cho.
- Tỳ-khưu thọ lãnh vật ấy bằng thân, hoặc bằng vật dính với thân.

Nếu thí chủ lấy đồ đựng thực phẩm đội chồng lên đầu, đến đứng gần Tỳ-khưu, xin Tỳ-khưu thọ lãnh, không có ý định dâng trước, thì không nên thọ. Nếu họ có ý kính dâng, Tỳ-khưu đưa tay lấy đồ đựng phía dưới, thì đồ đựng phía trên cũng gọi là thọ rồi, hoặc giả muốn vật nào thọ vật ấy cũng được.

Về đồ đựng, nếu thí chủ gánh dâng gánh đồ trong hatthapàsa, Tỳ-khưu thọ cũng được. Dầu là tre dài 30 hatthapàsa, 1 đầu buộc nước mía, 1 đầu sữa, nếu đã thọ đòn gánh cũng gọi là thọ cả 2 món thuốc ấy. Ở trong hatthapàsarồi dùng vật dính theo mình mà thọ gọi là thọ chơn chánh, trừ ra dùng vật phát sanh ra trong nơi ấy, như dùng lá sen để bọ, thọ thì không nên, vì vật ấy không phải là vật dính theo mình. Nếu thí chủ đứng xa hatthapàsa rồi dâng, thì nên bảo họ lại gần. Nếu họ không nghe, phải thọ mới lại (thọ rồi đưa cho anupasampanna dâng lại nữa).

Đi khuất thực có bụi bay vô trong bát, phải nhờ người dâng bát lại rồi mới nên thọ đồ ăn, nếu không có ai dâng mà dùng bát ấy đi thọ nữa, phạm Tác ác. Nếu nói mà họ không nghe, hoặc không để ý, thọ không phạm. Nhưng khi xong, phải nhờ kẻ khác dâng bát lại, rồi mới nên đi khuất thực nữa.

Có gió thổi bay vào bát không thể thọ thực được, nhưng nên chú ý rằng thọ để đem về cho anupasampanna, thì vô tội.

Về đến chỗ ngụ, cho dứt đồ ăn ấy đến anupasampanna, rồi anupasampanna dâng lại, hoặc mình lấy bằng cách thân thiết rồi ăn cũng được. Nếu mình cho bát và cơm đó dính bụi ấy đến Tỳ-khưu trong bọ, nên nói với Tỳ-khưu ấy cần phải thọ mới lại dùng đi. Nếu bụi rớt trên mặt đồ ăn thì nên rửa, hoặc lấy bỏ ra, ăn vật còn dư ấy cũng được. Nếu bụi dính phía dưới, phải thọ mới lại. Nếu không có anupasampanna, không nên rời bát khỏi tay, phải đi tìm anupasampanna để thọ lại. Bụi vào cơm và bánh thì lấy bụi ra rồi ăn cũng được. Nếu bụi nhỏ lắm bay vào cơm phía trên, nên lấy cơm phía trên ra, hoặc thọ lại rồi sẽ ăn cũng được.

Thí chủ đem cháo hoặc canh để trước mặt mình, văng bọt rớt trong bát, nên thọ bát lại. Nếu họ để bát, bọt trong cơm rớt vào bát trước, gọi là rớt vào chơn chánh, vì họ đã có ý định dâng cúng rồi. Nếu họ dâng có cơm và cà ràn có tro, than bay rớt vào không tội, vì họ đã kính dâng đến rồi. Nếu họ dâng theo thứ tự Tỳ-khưu ngồi liên tiếp nhau, cơm rớt vào bát Tỳ-khưu khác, gọi là rớt vào chơn

chánh. Nếu cắt, chặt, xẻ (vật ăn) dâng đến 1 vị Tỳ-khuru mà làm văng vào bát 1 vị khác nên thọ bát lại. Họ cắt xẻ vật ăn trên bát vị nào, văng vào bát vị ấy vô tội, vì họ đã chú tâm dâng cúng rồi. Họ dâng mà mình không hay biết và không cố ý thọ, không gọi là thọ. Đồ ăn nóng hoặc mình nằm chung trong 1 chỗ có cuộc để bát, nếu họ dâng thực phẩm, mà mình lấy tay, hoặc chân vịn chân bát để thọ cũng được. Vật chi họ dâng mà rơi rớt được phép được dùng. Nếu vật rơi văng gần Tỳ-khuru khác, vị này lượm dùng cũng được, hoặc mình nói cho Tỳ-khuru ấy dùng cũng vô tội. Nếu Tỳ-khuru chủ vật không nói lời chi, thì Tỳ-khuru kia không nên lượm. Nhưng nếu cố ý lượm giùm thì không phạm.

Nếu dao có sét, róc dính mía, hoặc lấy chày đâm thuốc, thấy thuốc dính sét, nên thọ lại mới dùng được. Bụi sét dính không rõ rệt, dùng không phạm. Đi bát có mưa trên mình hoặc trên y rớt vào bát nên thọ bát lại, dầu ngồi ăn dưới bóng cây có mưa rớt vào bát cũng vậy. Nếu trời mưa 7 ngày, nước mưa trong mình hoặc mưa rớt từ trên thỉnh không, dùng khỏi phạm.

Khi cho cơm đến Sa-di, không nên rờ đụng vật trong bát của Sa-di hoặc phải thọ bát của Sa-di đã, vì đụng nhằm vật trong bát của Sa-di, rồi trở lại lấy cơm của mình, cơm dính theo ấy thuộc về uggahita. Nếu muốn cho, nên bảo Sa-di: Người lấy bát hết cơm đi. Sa-di bạch: Tôi có đủ dùng rồi. Dầu Tỳ-khuru có nói nữa rằng: Vật ấy ta đã bố thí cho người rồi, mà Sa-di bạch lại rằng: Tôi không cần dùng. Như thế dầu có nói đến 100 lần thì của ấy vẫn còn lại của mình (của Tỳ-khuru). Cơm của Tỳ-khuru đã cho đến Sa-di rồi, nếu cơm ấy rơi vào bát của mình thì Tỳ-khuru nên thọ bát lại.

Thí chủ nấu cháo rồi họ đi, có Sa-di còn nhỏ không sao nhắc nồi cháo xuống được, Tỳ-khuru nên nghiêng bát vào, Sa-di nên nghiêng nồi đổ cháo ra ngay miệng bát. Cháo rớt vào bát gọi là vật dâng chơn chánh, với thúng bánh, thng cơm hoặc bó mía cũng vậy, như bó mía nặng vừa cho sức người bậc trung đỡ lên dâng mà được 2, 3 Sa-di giúp nhau đỡ lên dâng, dầu 2, 3 vị Tỳ-khuru tiếp nhau để thọ cũng được.

Về đựng dầu hoặc đường treo máng dưới chân giường, Tỳ-khuru ngồi trên giường thọ cũng được, vì không phải là vật uggahita. Hai cái nồi chồng nhau, thọ nồi trên, không thọ nồi dưới, cầm lấy nồi phía trên cũng được. Nồi phía dưới thọ rồi, nồi trên chưa thọ, khi đỡ nồi trên lên, cầm lấy nồi dưới, nồi trên là uggahita.

Nồi dầu chưa dâng để dưới giường, khi quét dọn đựng nhằm không gọi là uggahita.

Tính lấy vật đã thọ mà lấy lộn vật chưa dâng, biết rồi đem để lại chỗ cũ, không phải là uggahita.. Đã đem vật ra, ngồi thì mới hay thì không nên để phía ngoài, phải đem cất lại chỗ cũ. Làm vậy không tội, song chẳng nên đưng nhằm nữa. Nếu vật mà thí chủ không đậy nắp rồi cất, Tỳ-khuru không nên đậy nắp, phải để như thường cho họ.

Người leo lên cây thốt nốt hoặc cây dừa, lấy dây buộc quày thòng xuống rồi kê bảo thọ thì không nên thọ. Nếu có người đứng trên đất họ cầm mỗi dây buộc quày thốt nốt hoặc dừa họ dâng, thì thọ được. Nên bảo làm kappiya nhánh cây lớn có trái rồi sẽ thọ, thì các trái cây trên nhánh đều là vật đã thọ rồi cả.

Tỳ-khuru cầm nhánh có trái làm dù che đi, rồi muốn ăn trái cây ấy, phải người dâng mới nên dùng.

Sa-di muốn nấu cơm song dỡ nồi không nổi, Tỳ-khuru nên thọ gạo và rồi đổ gạo và bắt nồi lên cà ràn, nhưng đừng nổi lửa, khi dỡ nắp xem chừng. Nếu thấy chưa chín đậy nắp lại cho chín thì không nên, bằng đậy không cho bụi tro rớt vào thì được. Đến khi chín, nhắc nồi xuống ăn cũng được.

Sa-di có thể nấu được nhưng không rảnh, Tỳ-khuru nên nói: Người phải dâng gạo nổi và nước lã, rồi bắt nồi lên cà ràn nhúm lửa cho cháy rồi đi đi. Như thế tiếp theo Tỳ-khuru làm các công việc như trên cũng được. Tỳ-khuru muốn dùng cháo, để nồi sạch trên cà ràn nấu nước cho sôi cũng được, khi nước sôi, Sa-di đổ gạo vào nồi, từ đó Tỳ-khuru không được chụm lửa thêm nữa. Lúc cháo chín thọ lãnh rồi ăn cũng được. Sa-di đang nấu cháo, Tỳ-khuru lại rờ nồi đưng nhằm dỡ nắp đưng thì không được phép ăn cháo.

Tỳ-khuru đi khất thực về, để bát trên chân bát vật ấy, không cần phải dâng nữa. Nếu Tỳ-khuru rờ rẫm bát, nắp bát mà chơi, cơm đã được trong bát, không nên đến Tỳ-khuru ấy. Nếu Tỳ-khuru dỡ bát lên rồi để bát xuống, cơm ấy không nên đến tất cả Tỳ-khuru.

Tỳ-khuru nấu nước sôi uống cũng được, song nếu có tro bụi bay rớt vào, nên thọ mới lại. Tỳ-khuru đang dùng mĩa, Sa-di xin ăn, Tỳ-khuru dạy cho Sa-di bao nhiêu, Sa-di lấy theo lời cho, vật còn dư lại không cần phải dâng, dầu với đường cũng vậy.

Thực phẩm ợ ra khỏi miệng nuốt vào khỏi cổ, ngoài buổi ăn, phạm tội, dầu vật ăn dính kẻ răng cũng vậy. Gần đúng ngo dùng cơm trong nơi không có nước, nên khạc nhổ 2, 3 cục rồi đi đến nơi có nước sẽ súc miệng cũng được.

Nếu không muối, lấy nước biển dùng cũng được, nước mặn đã thọ rồi để dành trở thành muối, hoặc muối tan ra nước, hoặc nước mía trở thành đường hay là đường tan ra nước, nên thọ lại.

Nước múc trong sông, giếng, dầu đục cũng không cần phải dâng. Về nước đục nơi đồng ruộng, nếu nước bung, bàu, có bông, lá cây rụng vào, làm cho nước có mùi vị, thì nên thọ rồi sẽ uống, nếu không có mùi vị rõ rệt, không cần phải dâng. Nước trong ao sen có nhụy sen trên mặt nước, nhận đồ đựng xuống trong nước múc cũng được.

Tỳ-khuru bảo người làm tắm xia răng, nên cho họ dâng. Tâm không thọ để dành, dầu không biết vị nuốt vào cổ cũng phạm tội, vì điều học ấy về acittaka.

Vật thực có mùi khó ăn, được phép để vào chút rượu cho bán mùi, song không nên để nhiều, có hơi rượu. Thuốc có mùi vị rượu, không phép uống, nhưng thoa xức được.

Khi dùng bijagàma (trái cây còn gieo trồng được) nên bảo anupasamoanna rằng: Người nên làm cho ra vật nên dùng (kappiyam karohi), rồi mới nên ăn, là phải làm theo 5 điều:

- Dùng lửa đốt.
- Dùng dao cắt, gọt, xẻ.
- Dùng ngón tay bấm, gach.
- Trái không bija.
- Trái có bija mà lấy hột ra được.

Ốt còn tươi sống, nên làm kappiya lấy hột ra hoặc làm cho chín, hoặc bấm hột cho nát đều đủ. Nếu làm sai 1 điều nào trên đây gọi là phạm Tác ác.

I- Tỳ-khuru trộm vật đáng giá là vatthu pàràjika gọi là ekabhanda; cắp nhiều vatthu song mỗi vật chưa đến giá, phạm Bất cộng trụ, gọi là nànbhanda.

II- Sự cầm lấy vissasa phải có đủ 3 chi:

- Là người đã từng quen thấy, gặp nhau hoặc đã có nói trước với nhau.
- Biết rằng đã cầm lấy rồi, tài chủ vừa lòng.
- Người chủ còn sống, mới gọi là cầm lấy chơn chánh.

III- Nếu saddhimvihàrika hoặc antèvàsika ở chung với upajjhàya, àcàriya rồi, 2 vị này phải:

- Chia lãbhaphala, dạy pháp có tâm metã.
- Có giới tinh nghiêm.
- Có sự tôn trọng: tam bảo, upajjhaya, àcàraya hoặc tôn trọng mahàtthera khác, là bậc cao hạ ưa hơn mình.
- Không nên làm cho trò buồn lòng, cần cho đệ tử bỏ dữ về lành, khiến cho trò được tiên hoá và càng được ưa thích thầy.

IV- Tỳ-khuru chưa đủ 5 hạ, thông hoặc không thông luật pháp, gọi là navabhikkhu, cần phải, cần phải có nissaya luôn khi. Từ 5 hạ trở lên đến 10 hạ và thông hiểu luật pháp là angaguna đang đến nissaya muttaka [*] được gọi là majjhimbhikkhu. Được trên 10 hạ và thông thuộc luật pháp có đủ angaguna gọi là Thera.

[] nissaya muttaka: là Tỳ-khuru đầu tu lâu đến 100 hạ mà không thông hiểu giới luật, cũng không được phép ở xa ông thầy. Nếu xa thầy thì phạm tội mỗi ngày.*

V- Tỳ-khuru nhập hạ đầu dứt rồi, qua hạ sau nhập không được, chỉ khi hữu sự, nhập hạ trước không kịp, mới được phép nhập hạ sau.

VI- Làm Uposatha cần có đủ 4 anga:

- 1) Nhằm ngày 14, 15 hoặc là ngàysàmaggi.
- 2) Tỳ-khuru từ 4 vị trở lên và nếu là pakatàttabhikkhu không phạm pàràjika, hoặc bị Tăng phạt ukkhepaniyakamma (song 2 hạng ò, có trong vị thứ tư mới là không được). Các ngài ngự trong hatthapasa, như thế mới làm Uposatha được.
- 3) Các ngài không phạmsabhàgàpatti.
- 4) Tránh hạng người không được phép ngồi trong hatthapasa, như thế mới làm Uposatha được.

VII- Trong 1 chùa có 5 Tỳ-khuru nhập hạ trước, qua kỳ sau có 5 vị khác đến nhập hạ, tới kỳ Pavàranà, cả 10 vị phải hội nhau trong chánh điện làm đủ pubbakicca, rồi 5 vị trước nên natti rồi làm Pavàranà, 5 vị sau phải tỏ parisudhi. Đến kỳ Pavàranà sau, 5 vị sau cần natti, pavàrana, 5 vị trước tỏ parisuddhi.

VIII- Vào đến cetiyathana không nên mang giày, trùm y, tỏ ý dễ duôi nơi khác, nói lời tiếng, ngồi khoanh tay, nhổ khạc, ngồi ngay trước gần kim thân.

VIII.b-Tỳ-khuru nghi hoặc nhớ không chắc không nên sám hối.

IX- Về sikkhàpada thứ 8 của kosiyavatta nói rằng: "Ưa thích vàng bạc mà người cất giữ cho mình, gọi là nissaggiya pàcittiya. Nghĩa là khi thí chủ yêu

câu rằng: vàng bạc mà họ cất giữ đó để cho mình là của mình. Rồi Tỳ-khưu không ngăn bằng thân, hoặc bằng khẩu, có tâm ưa thích, thì phạm nissaggiya pàcittiya. Nếu họ không tỏ cho biết, dầu có ưa thích cũng không phạm.

X- Tỳ-khưu mà thí chủ không thỉnh, đi chung theo với Tỳ-khưu được thỉnh, thí chủ cũng dâng cúng đến vị đó nữa, Tỳ-khưu ấy phạm về àjivavipatti, cần cho hoàn tục.

XI- Phải tụng Bhikkhu Pàtimokkha cho đến dứt (thuộc nằm lòng). Nếu không có antaraya, 1, 2, vị tụng Pàtimokkha không được. Tụng thuộc lòng phân nửa, tụng xem trong Pàtimokkha phân nửa không nên.

XII- Sila có 2 thứ: pannatti và àcàra. Tất cả sikkhàpada có trong Pàtimokkha đều là pannatti. Các hạnh kiểm tốt nên hành, không có trong Pàtimokkha gọi là àcàra.

XIII- Đức Phật thuyết 4 nissaya để trong anusàsana (Pindapada cìvara pasukùla). Ngụ dưới bóng cây, dùng thuốc ngâm nước tiểu đó.

Ngài là bậc đế vương ra khỏi dòng Sakya, có đủ sự sang cả, là điều mà mọi người mong mỏi. Tuy nhiên muốn được vui cũng lắm khi làm quấy, khiến cho quyến luyến các cảnh giới, lầm lạc say mê trong ngũ dục, phải nóng nảy bần bịu, buộc ràng, thương thiếc, lúc các vật mến yêu đó hư hao, tiêu hoại. Cho nên ngài chánh nản, xuất gia tìm sự vui yên lặng, không quyến luyến trong các vật đó. Trong thời đi tìm đạo giải thoát gặp àcàraya mà phân đông sùng bái rằng là ông thầy đệ nhất. Ngài cũng vào thọ giáo, đến khi học thuần thục, thấy rằng chưa dứt bỏ những điều quyến luyến, xấu xa (là còn ham mê ngũ dục, còn mắc trong pháp thế gian). Ngài liền đi trong nơi khác. Dầu chính mình ngài chưa dứt được điều như nhóp, tâm chưa yên lặng, là còn say mê ưa thích, ngài cũng chưa vừa lòng. Ngài chỉ nhất tâm hành theo chơn lý, cho đến giác ngộ mới thôi.

Thờ độ sanh, ngài hay tùy tiện chỉ bảo, nhất là pháp tri túc (sandosa), lánh xa khỏi sự ham muốn xấu xa mà ngài đã từng gặp rồi, không phải là trung đạo, để giác ngộ. Có đó, ngài mới ban hành 4 nissaya cho bậc xuất gia dùng, vì hạng người lánh ngũ dục, tìm xuất gia để làm bực thu thúc thân, khẩu, ý cho chơn chánh, chỉ cần tu phạm hạnh pháp (brahmàcariyadhamma) có giới là điều trọng yếu, là phải trong sạch đầy đủ trước hết, rồi sẽ tu định, tu tuệ tiếp theo.

Nếu bậc xuất gia hành trọn nghĩa vụ như thế mới không có sự khổ trong chánh mạng, như bắt cá 2 tay. Lẽ đó, ngài dạy bậc xuất gia cần phải tìm thực phẩm mà thí chủ tùy sức cúng dâng. Bốn nissaya đó là vật dễ tìm kiếm hơn hết. Ngài cho phép dùng để ngăn ngừa cái tâm không cho lay chuyển, vì là người nương

nơi kẻ khác, họ cho chi dùng nấy, mới gọi là bậc xuất gia, có tâm tri túc, ưa thích vật dụng tùy được tùy có, là người dễ nuôi tức nhiên trì giới cũng dễ, để tu thiền định và trí tuệ nối tiếp là nấc thang cao thượng, được dễ dàng.

XIV- Tỳ-khuru chưa có nissaya muttaka, khi vào xóm cần bạch cho upajjhàya, àcàriya mới nên đi.

XV- Trong 6 samutthana phạm àpati đều alajjità, phạm mà không biết thẹn, là tội xấu xa nặng nề hơn hết, vì không biết hổ thì điều nào cũng phạm được cả.

XVI- Khoe lokiyānaddhā, calassaddhā thì phạm pācittiya, khoe lokuttarasaddhā, acalasaddhā thì phạm pārājika.

XVII- tiếng "civara" chẳng phải kể chung tất cả y từ 4 + 8 ngón. Chỉ nói về sikkhāpada 1, 5, 6 của civaragga, trong sikkhāpada thứ 5, 6 của pattavagga, trong sikkhāpada thứ 5 của ovādavagga, trong sikkhāpada thứ 10 của surāpanavagga, trong sikkhāpada thứ 11 của sahadhammikavagga.

XVIII- Nếu làm vinayakamma để dùng vật đã ngăn đó cho ra vật ăn được theo sikkhāpada thứ 5 của bhojanavagga, phải làm vinayakamma như vậy: lấy bhojana đem để có nơi, đi thỉnh vị khác không ngăn bhojana đến thọ thực, làm cho có phép, rồi cho vị kia dùng được.

XIX- Tỳ-khuru tính hoàn tục, mặc thứ y kẻ thế, phạm dukkata.

XX- Từ mặt trời mọc đến đứng bóng gọi là purebhattakala. Từ quá Ngọ đến gần sáng gọi là pacchābhattakāla.

XXI- Phạm bhedanaka pācittiya, phải phá bỏ vật sanh àpatti trước, rồi sám hối sau (như sikkhāpada thứ tư của rājavagga) mới nên.

Phạm chedanaka pācittiya cần cắt bỏ vật sanh àpatti cho trúng theo luật, rồi mới nên sám hối (như sikkhāpada thứ 6 của rājavagga).

XXII- Vật che thân có 3: y, nhà tắm trong nước.

Sāpattikassa bhikkhave nirāyam vadāmi tiracchānāyonimvā

Này các Tỳ-khuru! Như Lai nhất định nói: địa ngục và cầm thú để cho các Tỳ-khuru phạm tội [*].

[*] là phạm tội nhỏ mà không sám hối; phạm Bất cộng trụ mà không hoàn tục; phạm Tăng tàn mà không chịu cầm phòng.

-ooOoo-

GIẢI VỀ CÁCH THỨC SÁM HỐI

Các tội mà Tỳ-khưu đã cố ý phạm rồi thì làm cho hư hoại đường trời đạo quả và Niết Bàn, vì là phạm điều răn của đức Phật.

Cho nên Tỳ-khưu khi đã phạm điều học Bất cộng trụ phải xin xả giới hoàn tục, phạm Tăng tàn nên khai giới ấy cho tăng xử tội theo luật định, phạm các tội nhẹ cần phải đối với Tăng hoặc 2, 3 hay 1 vị Tỳ-khưu mà sám hối, mới trở nên trong sạch được.

Tỳ-khưu phạm tội mặc y chừa 1 bên rồi đi tìm vị khác, ngồi chồm hổm chấp tay đọc bài sám hối.

Nếu phạm một tội đọc:

*Aham àvuso / bhante ekam thullaccayam / pàcittiyam / dukkatam/ dubbhàsitam
Àpattim àpannotam patidesemi*

Nghĩa là:

Bạch Ông / Đại đức , tôi phạm Trọng tội / Tội Ưng đối trị / Tội Tác ác / Tội Ác khẩu

Nay tôi xin sám hối tội lỗi ấy.

Người chứng nhận đọc:

Passatha bhante - (nghĩa: Bạch đại đức đã thấy rồi chăng?)

Passàsi àvuso - (ông đã thấy rồi chăng?).

Người sám hối đọc:

Àma àvuso / bhante passàmi

Nghĩa là: Bạch Ông / Đại đức, tôi đã thấy.

Người chứng nhận đọc:

Àyatim bhante samvarareyyàtha

Nghĩa là: Bạch, từ đây Đại đức nên thu thúc lấy.

Āyatim āvuso samvareyyāsi

Nghĩa là: Bạch từ đây ông nên thu thúc lấy.

Người sám hối đọc:

Sādhū sutthu āvuso / bhante samvarissāmi

Nghĩa là: Bạch Ông / Đại đức, phải rồi tôi xin thu thúc chơn chánh

Nếu phạm 2 tội đọc:

*Aham āvuso / bhante dve thullaccayāyo / àcittiyāyo / dukkatāyo/ dubbhāsītāyo
Āpattiyo àpannotā pātidesemi*

Nếu phạm 3 tội đọc:

*Aham āvuso / bhante sambahulā thullaccayāyo / àcittiyāyo / dukkatāyo/
dubbhāsītāyo
Āpattiyo àpannotā pātidesemi*

Nếu phạm nhiều tội Ứng xả đối trị nên xả bỏ vật (y, bát) trước rồi mới nên sám hối tội Ứng xả đối trị sau. Xả y đọc:

*Idamme āvuso /bhante cīvaram dasàhātikkantam nissaggiyam imàhām
āyasmato nissajjāmi*

Nghĩa là:

Bạch Ông / Đại đức, y này của tôi đã quá 10 ngày, là vật phải xả, tôi xin xả y ấy của tôi đến Ông / Đại đức.

Xả như thế, rồi sám hối tội Ứng đối trị (pàcittiya) như đã giải trên.

Người chứng nhận đọc câu này để trả y ấy lại.

Iman cīvaram āyasmato dammi

Nghĩa là: Tôi cho y này đến ngài.

Nếu phải xả y ca-sa thì đọc:

*Ayamme àvuso /bhante sanghàti uttaràsango antaravàsako ekarattim
Vippavuttho annatrabhikkhusammatiyà nissaggiyà imàham àyasmato
nissajjàmi*

Nếu xả bát giữa quá 10 ngày, đọc:

*Ayamme àvuso /bhante patto dasàhàtikkhanto nissaggiyo imàham àyasmato
nissajjàmi*

Nếu xả nhiều đọc:

*Imme àvuso /bhante pattà dasàhàtikkhanà nissaggiyà imàham àyasmato
nissajjàmi*

Về Rpiya, vật mua, đổi bằng rùpiya, và bát nút bể chưa đủ 5 chỗ, phạm 3 điều học ấy, phải xả vật ở giữa Tng.

Nếu có nghi phải tỏ sự nghi ấy trước rồi sau mới nên xả y dư, nghi rằng chưa adhitthàna trước 10 ngày nên nói: "Nếu y này thiệt chưa adhitthàna, khi đã xả như thế sẽ trở thành vật cho tôi dùng được".

Nói như thế nên xả y như đã có giải trên. Khi đã nói cho biết như vậy rồi làm vinayakamma, không phạm tội nói dối.

Lại nữa trong ngày Uposatha Pavàranà mình nghi phạm tội, nên tỏ hay sự nghi ấy trước rồi mới nên làm Uposatha Pavàranà và nghe giới bốn (Pàtimokkha). Chẳng nên làm hại đến Uposatha và Pavàrana vì sự nín thính không sám hối, tìm vị Tỳ-khuru rồi ngồi chồm hõm chấp tay.

Nếu nghi 1 tội đọc:

*Aham àvuso / bhante ekissà thullaccayàya / pacittiyàya / dukkatàya /
dubbhàsitàya
Àpattiyà vematiko yadànibbematiko bhavissàmi tadàtamàpattim patikarissàmi*

Nghĩa là: Bạch Ông / Đại đức, tôi nghi trong Trọng tội / Tội Ưng đối trị / Tội Tác ác / Tội ác khẩu,
Khi hết nghi tôi sẽ sám hối tội ấy.

Nếu nghi 2 tội, đọc:

*Aham Àvuso / bhante dvìsu thullaccayàsu / pacittiyàsu
Àpattisu vematiko yadànibbematiko bhavissàmi tadàtamàpattiyo patikarissàmi*

Nghi nhiều tội đọc:

Aham Àvuso / bhante sambahulàsu thullaccayàsu / pacittiyàsu

Nghi phạm nhiều tội mà điều học khác nhau:

Aham Àvuso / bhante sambahulàsunaṇṇavattukàsu thullaccayàsu / pacittiyàsu / ukkatàsu / dubbhàsitàsu

Không nghi bày, tên tội mà sám hối cũng nên, sám hối như vậy:

Như mặt trời bị mây che áng, nghi là buổi sáng hoặc buổi chiều, rồi dùng vật yàvakàlika, tội đã nghi rồi mà dùng vật yàvakàlika.

Nếu buổi sáng thì phạm Tác ác, đọc:

Aham àvuso / bhante yàtamin vatthusmim sambahulà dukkatàyo / pacittiyàyo àpattiyo àpannotà patidesemi

Người chứng nhận đọc như đã giải trên:

Lại nữa, Tỳ-khưu sám hối hoặc chứng nhận tội phạm đồng nhau sabhàgàpatti, phạm tội Tác ác, vì đức Phật có dạy: *Na bhikhave sabhàgà àpatti desetabbà... patiggahetabbà.*

Nghĩa là: Tội đồng nhau, Tỳ-khưu không nên sám hối, nếu sám hối phạm Tác ác. Tội đồng nhau, Tỳ-khưu không nên chứng nhận, nếu chứng nhận phạm Tác ác.

Hai Tỳ-khưu phạm tội đồng nhau (chung 1 điều học) như ăn sái giờ cùng nhau không nên sám hối, không nên chứng nhận lời sám hối với nhau.

Nếu 1 vị phạm tội ăn sái giờ, sám hối với vị phạm tội ăn vật thực không phải của dư, của Tỳ-khưu bệnh, cũng được.

Nhưng tội nào, có phạm điều học giống nhau mà Tỳ-khưu sám hối rồi, cũng gọi là sám hối chơn chánh. Người sám hối phạm thêm Tác ác khác (vì sám hối), còn người chứng nhận cũng phạm thêm Tác ác khác (vì chứng nhận), tội ấy gọi là tội có điều học khác nhau. Cho nên chờ sám hối cùng nhau nữa cũng được.

Trong khi nghe tụng giới bốn hoặc Pavàrana, nếu nhớ tội được, nên cho Tỳ-khưu ngồi gần hay tên tội như vậy:

Nếu nhớ đến 1 tội đọc:

*Aham àvuso / bhante ekam thullaccayam / pacittiyam / dukkatam /
dubbhàsitam*

Àpattim àpanno ito vutthahitvā tam àpattim patikarissāmi

Nghĩa là: Bạch Ông / Đại đức, tôi phạm 1 Trọng tội / 1 Tội Ưng đối trị / 1 Tội ác / 1 Tội ác khẩu,

Khi đứng dậy khỏi nơi đây tôi sẽ sám hối tội ấy.

Nếu phạm nhiều tội nên khai tiếng khác vào như đã có giải trên.

Phải tỏ với Tỳ-khuru sabhàga, không nên nói đến Tỳ-khuru visabhàga vì e có sự cãi lẽ. Nếu không có Tỳ-khuru sabhàga, thì cần ghi nhớ trong tâm rằng: Khi ra khỏi nơi, ta sẽ sám hối. Rồi làm Uposatha, Pavàranà được.

Nếu tất cả chư Tỳ-khuru trong chùa đều phạm điều học giống nhau, nên cho 1 vị đến chùa khác sám hối rồi trở về cho Tỳ-khuru trong chùa sám hối lại.

Nếu không có thể được thì vị Tỳ-khuru thông hiểu nên đọc tuyên ngôn giữa Tăng rằng:

*Sunàtume bhante sangho ayam sabbo sangho sabhàgam àpattim àpanno yadā
annam bhikkhum suddham anàpatti tam apattim patikarissati.*

Rồi làm Uposatha Pavàranà. Nếu nghi, nên tụng tuyên ngôn giữa Tăng:

*Sunàtume bhante sangho ayam sabbo sangho sabhàgā àpattiyā vematiko
yadā nibbe matiko bhavissati tadā tam apattim patikarissati.*

Rồi làm Uposatha Pavàranà.

Nếu có Tỳ-khuru cho rằng: nên sám hối sabhàgàpatti ấy, rồi 2 vị sám hối cùng nhau. Đã sám hối gọi là sám hối chơn chánh, cả 2 Tỳ-khuru ấy phạm tội khác điều học nhau như đã có giải trước. Cho nên phải sám hối cũng nhau thêm nữa. Cả 2 vị ấy đều trong sạch. Chư Tỳ-khuru khác nên sám hối với 2 vị ấy. Tỳ-khuru phạm tội chưa sám hối nghe giới bốn hoặc Pavàranà, thì phạm Tác ác.

- PHẠM BẤT CỘNG TRỤ, TĂNG TÀN, KHÔNG NÊN SÁM HỐI
- KHÔNG TỘI, KHÔNG NÊN SÁM HỐI
- TỘI ĐÃ SÁM HỐI, KHÔNG NÊN SÁM HỐI NỮA
- KHÔNG NÊN SÁM HỐI VỚI TỖ-KHUU KHÔNG ĐỒNG ĐẲNG NHAU

- KHÔNG NÊN SÁM HỐI MỘT LƯỢT VỚI NHAU
- KHÔNG NÊN SÁM HỐI TRONG TÂM
- KHÔNG NÊN SÁM HỐI VỚI TỖ-KHUU MÀ "TĂNG" ĐÃ PHẠT CẤM PHÒNG (KHÔNG CHO Ở CHUNG), KHÔNG CHO LÀM "UPOSATHA PAVÀRANÀ" CHUNG

Lại nữa, nhiều tội khác nhau, không nên sám hối chung lại 1 tội, phạm 1 tội, sám hối nhiều tội gọi là sám hối chơn chánh.

Phạm tội Bất cộng trụ rồi hườn tục theo phép, gọi là sám hối Bất cộng trụ.

--- o0o ---

Phần 04

GIẢI VỀ PHÉP ĐÀU ĐÀ (DHUTANGAKATHÀ)

Tiếng đầu đà - DHUTANGAKATHA nghĩa là: Chi [*] của người dứt phiền não, hoặc tư cách có trí tuệ để dứt trừ phiền não, là điều kiện và là sự tu hành để phá hủy nghịch pháp. Nói tóm tắt là tác ý để thọ trì chi ấy.

[*] Chi: là nguyên ở một vật thể chia rẽ ra, Phạm ngữ gọi là Anga.

ĐÀU ĐÀ CÓ 13 PHÉP

- 1) Pamsukùkanga: chi của Tỳ-khuru là người có phẩm cách, thường mặc y ca-sa có trạng thái đáng gớm như phần đất.
- 2) Tecìvarikànga: chi của Tỳ-khuru là người chỉ thường mặc tam y (y 2 lớp, y vai trái và y nội).
- 3) Pindapàtikanga: chi của Tỳ-khuru là người có phẩm cách, thường đi để khát thực.
- 4) Sapadànacàrikanga: chi của Tỳ-khuru là người có phẩm cách để đi khát thực theo mỗi nhà.
- 5) Ekàsanikanga: chi của Tỳ-khuru là người có phẩm cách chỉ thường dùng vật thực trong 1 chỗ ngồi
- 6) Pattapindikanga: chi của Tỳ-khuru là người có phẩm cách chỉ thường dùng vật thực trong 1 bát

- 7) Khalupacchabhikkhanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách không dùng vật thực mà mình đã ngăn, sau rồi mới được lại
- 8) Ārannikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách thường trú ngụ trong rừng.
- 9) Rukkhamūlikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách trú ngụ gần cội cây
- 10) Abbhokāsikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách thường trú ngụ trong nơi khoảng trống.
- 11) Sosānikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách thường trú ngụ trong rừng mộ địa.
- 12) Yathāsanthatikanga: chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách chỉ ngụ trong chỗ mà Tăng đã cho đầu tiên, không dời đổi.
- 13) Nesajjikanga: chi của Tỳ-khưu là người thường có phẩm cách ngăn oai nghi nằm, chỉ đứng và ngồi.

---o0o---

GIẢI VỀ CÁCH THỌ TRÌ ĐẦU ĐÀ (Dhutangasamādāna vidhānādīkathā)

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, phải đối với Ngài mà thọ phép đầu đà. Sau khi Ngài nhập Niết bàn rồi phải thọ với chư đại Thánh văn. Sau khi không còn chư đại Thánh văn, nên xin giữ với bậc A la hán, A na hàm, Tư đà hàm, Tu đà hườn, với bậc thông hiểu Tam tạng hoặc 2 tạng, hoặc 1 tạng. Sau nữa nên xin với bậc đã hành phép đầu đà trước. Nếu không có, nên quét dọn tháp, chùa cho sạch, hết lòng thành kính lễ bái cúng dường như thờ đức Chánh Biến Tri còn tại tiền, rồi ngồi chồm hóm chấp tay xin thọ, bằng không thì thọ nơi mình cũng được.

---o0o---

I- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG MẶC Y CA-SA ĐÁNG GÓM NHƯ PHẨM ĐẤT(Pamasukūlikanga)

Có 2 cách thọ:

- 1) Tôi xin ngăn [*] y ca-sa mà thí chủ dâng cúng (gahapati dānacivaram patikkhipāmi).
- 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khuru, là người có phẩm cách thường mặc y ca-sa đáng góm như phân đất (pamsukūlikāngam samādiyāmi).

[*] Ngăn: nghĩa là không dùng đến.

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Hành giả khi đã thọ trì đầu đà này rồi, phải tìm 1 trong 23 thứ vải, kể dưới đây, kiểm thứ nào còn chắc, đem vá cắt, may làm ca-sa, rồi đổi bộ y mà thí chủ đã dâng cho mình đang dùng, mặc y đáng góm ấy.

23 thứ vải đáng góm ấy là:

- Vải bỏ nơi mồ mả (sosānika).
- Vải bỏ nơi quán hàng chợ (āpanika).
- Vải dơ mà kẻ tín thí muốn bỏ thí đem bỏ giữa đường đi (rathiyacola).
- Vải dơ bỏ nơi đồng rác (sankāracola).
- Vải chùi mình dơ rồi bỏ (sothiya).
- Vải dơ mà người bệnh mặc để cho thầy làm phép tắm rồi bỏ (nānacola).
- Vải bỏ tại bên nước (titthacola).
- Vải dơ bỏ tử thi rồi bỏ (gatapaccāgata).
- Vải đã bị cháy 1, 2 chỗ rồi bỏ (aggidaddha).
- Vải bị dò xé rồi bỏ (gokhāyita).
- Vải bị mối ăn rồi bỏ (upacikākhāyota).
- Vải bị chuột cắn rồi bỏ (undirakhāyita).
- Vải rách bìa rồi bỏ (antacchinna).
- Vải rách biên rồi bỏ (dasacchinna).
- Vải làm cờ và phướng rồi bỏ (dhajāhata).
- Vải rịt ghê rồi bỏ (thūpacivara).
- Vải mà Sa-môn bỏ (samanacivara).
- Vải dùng trong việc tôn vương rồi bỏ (ābhisokika).
- Vải của Tỳ-khuru Ehibhikkhu [1] cho (oddhimaya).
- Vải rơi rớt giữa đường đi (panthika) [2]
- Vải bị gió thổi bay, chủ bỏ (vātāhata).
- Vải chur thiên đem bỏ thí, bỏ 1 nơi nào (devadattiya).
- Vải bị sóng biển đáng tấp vào bờ (sāmuddiya).

[1] Ehibhikkhu là Tỳ-khuru khi Phật chứng cho làm Tỳ-khuru tự nhiên có y sẵn mặc (Thiện lai Tỳ-khuru).

[2] Vải như thế nên chờ xem coi nếu họ thiệt bỏ rồi sẽ lượm.

Trong 23 thứ vải đã kể trên, Tỳ-khưu đã nguyện giữ đầu đà rồi, kiếm được và may đủ, thì phải bỏ y cũ (y đã mặc lúc còn chùa hay là của thí chủ dâng cúng).

Không phép dùng y của thí chủ dâng đến tay, nếu Tỳ-khưu với nhau cho thì mặc được.

Tỳ-khưu giữ đầu đà này có 3 bậc:

- Bậc thượng: Chỉ mặc tam y làm bằng vải dơ lượm nơi mộ địa.
- Bậc trung: Làm bằng vải dơ của người bỏ.
- Bậc hạ: Mặc tam y làm bằng vải dơ của thí cố ý làm phước, đem gàn bỏ gàn bên chân

Ba bậc Tỳ-khưu này nếu thọ lãnh y nơi tay thí chủ dâng cúng, gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Cho nên chẳng phải chỉ có đầu đà này đâu, đầu đà là 12 đầu đà sẽ giải ra phía sau, nếu Tỳ-khưu đã nguyện giữ rồi mà phá hư, nhưng cố ý hành nữa, cần phải thọ mới lại.

Đầu đà này có 12 quả báu.

1. Nissāyanurūpapatipattisabbhāvo: người có tư cách hành vừa theo phép nương [1] mà vị hoà thượng dạy bảo khi mới thọ cụ túc giới.
2. Pathame ariyavamse patitthānam: tư cách ở trong vòng thánh thứ nhất. [2]
3. Ārakkhadukkhābhāvo: không có khổ vì sự gìn giữ y.
4. Aparāvattavuttitā: không có sự quấy luyến vì kẻ khác.
5. Corabhayana abhayatā: không lo sợ vì kẻ cướp.
6. Paribhogatanhāya abhāvo: không ham muốn trong sự thọ dụng.
7. Samanasārupparikkhātā: người có vật phụ tùng vừa theo phận Sa-môn.
8. Bhagavata samvannitapaccayatā: người có vật dụng mà đức Thế Tôn khen ngợi.
9. Pāsādikatā: người đem đức tin đến kẻ khác.
10. Appicchatā dinam phalanipphatti: tư cách thành tựu các thứ quả, nhất là không tham hoặc ít tham.
11. Sammāpatipattiyā anubrūhanam: tư cách làm cho chánh đạo được tăng trưởng.
12. Pacchimāya janatāya ditthānuggati āpādanam: tư cách làm mô phạm cho kẻ hậu lai.

[1] có giải nơi "truyền cụ túc giới"

[2] vòng thánh có 4 tri túc trong casa, tri túc trong khát thực, tri túc trong chỗ ở, tri túc trong thuốc men.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ MẶC TAM Y ĐÁNG GÓM

Màrasenam vighàtàyā pamsukūladharo yatisannadhakavaco yudhekhattiyo viyasobhati pahāya kāsikādini varavatthāni dhāritam yam lokagarunā ko tam pamsukulam na dhāraye tasmā hiattano bhikkhu patinnam samanussaram yogacārānukūlamhi pamsukule rato siuyā

Nghĩa là: "Bậc đế vương mang thiết giáp bền chắc trong nơi chiến trường thế nào, hành giả là người hành đầu đà mặc tam y đáng gồm, bền chắc trong tư cách sát nhân hại quân ma cũng như thế ấy".

Đức Thế Tôn là tổ sư của chúng sanh trong tam giới mà ngài cũng bỏ các y đáng quý giá, nhứt là y xứ Kàsi, trở lại mặc y phục quý giá, nhất là được ở xứ Kàsi, trở lại mặc y đáng nhòm gồm. Vậy Tỳ-khuru nào dám không mặc y ca-sa đáng gồm ấy được. Cho nên khi hành giả khi đã nhớ đến lời nguyện của mình nên ưa thích trong y ca-sa đáng gồm, vừa theo sự tinh tấn.

---o0o---

II- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ CHỈ MẶC TAM Y (Teciṅvarikāṅga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ:

- 1) Tôi xin ngăn y thứ 4 (catutthaka cīvarampatikkhipāmi).
- 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khuru, người chỉ dùng tam y (teciṅvarikāṅgam samādiyāmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý. Tỳ-khuru hành đầu đà này, khi đã thọ trì nếu được vải để làm y (ngoài tam y cũ) mà chưa làm xong hoặc còn thiếu vải, thiếu kim, chỉ, được phép cất giữ vải ấy không có tội trong sự ưa thích y thứ tư, vì nguyện nhận cất giữ vải ấy. Nhưng khi đã nhuộm rồi, không nên để dành. Nếu còn tích trữ, gọi là kẻ cướp lớn về phần đầu đà.

Tỳ-khuru giữa đầu đà này có 3 bậc.

- Bậc thượng: trong khi nhuộm y, nếu nhuộm y nội trước thì mặc y vai trái, y nội khô, lấy mặc vào rồi nhuộm y khác. Muốn nhuộm y nội và y vai trái một

lượt cũng được, nhưng phải ngồi gần chỗ phơi y, như có kẻ ngoài đi đến, nên lấy mặc vào, chẳng nên để thân trần truồng và mặc y 2 lớp.

- Bạc trung: nếu muốn nhuộm y 1 lượt, thì được phép mặc đỡ y để nơi nhà nhuộm.

- Bạc hạ: trong khi nhuộm y, được phép mặc đỡ y của vị khác (trong bọn) hoặc dùng ngoạ y cũng được.

Ba bậc Tỳ-khuru này, nếu dùng đến tứ y, gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ [*].

[] được phép dùng y lót mồ hôi bề ngang 1 gang, bề dài 3 hắc.*

Phép đầu đà này có 11 quả báo:

1. Santuttho: được gọi là người có tri túc trong số y vừa đủ mặc.
2. Samàdayevagamanam: tư cách chỉ có tam y thôi, dường như loài chim [1] (bay đến nơi nào chỉ có cặp cánh).
3. Appasamàrambhata: người ít bận việc gì lo khỏi hong phơi hoặc xếp cất các y dư.
4. Vatthasannidhiparivajjanam: tư cách tu hành, không có sự gom thu để dành y.
5. Sallahuka vuttita: người hành vi nhẹ nhàng mau mắn.
6. Atirekacivaralolupappahanam: tư cách dứt bỏ sự dứt bỏ xấu sa thái hoá trong y dư.
7. Kappiyemattakàrità: trạng thái có tiếp độ trong y vừa (đủ dùng) [2].
8. Sallekhavuttita: người tu hành làm cho phiền não trở nên nhẹ nhàng.
9. Appicchapàdinam phalanipphatti: tư cách thành tựu các thứ quả, nhất là không tham hoặc ít tham.
10. Sammàpatipattiya anubrùhanam: tư cách làm cho chánh đạo được tăng trưởng.
11. Pacchimàia janatàya ditthanugaviapàdanam: tư cách làm mô phạm cho kẻ hậu lai.

[1] Loài chim bay đến đâu, chỉ có cặp cánh vừa để hộ thân, không cất chứa vật chi theo cả.

[2] Dầu đức Chánh Biến tri cho phép dùng các thứ y như tọa cụ, Tỳ-khuru ấy cũng chỉ vui thích trong tam y thôi

Ấy là 11 quả báo trong đầu đà chỉ mặc tam y, mà Tỳ-khuru đã được thọ trì chín chắn.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ CHỈ MẶC TAM Y.

Atirekavattathanham pahàya sannidhivivajjito dhìro santosa sukharasannu ticivaradharo bhavati yogi tasmà sapattacararano pakhiva sacivarova yogivaro sukkha manuvicaritukàmo cìvaraniyam ratim kayirà.

Nghĩa là: Hành giả là người có trí tuệ, biết lượng vị của điều an vui phát sanh do sự tri túc, hằng dứt bỏ lòng ham muốn y dư quá số, các ngài năng lánh xa tư cách gom thu y dư để dành, chỉ dùng tam y thôi. Cho nên hành giả cao thượng (trong Phật pháp), khi muốn đi đầu được an vui, chỉ nên có 3 mang y dính theo mình, dường như loài chim bay, chỉ có cặp cánh dính theo mình mà thôi. Phải nên vui thích trong y có hạn định ấy.

---o0o---

III- CÁCH THỌ TRÌ ĐẦU ĐÀ THƯỜNG ĐI ĐỂ KHUẤT THỰC (Pindapàtikànga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ:

- 1- Tôi xin ngăn lễ vật ngoài phạm thực mà tôi đi xin được [*] (atirekalàbham patikkhipàmi).
- 2- Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khuru là người có phạm cách đi để khát thực (pindapàtikangam samàdiyàmi).

[] vật thực mà thí chủ để vào bát mỗi nhà mỗi chút .*

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào cũng được.

Hành giả đã nguyện thọ phép thọ đầu đà này rồi không nên ưa thích trong 14 thực phẩm dư nữa (atirekalàbha).

14 thực phẩm dư là:

1. Sanghabhatta: thực phẩm mà thí chủ dâng đến tất cả chư tăng.
2. Uddesabhatta: thực phẩm mà họ dâng đến 1 hoặc 2 vị Tỳ-khuru thế mặt cho tăng.
3. Nimantanabhatta: thực phẩm họ thỉnh Tỳ-khuru đến rồi dâng.
4. Salàkabhatta: thực phẩm họ dâng theo cách rút thăm.
5. Pakkhikabhatta: thực phẩm họ dâng trong 1 tuần, hoặc mỗi tháng chỉ có 1 ngày.

6. Uposathikabhatta: thực phẩm họ dâng trong mỗi ngày lễ bát quan trai.
7. Pàtipadikabhatta: thực phẩm họ chỉ dâng trong ngày mùng 1 hoặc 16.
8. Àgamtukabhatta: thực phẩm họ dâng đến Tỳ-khuru ở xa mới đến.
9. Gamikabhatta: thực phẩm họ dâng Tỳ-khuru sắp ra đi đường xa.
10. Gilànbhatta: thực phẩm họ dâng đến Tỳ-khuru bệnh.
11. Gilànupatthàkabhatta: thực phẩm họ dâng đến Tỳ-khuru nuôi bệnh.
12. Vihàrabhatta: thực phẩm họ dâng đến chùa, đến thất.
13. Dhurabhatta: thực phẩm họ để dành trong nhà có việc, rồi họ dâng. [*]
14. Varabhatta: thực phẩm họ chia phần nhau dâng.

[] vật thực mà thí chủ để vào bát mỗi nhà mỗi chút .*

Trong cả 14 thực phẩm ấy, Tỳ-khuru hành đầu đà đi khát thực không nên thọ. Nhưng nếu thí chủ thông hiểu, không thỉnh rằng: Ngài thọ trai tăng mà nói "Xin đại đức thọ thực trong nhà chúng tôi, ngài cũng vậy." Như thế, Tỳ-khuru ấy thọ được, hoặc họ rút thăm để dâng các món thuốc không phải là vật ăn buổi sáng để phát sanh đến Tăng, hoặc vật thọ thực nấu trong chùa, Tỳ-khuru ấy thọ cũng được.

Tỳ-khuru hành đầu đà này có 3 bậc.

- Bậc thượng: Trong khi khát thực, nếu có tín thí do phía trước, hay là phía sau mà đến, hoặc lúc trở về thí chủ đem vật thực dâng cúng, thì được phép lãnh, trừ ra ngồi xuống rồi thì không phép thọ.

- Bậc trung: Dầu ngồi xuống rồi cũng còn thọ lãnh được.

- Bậc hạ: Nếu có thiện tín thỉnh trước để dâng cơm cũng được.

Ba bậc Tỳ-khuru này, nếu thọ lãnh 14 thứ vật thực kể trên, gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 15 quả báo:

1. Nissayànurùpapatipattisabbhàvo: người hành vừa theo phép nương [1].
2. Dutiye ariyamse patitthànam: tư cách ở trong vòng thánh thứ nhì [2].
3. Apparàyattàvuttitā: người có sự không dính dấp vì nuôi kẻ khác.
4. Bhagavatā samvannita paccayatā: người có vật dụng mà đức Thế Tôn hằng ngợi khen.
5. Kosajjanimmathanatā: người có sự dứt bỏ tánh lười biếng.
6. Parisuddhājivitā: người có sự tinh tấn trong cách nuôi mạng trong sạch.
7. Sekhiyapatipattipùranam: phương pháp tư tập phép ung học pháp.

8. Aparaposità: người không cần phải nuôi kẻ khác, vì biết tiết độ trong sự thọ lãnh. [3]
9. Pàranuggahakiriyà: phương pháp tiếp độ kẻ khác vì sự thọ lãnh mỗi nhà mỗi chút.
10. Mānappahānam: phương pháp dứt trừ tâm kiêu hãnh nghĩa là không chọn lựa vì trông cậy có vật thực khác.
11. Rasatanhāya nivāranam: phương pháp ngăn sự mong mỏi trong vị ngon của vật thực khác.
12. Ganabhojanaparampabho janacāritta sikkhapadehianāpattitā: người không phạm tội vì thọ ganabhojana, parampabhojana và cāritta (*xem trong điều học Ứng học pháp*) do không chịu mời thọ thực.
13. Appicchatādinam anulomavuttitā: người có tư cách hành vừa theo các đức tánh, nhất là không hoặc ít tham (Appicchata).
14. Sammāpatipattibrūhanam: phương pháp làm cho chánh đạo được tăng trưởng.
15. Pacchimājanatānukampanam: phương pháp tiếp độ kẻ hậu lai.

[1] phép nương mà vị hoà thượng dạy khi mới thọ cụ túc giới

[2] sự tri túc trong lúc đi khát thực.

[3] Không thọ lãnh cho nhiều để nuôi kẻ khác.

Ấy là 15 quả báo trong đầu đà để đi khát thực mà Tỳ-khưu hành được chơn chánh.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ ĐI ĐỂ KHÁT THỰC

Pindiyālopasantuttho aparāyattajiviko pahīnāhārololuppo hoticātuddiso yativinodayati kosajjam àjivassa visujjhati tasmā himātimanneyya bhikkhacāram sumedhaso.

Nghĩa là: hành giả có sự vui thích bình đẳng trong hột cơm mà người cho từng vá, có tư cách không nuôi kẻ khác, đã dứt bỏ lòng ham muốn xấu xa trong vật thực, là người có thể đi đến bốn phương được dễ dàng, dứt trừ sự lười biếng, cách nuôi mạng của Tỳ-khưu ấy được trong sạch.

Cho nên người có trí tuệ cao thượng không nên khinh rẻ sự khát thực ấy. Thật vậy, Tỳ-khưu hành đầu đà "đi để khát thực" là người chỉ nuôi một thân mạng không phải nuôi kẻ khác. Như thế chư thiên hằng yêu mến, trọng đãi và hộ trì, vì sự không mong được lễ vật và ngợi khen.

---o0o---

IV- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG ĐI KHẮT THỰC THEO MỖI NHÀ (Sapadànacàrikanga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ:

- 1) Tôi xin ngấn tư cách để đi khất thực theo ý muốn (loluppacàrampatikkhipàmi).
- 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khuru là người có phẩm cách thường đi khất thực theo mỗi nhà (sapadànacàrikangamsamàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Tỳ-khuru thọ phép đầu đà này, khi vào đến xóm nên đứng xem, e có điều rủi ro, nếu có sự biến cố nào, nên bỏ qua, đi đến nhà khác cũng được. Nơi nào quen chùng không được vật chi chút ít cả, nên cho rằng không phải là nhà thí rồi đi đến xóm khác. Song nếu được chút ít trong nơi nào, không nên bỏ qua và khất thực cho sớm, đừng phòng ngừa sự bỏ qua những nơi có điều rủi ro, để đi đến nơi khác không cho quá giờ, nếu có người bố thí trong chùa, hoặc gặp giữa đường, họ xin bát để vật thực đem đến dâng cũng được.

Tỳ-khuru hành đầu đà này, trong lúc đi theo đường, nếu đến buổi ăn, không nên đi trốn, dầu không được vật thực hoặc được chút ít, cũng phải đi khất thực mỗi nhà.

Tỳ-khuru hành đầu đà này có 3 bậc:

- Bậc thượng: Nếu có thí chủ đến do phía trước hoặc phía sau, hoặc lúc trở về, họ đem vật thực dâng cúng thì chẳng nên thọ, chỉ được phép lãnh khi đứng trước nhà.
- Bậc trung: được phép thọ, trừ ra khi đã ngồi xuống.
- Bậc hạ: ngồi xuống rồi cũng còn lãnh được.

Ba bậc này, nếu đi khất thực theo ý muốn gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ

Đầu đà này có 8 quả báo:

1. Kulesu niccanavakatà: Người thường đi xin trong các khoảng nhà.
2. Cantupamatà: người lành ví như mặt trăng, vì không dính dấp trong nhà nào

cả.

3. Kulamaccherappahànam: tư cách dứt bỏ sự bòn rít trong các nhà.
4. Samànakampità: người có sự tiếp độ bình đẳng đủ cả nhà.
5. Kulupàkidenavàbhàvo: người không có tội trong sự đi vào xóm.
6. Avhananabhinandana: tư cách không vui thích lời kêu gọi thỉnh mời.
7. Abhihàrena anattthikatà: người không có sự cần dùng vật thực mà họ đem đến dâng.
8. Appicchatàdinam anulomavuttitā: người có sự hành vừa theo các đức tánh, nhất là không tham hay ít tham.

Ấy là 8 quả báo trong sự thọ đầu đà đi khát thực theo mỗi nhà mà Tỳ-khưu được thọ trì được chín chắn.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ ĐI KHÁT THỰC THEO MỖI NHÀ

*Candùpamo niccanavo kulesu amacchari sabbasamànakampo
kulupakàdinavavippamutto hotidhabhikkhu sapađànacàri loluppacàram
pajahàya tasmà okkhittacakkhu yugamattadassi àkankhamàno bhuvisericàram
careyya dhìro sapađànacàram.*

Nghĩa là: Tỳ-khưu hành đầu đà đi khát thực theo mỗi nhà, trong Phật pháp này, là người lành ví như mặt trăng, là người thường đi xin ăn, là người không bòn rít trong các nhà, có sự tiếp độ bình đẳng đủ cả nhà, là người đã thoát khỏi tội, phát sanh do sự đi vào xóm.

Cho nên bậc trí tuệ, nếu muốn đi trên mặt đất theo sở thích, cũng phải dứt bỏ các đi khát thực theo ý muốn, phải có cặp mắt ngó xuống, chỉ nên liếc xem ra 1 ách (2 sải) rồi nên hành đầu đà đi khát thực theo mỗi nhà.

---o0o---

V- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỒI ĂN TRONG MỘT CHỖ (Ekàsanikanga)

Trong đầu đà này có 2 cách thọ:

- 1) Tôi xin ngăn tư cách ngồi ăn trong nhiều chỗ (nàsàsanabhojanam patikkhipàmi).
- 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu là người có phẩm cách chỉ ngồi ăn trong 1 chỗ (akàsanikangam samàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ cách nào tùy ý.

Tỳ-khuru thọ phép đầu đà này, trong nhà ăn, không nên ngồi chỗ của vị trưởng lão. Phải phân biệt trước chỗ ngồi vừa thoe địa vị mình, rồi mới nên ngồi. Khi đương ăn, nếu có ông thầy dạy đạo, hoặc vị hoà thượng đi đến nên đứng dậy làm lễ, nhưng không được trở lại ăn nữa.

Tỳ-khuru hành đầu đà này có 3 bậc:

- Bậc thượng: dầu có vật thực nhiều hay ít, nếu có thò tay vào thì chẳng nên ăn vật nào khác thêm nữa.
- Bậc trung: nếu vật thực trong bát còn được phép thọ thêm.
- Bậc hạ: nếu chưa ra khỏi chỗ ngồi ăn, được phép lãnh thêm.

Ba bậc này nếu ngồi ăn nhiều chỗ gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 8 quả báo:

1. Appabàdhatà: Trạng thái người ít có bệnh.
2. Appàtankatà: trạng thái người sống không kho,ả là khỏi bị khổ trong thân thể.
3. Lahutthànā: cách chỗi dậy nhẹ nhàng.
4. Balam: Có thân thể khỏe mạnh.
5. Phasuvihāro: cách ở được an vui.
6. Anātirittapaccayā anāpatti: không phạm tội vì thọ vật thực anātirittabhōjana [*].
7. Rasatānhāvāvinodanam: cách không mong được vị ngon.
8. Appicchatādinam anulomavuttitā: trạng thái người có sự hành vừa theo các đức tánh, nhất là không tham hay ít tham.

[] vật thực mà Tỳ-khuru đã ngăn rồi, sau khi đứng dậy khỏi chỗ ấy, thọ lãnh được rồi không làm theo luật (xem trong điều học Ngăn vật thực).*

Ấy là 8 quả báo trong đầu đà ăn trong 1 chỗ ngồi mà Tỳ-khuru thọ trì được chín chắn.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ ĂN TRONG MỘT CHỖ NGỒI

Ekàsanabhojane ratam nayatim bhojana paccayà rujà visahantirase aloluppo parihàpeti na kammamattano iti phàsuvihàra kàrane suvisallekharatupasevite janaye thavisuddha mànaso ratimekàsanabhojaneati.

Nghĩa là: các thứ bịnh phát sanh phát sanh do dùng vật thực, hằng không làm hại đến hành giả vui thích trong cách thường thọ thực trong 1 chỗ ngồi. Sự chẳng lựa chọn vị ngon không làm cho tiêu hoại nghiệp tinh tấn của hành giả.

Cho nên Tỳ-khuru, là người có tâm trong sạch nên làm cho sự vui thích phát sanh trong đầu đà, chỉ nên ngồi ăn trong 1 chỗ là nguyên nhân làm cho cách ở được an vui.

---o0o---

VI- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG ĂN TRONG MỘT BÁT (Pattapindikànga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ:

- 1) Tôi xin ngăn đồ đựng thứ nhì (dutyabhàjanam patikkhipàmi).
- 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khuru, là người có phẩm cách chỉ thường thọ thực trong 1 bát [*] (pattapindikàngamsamàdiyàmi).

[] tiếng "bát" đây chẳng phải chỉ nói về bình bát thôi đâu, dầu đồ dùng khác cũng gọi là bát được.*

Trong 1 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Tỳ-khuru thọ phép đầu đà này, khi dùng cháo phải để cháo trong đồ đựng, nếu được đồ an khô (khô, mẩn) nên ăn đồ khô trước cũng được, húp cháo trước cũng được, để đồ khô trong cháo, e có mùi hôi tanh, ăn rồi mửa ra, nhưng nếu ăn được cũng tốt. Về mật ong, hoặc đường thì phải chung vào ăn với cháo. Các vật ấy Tỳ-khuru phải thọ cho có tiết độ. Trong khi ăn nếu có nước chấm và củ, trái, rau, phải cầm ăn không tiện phải nên để vào bát.

Tỳ-khuru hành đầu đà này có 3 bậc:

- Bậc thượng: ăn vào miệng rồi dầu gắp xương, gắp rác cũng chẳng nên nhả ra (trừ ra ăn mía, được phép nhả rác).
- Bậc trung: ăn nhằm xương hoặc rác được phép nhả bỏ, nhưng không nên bóp, trộn vật thực trong bát rồi mới ăn.

- Bạc hạ: dầu trộn vật thực trong bát rồi mới ăn cũng được.

Ba bậc này, nếu ăn ngoài bát thì gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 6 quả báo:

1. Nànàrasatanhàvinodanam: cách dứt bỏ sự mong mỏi trong vật thực có vị ngon
2. Atricchatayapahànam: cách dứt bỏ trạng thái có sự ham muốn trong món ăn.
3. Àhàrepayojanamatta dassità: trạng thái người thấy điều hữu ích về sự tiết độ trong vật thực.
4. Thàlakàdipariharanakhedàbhàvo: không có sự cực nhọc nhất là cất giữ vật thực.
5. Avikkhittabhòjità: trạng thái người không có tâm thay đổi vật thực khác.
6. Appicchatàdinam anulomavuttità: trạng thái người có cách hành vừa theo các đức tánh, nhất là không tham hay ít tham.

Ấy là 6 quả báo trong đầu đà chỉ thường ăn trong một bát mà Tỳ-khưu thọ trì được chín chắn

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG ĂN TRONG MỘT BÁT.

Nànàbhàjanavikkhepam hitvà okkhittalocano khananto viya mùlani rasatanhàya sumànaso paribhunjeyya àhàram koanno pattapindiko.

Nghĩa là: hành giả là người dứt sự thay đổi trong nhiều món ăn khác, có cặp mắt ngó xuống, có hành vi chơn chánh, để đào bứng gốc rễ của lòng tham muốn, là người có thiện tâm hành phép tri túc, như người gìn giữ thân thể mình thế nào, thì Tỳ-khưu hành đầu đà chỉ thường ăn trong một bát, lẽ nào lại thọ thực (trong đồ đựng bát khác được).

---o0o---

VII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ NGĂN ATRITTABHOJANA (Khaluppacchàbhattikanga)

Khi Tỳ-khưu đương ăn có thí chủ đem vật thực đến dâng trong hắc mà không lãnh gọi là "Ngăn vật thực". Đến khi đứng dậy khỏi chỗ ấy rồi mà dùng vật thực ấy hoặc vật thực khác, phải cho người làm theo luật (vinayakamma) mới

ăn được. Không làm thì phạm Ưng đối trị, vật thực nhờ người làm vinayakamma được cho phép ăn nữa ấy gọi là atirittabhojana.

Trong đầu đà này có 2 cách thọ:

- 1) Tôi xin ngăn cách dùng (atirittabhojanam patikkhipàmi).
- 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khuru là người có phẩm cách không dùng vật thực đã ngăn rồi, mà sau lại được (khalupacchàbhattikangam samàdiyàmi).

Trong 2 cách này muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Tỳ-khuru thọ đầu đà này, khi đã ngăn vật thực rồi không nên nhờ người làm cho vật thực dùng được đâu. Đầu đà này có nghĩa giống nhau với điều học (pathama pavàrana) nhưng đây cao thượng hơn.

Nên biết đầu đà này có nghĩa cao thượng hơn điều học pathama pavàrana như thế nào? Trong điều học pathama pavàrana nói: Tỳ-khuru đã ngăn vật thực rồi, khi đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, nếu nhờ người làm vinayakamma rồi thì ăn vật thực ấy được. Trong đầu đà này không phải như thế, đầu có là người làm vinayakamma cho thành vật ăn được, cũng không nên ăn, ấy là chỗ cao thượng hơn, đối với điều học pathama pavàrana.

Tỳ-khuru hành đầu đà này có 3 bậc.

- Bậc thượng: khi đang ăn thức ăn mà ngăn vật thực của người dâng cúng thì chẳng được phép thọ thực phẩm còn lại trong bát.

- Bậc trung: đang ăn vật thực nào chỉ được phép ăn món ấy.

- Bậc hạ: được phép ăn cho đến khi đứng dậy.

Ba bậc này, nếu đã ngăn vật thực rồi mà còn ăn nữa gọi là pháp đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 5 quả báu:

- 1- Anatirittabho janàpattiyà durìbhàvo: trạng thái người lánh xa khỏi sự phạm tội vì cách dùng vật thực anatirittabhojana [*].
- 2- Odarikattàbhavo: không có cử chỉ người ăn quá no
- 3- Niramisasannidhita: trạng thái người không gom thu để dành vật thực.
- 4- Punapariye sanàya abbàvo: không có cách tìm kiếm thêm nữa

5- Appicchatàdīnam naulomavuttitā: trạng thái người có tư cách, hành vừa theo các đức, nhất là không tham hay ít tham.

[*] *Vật thực mà Tỳ-khuru đã ngăn, rồi sau khi được lại mà không nhờ người làm vinayakamma gọi là anātirittabhōjana.*

Ấy là 5 quả báo trong đầu đà này, mà Tỳ-khuru đã thọ trì chín chắn.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ NGĂN VẬT THỰC

Pariyesanāya khedam na yāti na karoti sannidhim dhiro odarikattam pajahati khahipacchabhaddiko yogītasma sugatappasattham santosagunādivuddhi sanjananam dose vidhu nitukāmo bhajeyya yogīdhutangamidam

Nghĩa là: Hành giả là người có trí tuệ, là người thọ trì chi của Tỳ-khuru có phẩm cách không dùng vật thực mà mình đã ngăn rồi khi sau ngược lại, là người không có sự khổ cực vì cách tìm vật dụng, không chất chứa vật dụng, là người bỏ tư cách thọ thực quá no.

Cho nên hành giả là người có trí tuệ, muốn dứt bỏ phiền khổ não, nên hành đầu đà này mà đức Thế Tôn hằng ngợi khen và đó là phương pháp làm cho tăng trưởng các đức tánh, nhất là đức tri túc.

---o0o---

VIII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NƯƠNG NGỰ TRONG RỪNG (Arannikanga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ:

- 1) Tôi xin ngăn cách ngụ nơi khoảng nhà, trước khi mặt trời mọc (gāmāntase nāsānam patikkhi pāmi).
- 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khuru, là người có phẩm cách thường nương ngụ trong rừng (arānni kangam samādiyāmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Tỳ-khuru hành đầu đà này, khi đã thọ trì rồi, không nên ở trong khoảng nhà trước khi mặt trời mọc.

Cần phải ngụ nơi rừng trước khi mặt trời mọc. Chỗ ở nơi khoảng nhà là nói về chỗ ở trong xóm [*]. Còn gọi là rừng ấy là chỉ về chỗ ngoài xóm và ngoài chỗ gần xóm.

[] người đàn ông có sức lực bậc trung lấy đất cục liệng rớt đến đâu, chỗ ấy là gần xóm.*

Chỗ nói xóm là: đầu xóm nào chỉ có 1 hoặc nhiều nhà có hàng rào hoặc vách tường, có tường xung quanh hoặc không có, có người ở hoặc buôn bán chỗ nào có bọn buôn bán đến trú ngụ nơi ấy hơn 4 tháng cũng đều gọi là xóm cả.

Chỗ ở trong rừng nên đo từ ranh xóm (chỗ có nhà chòi, trạm nghỉ) cho xa được 1.000 thước. Nếu không có ranh xóm, chòi, trạm nên đo từ chỗ cục đất mà người trai có sức lực bậc trung liệng rớt ấy. Nếu gần xóm nghe tiếng người mà bị khuất núi, hoặc có sông ngăn, không thể đi ngay tới được, nên đo theo đường mà họ thường đi tới lui. Nhưng không nên rào ngăn đường đi tắt gần của họ (nếu làm như thế gọi là "kẻ cướp lớn" về phần đầu đà này).

Đầu đà này có 8 quả báu:

1. Bhabbo aladdham và samàdhim pati ladhum: người đáng đặc thiên định chưa đắc.
2. Laddham và rakkhitum: người có thể gìn giữ thiên định đã đắc.
3. Satthàpissa attamano: đức thiên như sư hăng vừa lòng đối với Tỳ-khưu ấy.
4. Asappàyarupàdayo cittam na vikkhipanti: nhất là sắt trắn là điều không vừa lòng, không sao khuấy rối tâm Tỳ-khưu ấy được.
5. Vigatasantāso: xa lánh khỏi sự kinh sợ.
6. Jivitanikantim pajahati: có thể dứt bỏ sự vui thích trong sanh mạng được.
7. Pavivekasukharasam asàdeti: được nếm mùi vị của sự an vui nơi thanh vắng.
8. Pamsukùlikàdibhavo: người thế có thọ trì đầu đà mặc y ca-sa đáng gồm để dâng được.

Ấy là 8 quả báu đầu đà thường ngụ trong rừng.

---o0o---

KẾT LUẬN ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỰ TRONG RỪNG.

Pavivitto asamsatto pantasenāsane rato àrādhayanto nāthassa vanavāsena mānasam eko aranne nivasam yam sukham labhate yati rasam tassana vindanti api deva sandakā. Pamsukūlanca esovakavacā viya dhārayam arannasangā

*magato avasesadhutàyudho samattho nacirasseva jetum màram sahàhanam
tasmà aranna vàsamhi ratim kayiràtha pandito.*

Nghĩa là: Hành giả có tâm yên lặng, không lẫn lộn vì phe đảng, hằng vui thích trong nơi thanh vắng, là người có thể làm cho đức Phật được vừa lòng và khen rằng: Hành giả là người nương ngụ trong rừng 1 mình, hằng được an vui cho đến nỗi tất cả chư thiên và thiên đế cũng chẳng đặng nếm hương vị của sự an vui ấy. Như thế, nếu hành giả được hành thêm đầu đà mặc y đáng góp làm thiết giáp rồi, xông vào chiến trường tức là rừng, dùng 11 pháp Dhuta làm quân binh, thì có thể chiến thắng Ma vương cùng bọn quân ma được dễ dàng không lâu.

Cho nên bậc trí tuệ cần phải vui thích trong phương pháp nương ngụ trong rừng.

---o0o---

IX- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NƯƠNG NGỰ GẦN CỘI CÂY (Rukkhamùlikanga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ:

- 1) Tôi xin ngăn chỗ ở có che lợp (channam patikkhipàmi).
- 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khuru là người có phẩm cách thường nương ngụ gần cội cây (rukksasmuỳlikangam samàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Tỳ-khuru hành đầu đà này, khi đã thọ rồi nên tìm nương ngụ gần cội cây, cây nào ở xa chùa, nhà, trừ ra cây chỗ ranh xóm, cây mà họ hay đến cúng vái, cây có dầu, cây có trái, có bông mà họ cần dùng, có dơi chim, cò ở.

Tỳ-khuru hành đầu đà này có 3 bậc.

- Bậc thượng: chẳng nên lựa bông cây theo ý mình, phải tránh các thứ cây đã kể trên, lấy chân đũa lá cây, để làm chỗ ở.

- Bậc trung: nếu có người nào ở gần, nhờ họ quét dùm cũng được.

- Bậc hạ: được phép cây người ở chùa quét dùm cũng được và làm hàng rào cho. Bữa nào có nhiều người hội hiệp nơi ấy, phải tìm nơi khuất tịch khác.

Ba bậc này, nếu ở nơi nào có che lợp đến mặt trời mọc gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 6 quả báo:

- 1-Nissayànurùpapatipattisabbhàvo: người tu hành vừa theo phép nương mà vị hoà thượng đã dạy khi mới thọ cụ túc giới rằng: Người xuất gia nên nương ngụ nơi cội cây.
- 2- Bhagavatà samvannitapaccayata: người có vật dụng mà đức Thế Tôn hằng ngợi khen là vật dụng ít, dễ kiếm và không tội.
- 3- Anicca-sannàsamutthapanatà: trạng thái có thể làm cho phép vô thường tướng (anicca-sanna) phát sanh vì được thấy thường thường cái hiện tượng [*] của cây và lá.
- 4- Senàsanamaccherakammàramatànam abhàvo: không bón rít trong chỗ ở và là người vui thích trong phận sự mình.
- 5- Devatàhi sahavàsità: trạng thái mà người được ở chung cùng với chư thiên.
- 6- Appicchatàdinam anulomavuttitā: trạng thái mà người có phẩm cách tu hành vừa theo các đức tánh, nhất là không tham hay ít tham.

[*] trạng thái của vật mà người có thể cảm giác được.

Ấy là 6 quả báo trong đầu đà này mà Tỳ-khuru đã thọ trì được chín chắn.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NƯƠNG NGỰ GẦN CỘI CÂY.

*Vannito buddhasaetthena nissayoti cabhāsito nivāso pavivittassa
rukkhamūlasamo kutoāvāsamaccheraharedevatā paripālite pavivitte vasanto hi
rukkhamūlamhi subbato abhirattāni nīlāni pandūni patīani ca passanto
tarupannāni nicca-sannam panūdati tasamā hi buddhadāyajjam
bhāvanābhiratālayam vivittam nāti manneyyā rukkhamūlam vicakkhano.*

Nghĩa là: chỗ ở của Tỳ-khuru, là người có tâm yên lặng mà đức Phật hằng ngợi khen và giảng rằng: Chỗ ở trong rừng là nơi nương náu của bậc xuất gia, chẳng có chi sánh bằng "Tỳ-khuru ngụ trong rừng là nơi thanh vắng, có thể dứt bỏ được sự bón rít trong thất, có chư thiên nương theo rừng hộ trì nữa. Chẳng phải có thể thôi, Tỳ-khuru là người ở gần cội cây, khi thấy lá mới trở xanh tươi hoặc lá cây chín có màu vàng đã rụng, có thể dứt trừ phép thường tướng [*] (nicca-sanna). Bởi có ấy, bậc có trí tuệ không nên khinh rẻ chỗ yên lặng gần cội cây, là chỗ của đức Chánh Biến Tri đã ngụ, là nơi cư trú của các hành giả ưa thích trong phép thiền định.

[*] thường tương: tương là thường trong các sắc vô thường.

---o0o---

X- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỰ TRONG KHOẢNG TRÔNG (Abbhokàsikanga).

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ.

- 1) Tôi xin ngăn chỗ ở che lợp và chỗ ở gần cội cây (channanca rukkhamulanca patikkhipàmi).
- 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khuru là người có tư cách thường nương ngụ trong khoảng trống (abbhokàsikangam samàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Tỳ-khuru hành đầu đà này, nếu vào tịnh xá để nghe pháp, hoặc làm lễ Uposatha mà có mưa đến không nên cội ra đi, chờ cho mưa tạnh sẽ đi, hoặc đã vào nhà ăn, nhà khoi đã làm Phật sự (giúp việc cho vị trưởng lão, cho tăng cũng nên). Nếu đi theo đường có cắm vật phụ tùng của vị trưởng lão mà mắc mưa nên vào đụt mưa trong các phước xá (nhà trạm) cắt giữa đường cũng được, dầu không có cắm vật chi của vị trưởng lão, vào nơi ấy đụt mưa cũng nên, song phải đi chậm rãi, hoặc không nên tính ở nghỉ trong phước xá ấy.

Tỳ-khuru hành đầu đà có ba bậc:

- Bậc thượng: Chẳng nên ở dưới bóng cây, trong núi, nhà mát.
- Bậc trung: Nếu có việc phải vào nhà không lỗi.
- Bậc hạ: Vào nghỉ các nơi ấy cũng được nhưng không nên ở đến mặt trời mọc.

Ba bậc này nếu ở trong các nơi có che lợp, hoặc dưới cội cây hoặc ở chỗ che lợp đến mặt trời mọc, gọi là phá phép đầu đà mà mình nguyện giữ.

Quả báo trong abbhokàsikanga - Đầu đà này có 5 quả báo:

1. Àvàsapalibòdhupacchedo: cách dứt bỏ sự bận trong tịnh thất(chùa).
2. Thimamiddhappanudanam: cách dứt trừ sự lờng biếng trong thân tâm
3. Nissangata: trạng thái người không bận lòng vì sự lo gìn giữ chỗ ở.
4. Catuddisatà: trạng thái người đi đến 4 phương được, không có sự trở ngại, vì khỏi lo sợ không có chỗ ngủ.

5. Appicchatàdinam anulomavuttitā: Trạng thái người có sự hành vừa theo các đức tánh, nhất là không tham hay ít tham.

Ấy là 5 quả báo trong đầu đà này mà Tỳ-khưu thọ trì được chín chắn.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ NGỤ TRONG KHOẢNG TRỐNG.

*Anagàriyabhàvassa anurùpe adullabhe tàràmani vitanamhi candadi
pappabhàsìte abbhotàse vasam bhikkhu migabhutena cetasà thinamiddham
vinodetvā bhanamàràmatam sīto pavivekarasassādam nacirasseva vidatīyasmā
tasmāhisappanno obhokāse ratosiyā.*

Nghĩa là: Hành giả không gìn giữ chỗ ở, ví như thú rừng hăng nung theo trạng thái vui thích trong phép thiền định, tìm kiếm chỗ ngụ trong khoảng trống, là nơi vừa cho hàng xuất gia, lấy các ngôi sao làm trần, có ẩn dạng ngọc mã não, lấy mặt trăng làm đèn để soi sáng, có thể dứt trừ sự lười biếng trong thân tâm và không bao lâu sẽ được hưởng điều vui thích trong hương vị của pháp yên lặng.

Cho nên hành giả là người có trí tuệ nên ưa thích khoảng trống như thế.

---o0o---

XI- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỤ NƠI MỘ ĐỊA (Sosànikanga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ.

- 1) Tôi xin ngăn chỗ không có mồ mã (sasusānam patikkhipāmi).
- 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khưu là người thường có phẩm cách thường nương trong nơi mộ địa (Sosànikangam samādiyāmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Nơi thiêu người hoặc chôn tử thi đầu đà là họ còn đương thiêu hoặc chôn thường ngày hay là đã bỏ từ 12 năm rồi, cũng gọi là mộ địa. Những nơi nào họ nói là mộ địa mà chưa từng thiêu hoặc chôn tử thi, không gọi là mộ địa được.

Thật vậy, Tỳ-khưu ngụ trong mộ địa không nên bảo người làm chỗ đi kinh hành, chỗ để giường chõng, không nên chứa nước uống, tắm, rửa hoặc dạy người học kinh luật. Vì đầu đà này trọng lẩm, cần phải ngừa sự rủ ro. phải trình

cho vị trưởng lão trong chùa và các viên chức trong làng, tổng hay trước, rồi mới được phép vào ngụ, không nên dễ dãi. Khi đi vào, phải theo đường lộ, đến khi đi kinh hành phải iếc mắt xem chỗ thiêu hoặc chôn tử thi. Ban ngày nên phân biệt cho ròi chỗ có cây, đá, gốc cây. Nếu có phi nhơn [*] kêu la trong ban đêm, không nên dùng vật chi để đánh, đập, đuổi xô đầu. Cần đi đến mộ địa mỗi ngày, nếu đi vào nơi ấy lúc nửa đêm, khuya rồi trở về cũng được. Không nên ăn mè, bột trộn, với đậu rajamàsa, cá, thịt, hoặc bánh trộn với sữa tươi, dầu và đường mía, là vật vừa miệng của hành phi nhơn. Chẳng nên đi vào đình, miếu cát trong nơi ấy.

[] phi nhơn là nga qui mà người thường gọi là chư vị.*

Tỳ-khuru hành đầu đà này có 3 bậc:

- Bậc thượng: nên ở trong nơi nào mà họ thường chôn tử thi hoặc thường đến chôn ấy mà than khóc
- Bậc trung: nơi nào thường chôn hoặc thiêu tử thi cũng ở được.
- Bậc hạ: nơi nào có chôn hoặc thiêu tử thi một đôi lần, cũng ở được

Ba bậc này nếu lúc canh 5 (là canh chót, ít hơn hết) mà chẳng vào ở nơi mộ mã gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

10 quả báo trong Sosànikanga:

1. Maranassatipatilàbho: phương pháp đặc phép niệm sự chết do được thường thấy tử thi.
2. Appamadavihàratà: trạng thái người không dễ dãi, nhờ cách đặc phép niệm về sự chết.
3. Asubhanimittàdhigamo: phương pháp tham thiền thấy cảnh tử thi, do được xem tử thi bỏ trong mộ địa
4. Kàmaràgavinodanam: cách dứt giảm tình dục về sự tham thiền thấy cảnh tử thi ấy.
5. Abhinham kàyasabhàvadassanam: cách thường thấy trạng thái của thân thể không sạch.
6. Samvegabahulatà: trạng thái người có nhiều sự cảm sợ (samvega) do đặc phép niệm về sự chết.
7. Àrogyamadàdippahànam:: cách dứt bỏ sự say mê, do được thấy người bệnh trong nơi ấy.
8. Bhayabheravasahanatà: trạng thái người kiên nhẫn trong điều kinh sợ đáng ghê gớm vì quen gặp cảnh đáng ghê tởm.

9. Amanussànam garubhàvānīyatā: trạng thái người có phẩm cách đáng cho phi
nhơn tôn trọng và ngợi khen.

10. Appicchatādinam anulomavuttitā: trạng thái người có sự hành vừa theo các
đức tánh, nhất là không tham hay là ít tham.

Ấy là 10 quả báu trong đầu đà này mà Tỳ-khuru thọ trì được chín chắn

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỰ TRONG NƠI MỘ ĐỊA

*Sosānikanhimaranānusa-dippabhāva niddāga tampi phusanti pamādadosa
sampassato cakunapāni bhūni tassa kāmānurā gavasagampi nahoti cittam
sam vegameti vipulam namadam upeti sammāatho ghatati nibbutimesamāno
sosānikangamitineka gunāvahattā nibbānaninnahadayena nisevitabbam.*

Nghĩa là: Tỳ-khuru là người ngụ trong mộ địa, dầu muốn ngủ trong nơi ấy cũng
trái lẽ, vì không bị các sự dễ duôi tiếp xúc do thắng lực của phép thiền định về
sự chết đã đắc trong nơi ấy. Chẳng phải có thể thôi, tâm của Tỳ-khuru ấy khi đã
thường thấy tử thi thì không sao bị tình dục lôi cuốn mà chỉ có nhiều
Samvega (*dịch là "cảm sợ"*) không say mê.

Cho nên hành giả mong đạt đến Niết bàn là nơi dứt khổ, phải tinh tấn hành đầu
đà này, nhờ tâm chơn chánh xu hướng về phép đầu đà thường ngụ trong mộ địa
là pháp đem đến rất nhiều đức tánh như đã có giải.

---o0o---

XII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG Ở TRONG CHỖ TĂNG ĐÃ CHO ĐẦU TIÊN KHÔNG DỜI ĐỔI (Yathāsanthatikanga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ.

- 1) Tôi xin ngăn sự chọn lựa chỗ ở (senāsanalolupam patikkhipāmi).
- 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khuru là người thường có phẩm cách thường ở
trong chỗ mà Tăng cho đầu tiên, không dời đổi (yathāsathatikangam
samādiyāmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Hành giả thọ đầu đà này, nếu Tỳ-khuru thế mặt Tăng cho chỗ ở đầu tiên thế nào,
thì phải vui thích chỗ ở ấy thôi, không được tìm hỏi, hoặc đi lựa chỗ ở nào
khác.

Tỳ-khuru hành đầu đà này có 3 bậc:

- Bậc thượng: chẳng nên hỏi thăm chỗ ở của mình xa hay gần, hoặc có ma quỷ phá khuấy haychăng? Giáo hội định chỗ nào phải ở nơi ấy.

- Bậc trung: được phép hỏi, nên chẳng nên đi xem chỗ ở theo ý mình.

- Bậc hạ: được phép hỏi và đi xem chỗ ở, nếu không vừa ý cũng không nên xin đổi chỗ.

Ba bậc này, nếu phát lòng ham muốn cũng chỗ ở theo mình, gọi là phá phép đầu đà mà mình đã nguyện giữ.

Đầu đà này có 6 quả báo:

1. Ovàdakaranam: được gọi là hành theo lời dạy của đức Thế Tôn. Ngài có giải rằng: Chỗ ở mà mình đã được rồi, thì mình phải nên vui thích theo chỗ ấy, không nên dòi dòi như thế

2. Sabramacàrihitesità: trạng thái người tìm lợi ích cho hàng phạm hạnh cùng nhau, là nhường chỗ ở khác cho vị khác.

3. Hìnapanìtavikappariccàgo: cách dứt bỏ sự phân biệt, thấp hèn hay là cao sang.

4. Anurodhavirodhappahànam: phương pháp dứt bỏ sự vừa lòng và điều trái ý được.

5. Atricchatàyadvàrapidahanam: cách cấm ngăn sự ham muốn đã qua. [*]

6. Appicchatàdinam anulomavuttità: arạng thái người có cách hành vừa theo các đức tánh nhất là không tham hay là ít tham.

[] là sự ham muốn thái quá đã qua rồi như là được một rồi còn mong được một nữa*

Ấy là 6 quả báo trong đầu đà thường ở chỗ mà tăng già đã cho mà Tỳ-khuru thọ trì được chín chắn.

---o0o---

***KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ THƯỜNG NGỤ TRONG CHỖ TẮNG ĐÃ
CHỈ CHO ĐẦU TIÊN KHÔNG DÒI DÒI.***

*Yam laddham tena santuttho yathàsan thatiko yati nibbikappo sukkham seti seti
tina santhara kesupi naso rajjàti setthamhi hìnã laddhà na kuppati tasmà*

*ariyatàcannam mun ipunga vavannitam anuyrujetha medhàvi
yathàsantaràmatam.*

Nghĩa là: hành giả có sự tri túc trong chỗ ở, được sao ở vậy, là người ngụ chỗ mà Tăng cho, không tìm ở chỗ cao sang, thì hằng ngủ được an vui, dầu là nằm trên chiếu cỏ. Người không vui thích trong chỗ quý trọng, dầu được chỗ thấp hèn cũng chẳng bất bình hờn giận, mới đáng gọi là người tiếp độ các hàng phạm hạnh mới xuất gia cho được điều lợi ích.

Bởi có ấy, bậc trí tuệ nên có lòng vui thích trong chỗ ở mà Tăng đã cho, là cô lệ của hàng thánh nhơn, mà đức Phật đã thường khen ngợi.

---o0o---

XIII- CÁCH THỌ TRÌ TRONG ĐẦU ĐÀ NGĂN OAI NGHI NĂM (Nesajjikanga)

Trong đầu đà này cũng có 2 cách thọ:

- 1) Tôi xin ngăn oai nghi năm (seyyam patikkhipàmi).
- 2) Tôi xin thọ trì chi của Tỳ-khuru là người có phẩm cách ngăn oai nghi năm (nesajjikangam samàdiyàmi).

Trong 2 cách ấy muốn thọ theo cách nào tùy ý.

Tỳ-khuru đã nguyện hành đầu đà này rồi ban đêm, trong canh 3 đi kinh hành trọn một canh cũng được, nhưng không nên nằm [*].

[] phương pháp niệm tất cả đề mục thiền định đều dùng oai nghi ngồi, nếu hành đầu đà này, để tham thiền được vừa ý.*

Tỳ-khuru hành đầu đà này có 3 bậc:

- Bậc thượng: dầu dựa mình vào đâu cũng chẳng được.
- Bậc trung: Được phép dựa.
- Bậc hạ: Nếu dùng giường ghế theo luật định cũng được (trừ ra không nên nằm).

Ba bậc này nếu nằm trước mặt trời mọc, gọi là phá phép đầu đà mà mình nguyện giữ.

Quả báo đầu đà Nesajjikànga (đầu tiên ngăn oai nghi nằm) - Đầu đà này có 5 quả báo:

1. Catasovinibandhassa upacchedanam: Phương pháp nhất là dứt trừ cái tâm đã quen thỏa thích trong sự mê ngủ.
2. Sabbakammattànànayogasappàyatà: trạng thái của oai nghi được sự an vui đến phẩm cách tinh tấn trong cách thiền định .
3. Pàsadikairiyàpathatà: trạng thái người có oai nghi đem sự tín ngưỡng đến nhiều người.
4. Viriyàrambhànukulatà: trạng thái vừa đến người có chí tinh tấn.
5. Sammàpatipattiyàsamupabrùhanam: phẩm cách phát sanh sự tu hành chơn chánh.

---o0o---

KẾT LUẬN TRONG ĐẦU ĐÀ NGĂN OAI NGHI NẪM

Àbhuyitvàna pallankam panidhaya ujumtanum nisidànto vikampeti mārassa hādayam yati sèyyasukham middhasukham hitvà àraddhaviriyo nisajjà bhirato bhikkhu sabhayanto tapovanam niràmisam pìtisukham yasmà samodhigacchati tasmà samanuyunjeyya dhìro nesajjikam vatam.

Nghĩa là: Hành giả ngồi bán già, thân hình cho ngay thẳng, có thể làm cho tâm của Ma Vương phải rung động. Tỳ Khuru là người có tâm tinh tấn dứt bỏ cách nằm và ngủ cho vui sướng, chỉ ưa thích trong oai nghi ngồi, làm cho rùng, tức là tapadhamma [1] được soi sáng rõ ràng, hằng được phi dạ [2] vừa lòng không có amisa [3].

[1] tapadhamma: pháp thiêu đốt các phiền não

[2] phi dạ (piti) là nhờ thỏa thích trong khi tham thiền mà được no lòng

[3] Chú giải: "vừa lòng không có amisa" là vừa lòng thỏa thích không nương theo ngũ dục và đẹp ý trong sự xuất gia

Bởi có ấy bậc có trí tuệ nên giữ gìn phép đầu đà Nesajjika này cho được chín chắn.

---o0o---

GIẢI VỀ SỰ ĐOÁN XÉT CHUNG TRONG 13 ĐẦU ĐÀ (Sanāsavinicchayakathā)

Mười ba đầu đà này nói tóm lại chỉ có tám phần: 3 phần chánh và 5 phần không chung lộn; tóm lại nữa còn 4 phần:

- 1) 2 đầu đà nương theo ca-sa (cìvarapatisamyutta).
- 2) 5 đầu đà nương theo sự khát thực (pindapàtapatisamyutta).
- 3) 5 đầu đà nương theo chỗ ở (senàsanapatisamyutta).
- 4) 1 đầu đà nương theo sự tinh tấn (viriyapatisamyutta).

tóm lại nữa có 2 phần :

- 1) Đầu đà nào, hành giả đã thọ rồi, mà thiên định được tiến hóa thì phải thọ.
- 2) Đầu đà nào hành giả phải thọ mà thiên định không phát sanh thì không nên thọ.

Nhưng đầu đà nào mà hành giả không thọ hoặc đã thọ mà thiên định vẫn được tiến hóa không tiêu hoại, cũng gọi là thọ, là phải thọ để làm khuôn mẫu cho kẻ hậu lai; hoặc đầu đà nào mà hành giả thọ hay không thọ mà thiên định vẫn không phát sanh cũng gọi là thọ, là phải thọ như thường để làm gương đến người hậu tấn.

Tóm lại nữa, chỉ còn một, là nơi nói về tác ý thọ trì cả 13 đầu đà ấy.

Hỏi: - Chia đầu đà ra làm 3 phần chánh và 5 phần không chung lộn ấy như thế nào ?

Đáp: - 1. Sapidānacārikanga, 2. Ekāsanikanga, 3. Abbokāsikanga, cả ba đầu đà ấy gọi là đầu đà chánh. Nghĩa là: Khi đã thọ sapidānacārikanga rồi thọ luôn pindapātikanga cũng được, nếu đã thọ ekāsanikanga rồi thọ luôn pattapindikanga và khalupacchābhāttikanga cũng được, nếu đã thọ khalupacchābhāttikanga cũng được, nếu đã thọ abbokāsikanga rồi không lẽ không thọ rukkhāmulikanga, yāthāsanthāttikanga nữa thế nào được.

Àrannikanga, pamsukūḍḍikanga, tecivarikanga, nesajjikanga, sosānikanga, cả 5 đầu đà ấy gọi là 5 đầu đà không chung lộn nhau, vì không nương tựa với đầu đà khác.

Hỏi: - Chỗ nói tóm lại, còn 4 phần ấy như thế nào ?

Đáp: - Pamsukùlikanga, tecìvarikanga - cả hai đầu đà này gọi là nương theo ca-sa vì dính dấp cùng nhau trong cách dùng ca-sa.

Pindapàtikanga, sapađànacàrikanga, ekàsanikanga, pattapindikanga, khalupacchàbhattikanga, cả 5 đầu đà này gọi là nương theo thọ thực vì dính dấp cùng nhau trong cách thọ thực.

Àrannikanga rukhamùlikanga, abbhokàsikanga, sosànikanga, yathàsanthatikanga, cả 5 đầu đà này gọi là nương theo chỗ ở vì có sự dính dấp cùng nhau trong chỗ ở.

Nesajjikanga gọi là nương theo tinh tấn vì dính dấp cùng nhau trong sự tinh tấn.

Hỏi: - Chỗ nói tóm lại, còn 2 phân ấy như thế nào ?

Đáp: - 12 đầu đà trên gọi là nương theo vật dụng. một đầu đà Nesajjikanga sau cuối cùng gọi là nương theo tinh tấn.

---o0o---

GIẢI VỀ PHÂN PHÁT ĐẦU ĐÀ (Byàssavinicchayakathà)

- Tỳ Khuru nên thọ trì cả 13 đầu đà.

- Tỳ Khuru ni chỉ nên thọ trì 8 đầu đà (vì khó giữ).

- Sa-di không có luật buộc phải adhitthàna tam y, rút tecìvatikanga ra chỉ còn 12 đầu đà.

- Sikkhamàna và Sa-di ni không bị buộc phải adhitthàna tam y như sadi và phận sự phụ nữ như Tỳ Khuru ni nên bỏ àrannikanga, khalupacchàbhattikanga, abbhokàsikanga, rukkhàmùlikanga sosànikanga, tecìvarikanga ra còn lại 7 đầu đà.

Cận sự nam và cận sự nữ [*] nên thọ trì 2 đầu đà là ekàsanikanga và pattapindikanga.

[] cận sự nam và cận sự nữ là người nam hoặc người nữ đem cả thân tâm lo cho Tam bảo hết lòng hành theo giáo pháp của đức Phật.*

--- o0o ---

Phần 05

PHẨM PARIVÀRA (Trích lục trong tạng Luật)

I. Tỳ-khuru có 5 chi, không nên ở không có nissaya (không nương theo ông thầy) [*]

[] trái lại thì được phép xa ông thầy*

- Tỳ-khuru không biết ngày hành Uposatha.
- Không biết hành Uposatha.
- Không thông Pàtimokkha.
- Không thông yddesa của Pàtimokkha.
- Chưa đủ 5 hạ.

II- Tỳ-khuru có 5 chi khác nữa cũng không nên ở không có nissaya:

- Tỳ-khuru không biết ngày Pavàranà.
- Không biết hành Pavàranà.
- Không thông Pavàranà.
- Không thông uddesa của Pàtimokkha.
- Chưa đủ 5 hạ

III- Tỳ-khuru có 5 chi khác nữa, cũng không nên ở có nissaya:

- Tỳ-khuru không biết có sự phạm tội và không phạm tội.
- Không biết tội nặng hay nhẹ.
- Không biết sàvasesàpatti và anàvasesàpatti.
- Không biết dutthullàpatti và aditthullàtti.
- Chưa đủ 5 hạ

IV. Tỳ-khuru có đủ 5 chi [*] được phép ở không có nissaya:

- Tỳ-khuru có đức tin
- Có sự hổ thẹn tội lỗi
- Có sự ghê sợ tội lỗi
- Có sự tinh tấn
- Có trí nhớ.

[] phải có 5 chi ấy cho thiệt nhiều, bền chắc mới nên ở xa Nissaya.*

V- Tỳ-khuru cố ý phạm tội rồi, đầu tội và chiều theo pháp tây vị (thương, ghét, si mê, sợ sệt) như thế gọi là alajji.

VI- Tỳ-khuru có 5 chi hăng sa địa ngục:

- Tỳ-khuru không ngay thẳng tình thương.
- Tỳ-khuru không ngay thẳng vì ghét.
- Tỳ-khuru không ngay thẳng vì dốt nát.
- Tỳ-khuru không ngay thẳng vì sợ.
- Tỳ-khuru dùng của tăng như của mình [*].

[] là cố ý bỏn xẻn không chia cho vị khác.*

VII. Tỳ-khuru không có trí nhớ, hay quên mình, ngủ mê có 5 tội:

- Ngủ cũng khổ.
- Thức dậy cũng khổ.
- Nằm mộng thấy điều không tốt.
- Chư thiên không hộ trì.
- Di tinh.

VIII. Tỳ-khuru đi đến nhà cư sĩ, hay chung chạ với người thế trong lúc quá giờ, hăng có 5 tội:

- thường liếc xem phụ nữ.
- khi đã đi xem phụ nữ, sẽ có lòng quyến luyến.
- khi quyến luyến sanh sự thân thiết.
- khi đã thân thiết sẽ bị tình dục đè nén.
- khi đã bị tình dục đè nén, Tỳ-khuru ấy sẽ giải đãi trong phạm hạnh hoặc phạm 1 tội nào, hay là xin xả giới hoàn tục.

IX- 5 pháp hăng thành tựu đến Tỳ-khuru nhất là hành đầu đà thường đi khát thực:

- đi vào xóm không cần phải trình cho Tỳ-khuru trong xóm hay.
- Thọ thực chung nhiều vị được (ganabhojana).
- Thọ thực paramparabhojana được.
- Không adhitthàna y cũng được.
- Không gởi y dư cũng được.

X- Người không nên hành đầu đà có 6 hạng:

- người cố ý mong việc xấu xa.
- người có tâm ganh gổ.
- người giả dối.
- người chỉ thấy bụng mình hay là chỉ tin bụng mình.
- người muốn được lễ vật.
- người mong được kẻ khác ngợi khen.

XI- người nên hành đầu đà có 10 hạng:

- Có đức tin.
- Có trí tuệ.
- Có sự hổ thẹn tội lỗi.
- Không giả dối, phải ngay thật.
- Tinh tấn trong điều hữu ích.
- Thuần tính.
- Vui thích trong sự học hỏi.
- Làm việc chí cũng chín chắn.
- Không hay nói điều lỗi của người.
- Có vô lượng tâm là lòng tự ái.

XII- Tỳ-khưu hành đầu đà có 5 hạng:

- Vì dốt nát.
- Vì ham muốn xấu xa, bị sự ham muốn đè nén.
- Vì điên, cuồng tâm.
- Vì nghĩ rằng đức Phật và chư thánh vẫn ngợi khen.
- Vì ham muốn ít, nương theo sự tri túc, mong trau dồi tâm tánh, nương theo sự yên lặng, nương theo sự hành vi có sự lợi ích.

XIII- Người không nên làm lễ có 5 hạng:

- Tỳ-khưu đương khi vào xóm.
- Đương đi theo đường đi.
- Đương ở trong nơi tối.
- Tỳ-khưu đương bận việc không để ý đến sự làm lễ.
- Tỳ-khưu đương ngủ.

XIV- Người không nên làm lễ có 5 hạng nữa:

- Tỳ-khưu đương ăn.
- Tỳ-khưu đương ở trong nhà ăn.
- Tỳ-khưu có sự giận hờn nhau.

- Tỳ-khuru đương toan tính việc.
- Tỳ-khuru để mình trần.

XV- Người không nên làm lễ có 5 hạng nữa:

- Tỳ-khuru đương ăn vật ngọt.
- Đương ăn vật mặn.
- Đương tiêu tiện.
- Đương đại tiện.
- Tỳ-khuru đương bị tăng phạt cấm phòng.

XVI- Tỳ-khuru tiên cáo phải có 5 chi: (cáo, vị).

- Có lòng thương xót (karunà).
- Mong được điều hữu ích.
- Có sự tiếp độ.
- Muốn được khỏi tội.
- Muốn duy trì tạng Luật.

XVII- Tỳ-khuru phải có 4 chi mới đáng gọi là Tỳ-khuru:

- Phải hằng chú ý tưởng nhớ đến ân đức của Phật (buddhànussati).
- Phải hằng có lòng từ bi (metta).
- Phải tham thiền về 10 thứ tử thi (asubham).
- Phải hằng chú ý tưởng nhớ đến sự chết (maranasati).

XVIII- Sa-môn phải có đủ 4 chi, mới đúng gọi là Sa-môn:

- Phải có tâm nhịn nhục (khanti).
- Không dễ duôi trong việc phước đức (appamàdo).
- Phải dứt bỏ lợi danh và phiền não (ratipahànam).
- Không bận lòng lo những việc vô ích (akincanam).

XIX- Tỳ-khuru không nên cho nissaya đến Tỳ-khuru có 3 chi:

- Tỳ-khuru không biết hổ thẹn.
- Tỳ-khuru dốt nát.
- Tỳ-khuru không phải pakatattà.

XX- Người xâm tới, đi vào đường dũ, đi xuống địa ngục có 3 hạng:

- Người không phải hành đạo cao thượng mà tự xưng là cao thượng.
- Người cáo gian bậc phạm hạnh trong sạch A la hán.
- Người nói: ngũ trần không tội, rồi hằng thọ dụng ngũ trần.

XXI- Lời nói cao thượng có 4:

- Không thấy, nói không thấy.
- Không nghe, nói không nghe.
- Nói không trúng, nói rằng nói không trúng.
- Không biết rõ rệt, nói rằng không biết rõ rệt

XXII. Tỳ-khuru có giới đáng tôn trọng có 4 chi:

- Không tây vị vì thương.
- Không tây vị vì ghét.
- Không tây vị vì lầm lạc,
- Không tây vị vì sợ.

XXIII. Tỳ-khuru có 6 chi đáng làm hoà thượng (truyền cụ túc giới), đáng cho nissaya, đáng cho Sa-di hầu hạ:

- Tỳ-khuru có thể hộ hoặc cho người hộ đệ tử có bệnh.
- Có thể giải sầu hoặc cho người giải sầu đã phát sanh.
- Có thể phá nghi, hoặc cho người phá nghi đã phát sanh.
- Biết sự phạm lỗi.
- Biết cách sám hối.
- Được 10 hạ hoặc trên 10 hạ.

XXIV. Tỳ-khuru có 5 chi gọi là chia rẽ Tăng, hằng đi thọ sanh trong đường dữ, sa vào địa ngục trọng 1 đại kiếp, hết mong sửa mình được:

- Tỳ-khuru thuyết pháp, không phải là pháp mà nói là pháp.
- Tỳ-khuru thuyết luật, không phải là luật mà nói là luật.
- Tỳ-khuru thuyết pháp, mà nói không phải là pháp.
- Tỳ-khuru thuyết luật, mà nói không phải là luật.
- Giả bộ không biết mà làm tăng sự khác nhau.

XXV- Tỳ-khuru có 7 chi mới gọi là luật sư.

- Biết là àpatti.
- Biết không phải là àpatti .
- Biết là tội nhẹ.

- Biết là tội nặng.
- Có giới và thu thúc trong: "Biệt biệt giải thoát thu thúc giới".
- Có đều đủ àcàra và gocàra.
- Có sự lo sợ trong tội lỗi dầu là nhỏ nhen chút ít.

XXVI- Trò đối với thầy có 5 điều:

- Phải hết lòng yêu thương thầy.
- Phải hết lòng tín ngưỡng thầy.
- Phải hết lòng hổ thẹn tội lỗi.
- Phải hết lòng tôn kính thầy.
- Phải hết lòng nhớ tưởng thầy.

XXVII- Ông thầy đáng cho trò nương nhờ có 7 điều:

- Ông thầy phải có lòng từ ái bình đẳng.
- Ông thầy phải có giới tinh nghiêm.
- Ông thầy phải đáng cho trò tôn trọng .
- Ông thầy phải nhịn nhục, khi trò bất bình, thầy tùy cơ cảm hoá trò.
- Ông thầy phải biết đạo lý cao siêu và biết cách giảng giải theo sức của trò .
- Ông thầy phải ngăn ngừa không cho trò làm điều vô ích tội lỗi.
- Ông thầy phải tìm phương pháp chỉ dẫn trò cho mau được tiến hoá.

XXVIII. Bát có 2 thứ:

- Bát làm bằng đất.
- Bát làm bằng sắt.

Chỉ được dùng 2 thứ ấy thôi.

-ooOoo-

GIẢI VỀ KATHINA (Kathina Kathà)

Vấn: - tiếng gọi Kathina nghĩa như thế nào?

Đáp: - tiếng Kathina là 1 tiếng trong Phật giáo phát sanh theo lời chuẩn hành của đức Thế Tôn, để buộc chặt 5 quả báo cho thành tựu đến Tỳ-khuru, người thọ và người anumodanà, cho đến hạn kỳ quả báo y.

---o0o---

5 QUẢ BÁO (Ànisansa)

Tỳ-khuru thọ Kathina rồi được hưởng 5 quả báo là:

- 1) Nếu Kathina chưa xả, Tỳ-khuru không từ giả vị trong nhóm, rồi đi cũng được, nghĩa là không phạm tội trong điều học càritta.
- 2) Tỳ-khuru không đem tam y theo mình rồi đi cũng được, không phạm tội trong điều học asamàdànacàro.
- 3) Tỳ-khuru thọ thực chung nhiều vị cũng được không phạm tội trong điều học ganabhojana.
- 4) Cát giữ y, dầu không àdhitthàna không gởi cũng được không phạm tội trong điều học pathamakathina.
- 5) Y của Tỳ-khuru hoặc Sa-di tịch hoặc y thọ dâng đến Tăng, y phát sanh do tài sản của Tăng. Tỳ-khuru đã thọ Kathina được phép lãnh dùng.

Tóm lại Tỳ-khuru đã thọ Kathina được hưởng 5 quả báo ấy.

---o0o---

CÁCH THỨC THỌ KATHINA (Kathinatthàna vidhànakathà).

Vấn: - Người hạng nào mới thọ Kathina được. Người hạng nào mới thọ Kathina không được.?

Đáp: - Nếu nói về số người phải có ít lắm là 5 vị trở lên [*], mới thọ Kathina được, ít hơn 5 vị không phép thọ Kathina.

[] nói 5 vị mới thọ Kathina được là 4 vị làm Tăng để giao y Kathina, 1 vị làm người thọ Kathina.*

Còn nói về nhập hạ, Tỳ-khuru nhập hạ trước (purimikavassà) Pavàranà trong ngày Pavàranà trước (là Pavàranà trong ngày rằm tháng 9 Việt Nam) mới thọ Kathina được. Tỳ-khuru dứt hạ hoặc nhập hạ sau (nhập hạ ngày 16 tháng 6 sau, năm nhuận) và Tỳ-khuru nhập hạ chùa khác, thọ Kathina không được.

Vấn: - người hạng nào mới nên dâng Kathina

Đáp: - Một trong mấy hạng người sau này là: chư thiên, người thiện tín, Tỳ-khuru, Sa-di dùng được cả.

Thí chủ phải vào dâng trong hắc, tăng ngồi hoặc đứng trong chùa nhập hạ rồi dâng, nói như vậy: Chúng tôi xin dâng y Kathina (kathina cìvaramdema).

Vấn: - Khi thí chủ dâng y, Tăng phải thọ bằng cách nào?

Đáp: - Không nên thọ bằng thân hoặc khẩu, phải cần thọ bằng tâm của Tăng, là phải thọ bằng cách làm thỉnh.

Vấn: - Tỳ-khuru nào đáng thọ Kathina?

Đáp: - Tăng giao y Kathina cho Tỳ-khuru nào, Tỳ-khuru ấy phải thọ.

Vấn: - Tăng phải giao y Kathina cho Tỳ-khuru nào?

Đáp: - Tỳ-khuru nào có y cũ thì phải giao cho Tỳ-khuru ấy.

Nếu nhiều vị có y cũ, Tăng phải giao cho vị cao hạ hơn và thông rõ 8 pháp, có thể làm phép thọ cho kịp trong ngày ấy.

Nếu Tỳ-khuru cao hạ không thông thì giao cho Tỳ-khuru thấp hạ, thông hiểu phép thọ. Nhưng Tăng nên bàn tính trước với vị trưởng lão, cầu ngài thọ rằng: bạch ngài, xin ngài thọ đi, rồi chúng tôi giúp làm với ngài.

Khi Tăng được Kathina rồi, hội họp nhau, ngồi (trong hắc) trong Sìmà, chỉ định 2 vị để tuyên ngôn trình cho Tăng rõ.

Vị thứ nhất hỏi: Bạch đại đức Tăng, y Kathina đã phát sanh đến Tăng rồi, Tăng nên giao Kathina này cho Tỳ-khuru nào thọ Kathina?

Vị thứ hai đáp: Tỳ-khuru nào có y cũ, Tăng nên giao cho vị ấy.

Vị thứ nhất nói: Tỳ-khuru có cìvaram cũ, có nhiều vị, hoặc nói trong nơi đây không có vị nào có y cũ cả.

Vị thứ hai nói: tăng nên giao Kathina cho vị trưởng lão.

Vị thứ nhất nói: Trong nơi đây Tỳ-khuru nào cao hạ?

Vị thứ hai nói: Tỳ-khuru (... để pháp danh Tỳ-khuru thọ vào đây ...).

Vị thứ nhất nói: vị trưởng lão ấy có thể làm y được và thọ kịp trong ngày nay chăng?

Vị thứ hai nói: ngài làm được (hoặc nói: Tăng nên tiếp độ đến vị trưởng lão).

Vị thứ nhất hỏi lại nữa rằng: vậy ngài trưởng lão ấy có đủ 8 chi chãng? (*xem phần PAKINNAKAKATHA tiếp theo*).

Vị thứ hai đáp: ngài trưởng lão có đủ 8 chi rồi.

Nếu vị thứ nhất bằng lòng thì nói: sàdhu, đúng rồi. Tăng nên giao cho ngài trưởng lão ấy. Phải cho Tỳ-khuru thông hiểu trình cho Tăng hay.

Vấn: - Tăng hội cần giao Kathina cho Tỳ-khuru người thọ bằng cách thức như thế nào?.

Đáp: - tăng phải giao bằng cách tụng tuyên ngôn 2 bận (nattidutiyakammavàcà).

Cách thức để tụng tuyên ngôn 2 bận để giao y ấy, theo lời Phật chuẩn hành [1] (buddhànunàtta) trong phẩm Mahāvagga rằng: phải cho Tỳ-khuru thông hiểu trình đến tăng biết như vậy:

Sunātu me bhante sangho, idam sanghassa kathinadussam upannam, yadi sanghassa pattakallam, sangho imam kathinadussam (itthannàmassa) [2] bhikkhuno dadeyya kathinam attharitam, esà natti.

Sunātu me bhante sangho, idam sanghassa kathinadussam upannam, sangho imam kathinadussam (itthannàmassa) bhikkhuno deti kathinamattharitam, yassàyasmato khamati imassa kathinadussassa (itthannàmassa) bhikkhuno dānam kathinamattharitam, so bhāseyya, dinnam imam sanghena kathinadussassa (itthannàmassa) bhikkhuno kathinam attharitam, khamati sanghassa, tasmā tunhi evametam dhārayāmi

[1] cho phép thi hành

[2] để pháp danh Tỳ-khuru thọ Kathina vào chỗ ("itthannàmassa").

Nghĩa là:

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng nghe tôi trình y Kathina này đã phát sanh đến Tăng rồi, nếu (giờ này) vừa đến Tăng rồi, nên giao y Kathina ấy đến cho Tỳ-khuru (...) để thọ Kathina, ấy là lời trình.

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng nghe tôi trình y Kathina này đã phát sanh đến Tăng rồi (nay) tăng giao y Kathina ấy đến cho Tỳ-khuru (...) để thọ Kathina, sự

giao Kathina cho Tỳ-khuru (...) để thọ Kathina vừa đến ngài nào, ngài ấy phải nói lên. Y Kathina ấy, Tăng đã giao cho Tỳ-khuru (...) rồi để Kathina (sự này) vừa đến Tăng rồi. Vì lẽ ấy, Tăng nên làm thỉnh, tôi ghi nhớ sự này do trạng thái làm thỉnh ấy.

Vấn: - Nếu Tăng giao y Kathina như thế rồi Tỳ-khuru thọ Kathina phải làm như thế nào?

Đáp: - Tỳ-khuru thọ Kathina ấy phải giặt, vò, phơi, đo, cắt, may, nhuộm, làm dẫu cho xong trong ngày ấy rồi thọ Kathina. Nếu thí chủ đã cắt may sẵn, Tỳ-khuru thọ chỉ phải nhuộm hoặc làm dẫu (kappabindu) thôi, rồi thọ Kathina.

Nếu muốn thọ y 2 lớp (sanghati), phải (paccuddhàra) xả y 2 lớp cũ, adhitthàna y 2 lớp mới rồi đọc làm lễ thọ (hoặc muốn thọ y vai trái 9 uttārāsanga), hoặc y nội (antaravāsaka) cũng nên làm như nhau.

Vấn: - Tỳ-khuru phải thọ Kathina bằng thế nào?

Đáp: - trong phẩm parivāna có nói rằng: nếu Tỳ-khuru muốn thọ y 2 lớp (sānghāti) cần (paccuddhàra) xả y 2 lớp cũ của mình, rồi adhitthàna y 2 lớp mới, rồi đọc ra tiếng cho Tăng nghe rõ rằng: *Imāya sanghātiya kathinam atthārāmi* (tôi thọ Kathina bằng y 2 lớp này).

Nếu thọ y bằng y vai trái uttārāsanga, phải (paccuddhàra) xả y vai trái cũ của mình adhitthàna y vai trái mới, rồi đọc ra tiếng cho Tăng nghe rõ rằng: *Iminā uttārāsangena kathinam atthārāmi* (tôi thọ Kathina bằng y vai trái này).

Nếu thọ y antaravāsaka, phải paccuddhàra xả y nội cũ của mình, adhitthàna y mới, rồi đọc ra: tiếng cho tăng nghe rõ rằng: *Iminā antaravāsakena kathinam atthārāmi* (tôi thọ Kathina bằng y nội này).

Khi Tỳ-khuru đã thọ Kathina theo cách thức ấy rồi [1], vào gần Tăng hoặc gana hoặc pugala, mặc y vai trái chừa một bên, ngồi chồm hõm chấp 2 tay đọc cho các vị ấy (anumodanā) rằng: "*Atthatam bhante [2] sanghassa kathinam dhammiko kathinatthāro anumodāna [3]*".

(Bạch các đại đức, Kathina của Tăng tôi đã thọ rồi, sự thọ Kathina ấy đúng theo pháp, xin các đại đức anumodāna đi).

Về phần Tỳ-khuru anumodāna, phải mặc y vai trái chừa một bên, ngồi chồm hõm chấp hai tay đọc anumodanā rằng: *Atthatam āvuso [4] sanghassa kathinam dhammiko kathinatthāro anumodāna [5]*.

(Bạch các đại đức, Kathina của Tăng ngài đã thọ rồi, sự thọ Kathina ấy đúng theo pháp, chúng tôi xin anumodàna).

[1] nếu không có Tỳ-khuru anumodàna đã thọ rồi thì xong.

[2] nếu Tỳ-khuru thọ cao hạ hơn Tỳ-khuru anumodàna thì đọc àvuso.

[3] nếu có nhiều vị anumodàna hoặc có một vị cao hạ hơn thì vị thấp hạ đọc anumodàhi, còn một vị anumodàna thấp hạ thì đọc anumodàhi.

[4] Nếu Tỳ-khuru anumodàna cao hạ hơn Tỳ-khuru thọ thì đọc àvuso, bằng thấp hạ hơn thì đọc bhante

[5] Nhiều vị thì đọc anumodàna, một vị thì đọc anumodàhi.

Trong kinh Chú giải: Evam sabbesam atthatam hoti katinam (nếu một vị thì đọc Kathina, các vị khác anumodàna như thế gọi là Kathina đủ các vị.).

---o0o---

GIẢI VỀ THỂ THỨC THỌ KATHINA KHÔNG ĐƯỢC KẾT QUẢ (Anatthatakathinakathà)

Vấn; Tỳ-khuru thọ Kathina không kết quả do 24 cách thế nào?

đáp: Tỳ-khuru thọ Kathina không kết quả do 24 điều là:

1. ullikhitamattena; thọ Kathina bằng vải chưa làm thành y, vải mới đo.
2. dhovana mattena; thọ Kathina bằng vải chưa làm thành y, vải mới giặt
3. cìvaravicàrana mattena; thọ Kathina bằng vải chưa làm thành y, vải mới sắp sửa theo cách cắt.
4. chedana mattena: thọ Kathina bằng vải chưa làm thành y, vải mới cắt.
5. bandhana mattena: thọ Kathina bằng vải chưa làm thành y, vải mới may lược.
6. ovattikakarana mattena: thọ Kathina bằng vải chưa làm thành y, vải mới may bìa.
7. Kandùsakarana mattena: thọ Kathina bằng vải chưa làm thành y, vải mới để rải khung dặng cột.
8. Dalhikammakarana mattena: thọ Kathina bằng vải y thường của mình, chỉ lấy vải Kathina đến may nhập với nhau.
9. Anuvàtakarana mattena: thọ Kathina bằng vải y chưa may rồi, mới để biên xuôi thôi
10. Paribhandakarana mattena: thọ Kathina bằng vải y chưa may rồi, mới để biên ngang thôi.
11. Ovatteyyakarana mattena: thọ Kathina bằng y chưa làm rồi, mới để điều.
12. Kambalamadda na mattena: thọ Kathina bằng y nhuộm còn non màu (nên

nhuộm như màu cây mít).

13. Nimittakatena: thọ Kathina bằng y phát sanh do Tỳ-khuru nói cách này, thế nọ (ta thọ y này được, tốt).

14. Pàrikathàkatena: thọ Kathina bằng y phát sanh vì Tỳ-khuru bảo thí chủ dâng (được phước lớn).

15. Kukku katena: thọ Kathina bằng y mượn của người hoặc tự mình, bằng y của mình đã có sẵn.

16. Sannidhi katena: thọ Kathina bằng y để dành qua ngày sau.

17. Nissaggiyena: thọ Kathina bằng y đang làm để qua ngày khác.

18. Akappakatena: thọ Kathina bằng y chưa làm dẫu.

19- 21. Annatra sanghàtiyà, annatra uttaràsangena, anntra antaravàsakena: thọ Kathina ngoài y 2 lớp, y vai trái, y nội.

22. Annatra pancakena và atirepancakena và tadaheva sanchinnena samandalikatena: thọ Kathina bằng y không cắt điều may, hoặc cắt điều không đúng phép.

23. Annta puggalassa atthàra: thọ Kathina nhiều vị (2, 3, 4 vị trở lên).

24. Nissimattho anumodati: Tỳ-khuru đem y ra ngoài vòng simà mà mình nhập hạ. Nếu chùa ấy chưa có bandhasimà, chỉ ra tụng tuyên ngôn rồi trở vào thọ Kathina trong chùa mà mình nhập hạ cũng được.

Kathina mà Tỳ-khuru làm phép thọ phạm 1 trong 24 điều ấy không thành Kathina dẫu.

---o0o---

GIẢI VỀ CÁCH THỨC THỌ KATHINA ĐƯỢC KẾT QUẢ ĐƯỢC (Atthatakathinakathà)

Thọ 17 thứ vải sau này được thành Kathina:

1. Ahatena: Thọ Kathina bằng y người chưa mặc.

2. Ahatakappena: Thọ Kathina bằng y người mới giặt 1, 2 lần song còn như mới.

3. Polotikàya: Thọ Kathina bằng y làm bằng vải cũ.

4. Pamsukùlena: Thọ Kathina bằng y làm bằng vải lượm hoặc y mà Tỳ-khuru hành đầu đà tìm được.

5. Àpanikena: Thọ Kathina bằng vải bỏ rơi gần chợ mà thí chủ lượm đem dâng làm y.

6. Animittakatena: thọ Kathina bằng y không phải vì nó ướm mà được, trái với y thứ 13 trong antthatakàra.

7. Aparikathàkatena: trái với y thứ 14 anantthatakàra.

8. Akukkukatena: Trái với y thứ 15 anantthatakàra. (không phải y nhuộm).

9. Asnannidhikatena; Trái với y thứ 16 anattathakàra.
10. Anissaggiyena: trái với y thứ 17 anattathakàra.
11. Kappaketena: Trái với y thứ 18 anattathakàra.
- 12-14. Sànghàtiyà uttaràsangena antaravàsakena: trái với y thứ 19, 20, 21 (là làm lễ thọ 1 trong 3 y, không thọ 3 hoặc 2 y một lần).
15. Pancakena và atirekapancakena và tadaheva sanchinnenasamandalikeena; trái với y thứ 22 là y làm đúng theo điều trong nội ngày.
16. Puggalassa atthàrà: trái với y thứ 23 (là 1 Tỳ-khuru làm lễ thọ).
17. Simattho anumodàti: Trái với y thứ 24 là Tỳ-khuru ở trong simà làm lễ thọ hoan hỉ theo (không ở ngoài vòng simà).

Trong 17 thứ y này, từ thứ 1 đến thứ 5 chỗ chặn giữa 12, 13, 14 là y không định, miễn dâng theo 1 thứ nào cũng được, từ thứ 6 đến thứ 11, từ 15 đến 17 là y nhất định, phải điều đủ theo phép mới làm lễ thọ được.

---o0o---

GIẢI VỀ NGUYÊN NHÂN KATHINA XẢ (*Ubbhatakathinakathà*).

Đức Phật có dạy: *Kathanca bhikkhave ubbhatam hoti kathinam attha màtikà bhikkhave kathinassa ubbhàràya.*

Nghĩa là: "Này các Tỳ-khuru, 8 màtikà này là nguyên nhân làm cho Kathina xả".

Tiếng "màtikà" nghĩa là mẹ, hay là người sanh đẻ.

Hỏi: - Cớ sao vì 8 màtikà ấy mà cho Kathina xả?

Đáp: - 8 màtikà ấy là:

1) Pakkamanantikà: Tỳ-khuru đã thọ kathina rồi tính rằng: "Ta không trở lại chùa nữa đâu", rồi đem y đã làm đi ra, vừa ra khỏi vòng simà, Kathina của Tỳ-khuru ấy xả, Tỳ-khuru ấy hết được 5 quả báo. Như thế gọi "Pakkamanantikà" là hành trình Kathina xả theo màtikà thứ nhất.

2) Nithànantikà: Tỳ-khuru đã thọ Kathina rồi đem y của mình (y thọ Kathina) (y làm chưa xong) đến chùa khác, đi ra vừa khỏi vòng simà, tính rằng: Ta nhờ người dùm làm y này, trong chùa này, ta không trở lại chùa cũa đâu.

Tỳ-khuru ấy cậy người làm y ngoài vòng sìmà mà mình nhập hạ, chỉ làm y vừa xong, Kathina của Tỳ-khuru ấy xả, như thế gọi nitthānantikā, là hành trình Kathina xả theo mātikā thứ nhì.

3) Sannitthānantikā: Tỳ-khuru đã thọ Kathina rồi, đem y chưa làm, đến chùa khác tính rằng: ta không cậy người làm y này đâu, ta không trở về chùa cũ đâu. Chỉ tính quyết định như thế, thì Kathina xả, gọi sannitthānantikā, là hành trình Kathina xả theo mātikā thứ ba.

4) Nāsanatikā: Tỳ-khuru đã thọ Kathina rồi, đem y chưa làm, đến chùa khác tính rằng: ta nhờ người làm y trong chùa này ta không trở lại chùa cũ đâu, đương làm y, y đó bị trộm hoặc cướp đoạt mất Kathina của Tỳ-khuru ấy xả, gọi sannitthānantikā, là hành trình Kathina xả theo mātikā thứ tư.

5) Savānantikā: Tỳ-khuru đã thọ Kathina rồi, tính rằng: ta sẽ trở lại chùa này. Rồi đem y chưa làm ra đi. Khi đến chùa khác tính rằng ta cậy người làm y trong nơi này. Khi đã làm xong, lại nghe tin rằng Tỳ-khuru Tăng trong chùa đọc xả Kathina rồi. Chỉ nghe như thế, Kathina của Tỳ-khuru ấy xả, như thế gọi sannitthānantikā, Kathina xả theo mātikā thứ 5.

6) Āsāvācchedikā: Tỳ-khuru đã thọ Kathina rồi ra đi tính tìm nơi khác. Khi đi đến nơi khác, tính rằng: Ta tìm kiếm y ngoài sìmà đây, ta không trở lại chùa cũ đâu. Tỳ-khuru chỉ tìm kiếm y trong nơi ấy, khi kiếm không được, sự mong được y ấy dứt, chỉ dứt sự mong mỏi kiếm y, Kathina của Tỳ-khuru ấy xả, như thế gọi sannitthānantikā là hành trình Kathina xả theo mātikā thứ 6.

7) Sāmātikāntikā: Tỳ-khuru đã thọ Kathina rồi, tính rằng: ta sẽ trở lại chùa này. Rồi đem y chưa làm ra đi. Khi đến chùa khác, cho người làm giùm, khi đã làm y xong, cũng còn tính rằng: ta sẽ trở lại chùa. nhưng chừng chờ ở ngoài vòng sìmà cho đến hết hạn kỳ Kathina của Tỳ-khuru ấy, xả như thế gọi sannitthānantikā là hành trình Kathina xả theo mātikā thứ 7.

8) Sahubbhārā: Tỳ-khuru đã thọ Kathina rồi, tính rằng: ta sẽ trở lại chùa này. Rồi đem y chưa làm xong ra đi. Khi đã nhờ người làm y ấy rồi tính rằng: ta sẽ về chùa. Rồi trở về kịp, Tỳ-khuru xả Kathina trong chùa. Kathina của Tỳ-khuru ấy xả chung với các Tỳ-khuru trong chùa, xả như thế gọi Sahubbhārā là hành trình Kathina xả theo mātikā thứ 8.

Trong phẩm Mahavagga có giải rộng 8 mātikā ấy, đây chỉ xin giải tóm tắt bấy nhiêu, nên vị nào muốn biết cho rộng, nên xem trong phần ấy.

BÓ BUỘC (Palibodha)

Theo Phật ngôn trong phẩm Mahāvaggacó giải rằng: *Dve me bhikkhave kathinassa palibodhà.*

Nghĩa là: Này các Tỳ-khuru! Cả 2 điều ấy là Palibodhà của Kathina.

Palibodhà là điều buộc Kathina không cho xả, có 2:

- 1) Àvāsa palibodha: sự bận trong chùa (là chỗ đã thọ Kathina).
- 2) Cìvara palibodha: sự bận trong y ca-sa (là y ca-sa về quả báo của Kathina).

Giải: Đức Phật có dạy trong phẩm Mahāvagga rằng: *Idha bhikkhave bhikkhu vasatitasmim àvāse vàsàpekkho vàpakkama ti paccessanti evam kho bhikkhave àvāsa palibodho hoti.*

Nghĩa là: Này các Tỳ-khuru, Tỳ-khuru trong giáo pháp này, ngụ trong chùa hoặc đi ra khỏi chùa, nhưng còn tiếc rằng: Ta sẽ trở lại. Này các Tỳ-khuru, như thế gọi là sự bận trong chùa (àvāsa palibodha).

Về phần cìvara palibodha, đức Phật có giảng trong phẩm Mahāvagga rằng: *Idha bhikkhave bhikkhuno cìvaram akatam và hoti vippankatam và cìvarāsà và anupacchinnà, evam kho bhikkhave cìvara palibodho hoti.*

Nghĩa là: Này các Tỳ-khuru, y ca-sa của Tỳ-khuru trong giáo pháp này, chưa làm hoặc làm chưa rồi, hay là sự mong trong [*] y chưa dứt. Này các Tỳ-khuru! Như thế gọi là cìvara palibodha.

[*] mong rằng chắc sẽ được y trong nơi khác.

Có 2 điều ấy thuộc về Kathina không cho xả, miễn là còn mắc trong 2 điều ấy, Kathina mới xả.

---o0o---

HÀNH TRÌNH KATHINA XẢ (Ubbhàra hay Uddhàra)

Hành trình Kathina xả có 2 (vì thế lực của 8 mātikhà).

- Ubbhàra
- Antarubbhàra

(Nếu chia ra nữa có đến 9 là 8 mātikhà ubbhàra và 1 antarubbhàra).

giải: Atthamàtikà nghĩa là hành trình Kathina xả theo 8 maticà là:

1) Hành trình Kathina xả, để cho Tỳ-khuru ra ngoài vòng simà, rồi làm cho Kathina xả 1 lượt trong khi ấy.

2) Hành trình Kathina xả, là sahubbhàra, để cho Tỳ-khuru ra ngoài vòng simà, xong trở lại kịp Kathina xả trong giữa thời gian hạn kỳ, trong chùa thọ kathina, rồi được vào làm phép xả chung với các Tỳ Khuru .

Tám Hành trình Kathina xả ấy gọi là atthamatikà ubbhàra, vì kể vào trong 8 maticà.

3) Antarubbhàra nghĩa là hành trình kathina xả trong giữa thời gian hạn kỳ, là hành trình kathina xả do tụng tuyên ngôn 2 bận (dutyakammavàcà) để xả kathina, không kể vào trong 8 maticà gọi là amtarubhàra, vì là hành trình kathina xả để cho các Tỳ Khuru không đi ra ngoài vòng simà chỉ ngồi trong chùa hội họp nhau làm, trong giữa thời gian hạn kỳ (chưa đến thời kỳ định). Trong phẩm vinayàlankàratikà có giải thêm rằng:

Antarubbhàra, sahubbhàra, natthidutyakammavàcàyena katàpakkamanantikàdayo satta kathinubbhàra nàgasena kammavàcà yakatà.

Nghĩa là: Trong antarubbhàra và sahubbhàra Tỳ Khuru tụng tuyên ngôn 2 bận thì kathina mới xả, còn 7 kathinubbhàra nhất là pakkamànantikà, Tỳ Khuru không cần tụng tuyên ngôn, nghĩa là nếu có dịp đáng cho kathina xả, kathina xả tự nhiên không cần phải tụng tuyên ngôn.

Vấn: - Hai hành trình kathina xả là antarubbhàra và sahubbhàra khác nhau như thế nào?

Đáp: - Trong phẩm Vinayàlankàratikà có giải rằng: antarubbhàra để cho các Tỳ Khuru (nhiều vị) không ra ngoài vòng simà chỉ ngồi trong chùa tụ hội nhau làm phép xả.

Còn sahubbhàra để cho một vị Tỳ Khuru đã ra ngoài vòng simà rồi trở lại kịp antarubbhàra ấy vào làm phép xả chung cùng nhau với các Tỳ Khuru ngụ trong simà ấy.

Đó là điều khác nhau của hai hành trình ấy.

Vấn: - Antarubbhàra tuồng như một hành trình kathina xả khác ngoài tám maticà; nếu như thế, maticà là nguyên nhân cho kathina xả cho đến 9 chăng?

Đáp: - Không phải như thế, hành trình kathina xả có một thôi, song giải ra làm hai gọi là:

- 1) Sahubbhàra: để cho Tỳ Khuru đã đi ra ngoài vòng Simà rồi trở về.
- 2) Antarubbhàra: để cho nhiều vị Tỳ Khuru không được ra ngoài vòng Simà.

Nên hiểu rằng khi Tăng tụ hội tụng xả kathina trong giữa thời gian hạn kỳ, nếu có Tỳ Khuru đã ra ngoài vòng simà, trở về làm phép xả chung cùng nhau, một lần cũng được gọi là hai trong một lần, bằng không có cũng gọi chỉ có một lần thôi.

Cho nên Đức Phật chỉ chế ra có 8 mâtikà như đã có giải.

Vấn: - Tỳ Khuru Tăng cần phải tụng tuyên ngôn xả kathina trong thời gian giữa hạn kỳ, vì nguyên nhân chi?

Đáp: - Tỳ Khuru Tăng cần phải tụng tuyên ngôn xả kathina trong giữa thời gian hạn kỳ như thế vì có các thí chủ thỏa thích làm đại lễ, họ cầu tụng xả cho, họ dâng cúng y ngoài trời kathina, đến Tăng ở phương xa đến hội họp nhiều [*]. Tích này Đức Phật cho phép Tỳ Khuru ni vì có một người cận sự nam bạch cầu xin.

[] có giải trong tạng Luật, phẩm thứ 5, nếu Tăng không tụng xả kathina, lộc của Tăng phát sanh trong chùa ấy về phần Tỳ-khuru trong chùa ấy thôi, các Tỳ-khuru khác không được thọ kathina, hoặc ở phương xa đến không được phép lãnh. tăng tụng xả kathina thì lộc của Tăng phải chia đến các Tỳ-khuru khác.*

Đức Thế Tôn có dạy tụng xả kathina như vậy: phải cho Tỳ Khuru thông hiểu trình cho Tăng biết rằng:

Sunātu me bhante sangho yadi sanghassa pattakallam sangho kathinam uddhareyya, esànatti.

Sunātu me bhante sangho kathinam uddharati yassàyasmato khanatikathinassa uddhà ro so tunhassa yassa nakkhamati so bhàseyya ubbhatam sanghena kathinam khamati sanghassa tasmà tunhì evametam dhàràyâmi.

Nghĩa là:

Bạch hóa Đại Đức Tăng được rõ, xin Tăng nghe tôi trình (sự này) nếu đã vừa thời đến Tăng rồi, Tăng nên xả kathina ấy là lời trình.

Bạch hóa Đại Đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình (nay) Tăng xả kathina. Sự xả kathina vừa đến Ngài nào Ngài ấy phải nín thính, không vừa đến Ngài nào Ngài ấy phải nói lên. Kathina Tăng đã xả rồi (sự ấy) vừa đến Tăng rồi, vì nguyên nhân Tăng làm thính, tôi ghi nhớ sự ấy do trạng thái Tăng làm thính như thế, lẽ thường kathina xả chỉ vì lia khỏi 5 quả báo, do dứt cả hai Palibodhà.

Cho nên dứt cả hai Palibodhà phải biết rằng xả rồi, khi ấy cũng không còn được 5 quả báo nữa. Nếu còn cả hai hoặc một trong hai Palibodhà, thì kathina chưa xả, Tỳ Khuru ấy còn được hưởng 5 quả báo; nhưng muốn cho biết Palibodhà nào dứt. Palibodhà nào không dứt, hoặc Palibodhà nào dứt trước, Palibodhà nào dứt sau hoặc dứt một lượt cùng nhau chỉ giải phân biệt theo 8 mâtikà như đã có giải trong phẩm parivàra và phẩm taliyasamantapàsàtikà atthakatha rằng:

1) Trong mâtikà thứ nhất pakkamanantikà, cìvara palibodha dứt trước, là dứt từ khi còn ngụ tại chùa, vì y đã làm xong, không còn bận việc làm nữa. Avàsa palibodha dứt sau, là dứt một lượt với 1 hành trình Tỳ-khuru ra ngoài vòng simà, Kathina xả trong thời ấy.

2) Trong mâtikà thứ 2, nitthànantikà àvàsa palibodha dứt trước là dứt trong khi Tỳ-khuru định rằng không trở lại chùa cũ nữa.

Cìvara palibodha dứt sau, là dứt khi đã làm y rồi Kathina cũng xả trong thời kỳ ấy.

3) trong mâtikà thứ 3 sannitthànantikà, cả 2 Palibodha dứt 1 lượt cùng nhau không trước không sau, là dứt khi Tỳ-khuru quyết định rằng y cũng không nhờ người làm giùm, chùa cũ cũng không trở về, kathina cũng xả trong thời kỳ ấy.

4) trong mâtikà thứ 4 nàsanantikà, àvàsa palibodha dứt trước là dứt khi Tỳ-khuru quyết định rằng không trở lại chùa cũ nữa, cìvara palibodha dứt sau là dứt trong khi y đã hư mất, kathina cũng xả trong thời kỳ ấy.

5) trong mâtikà thứ 5 savanantikà, cìvara palibodha dứt trước, là dứt trong khi đã làm y rồi àsàpalibodha dứt sau là dứt 1 lượt vừa khi nghe tin rằng Tăng trong chùa tụng xả Kathina rồi, Kathina cũng xả trong thời kỳ ấy.

6) trong mâtikà thứ 6 àsàvacchekika, àvàsàpalibodha dứt trước là dứt trong khi Tỳ-khuru định rằng: không trở lại chùa cũ nữa, cìvara palibodha dứt sau, là dứt trong khi không còn mong được y nữa, kathina cũng xả trong thời kỳ ấy

7) trong màtikà thứ 7 simatikkantikà, cìvara palibodha dứt trước, là dứt trong khi đã làm y xong àsàpalibodha dứt sau là dứt trong khi hết hạn kỳ, Kathina cũng xả trong thời kỳ ấy

8) trong màtikà thứ 8 sahubbhàra, cả 2 Palibodha dứt 1 lượt cùng nhau không trước không sau, là dứt trong khi tăng tụng dứt bản tuyên ngôn, Kathina cũng xả trong thời kỳ ấy

Vấn: - Hành trình Kathina xả trong sìmà có mấy, ngoài sìmà có mấy, có khi trong sìmà có khi ngoài sìmà có mấy?

đáp: - Hành trình Kathina xả trong sìmà có 2 là: antarubbhàra và sahubbhàra. Ngoài sìmà có 3 là: pakkamanantika, savanantika và simatikkantika. Có khi trong sìmà, có khi ngoài sìmà, có 4 là: nitthinantika, sannitthànantika, nàsanantika và àsàvacchedika.

Giải rằng: antarubbhàra và sahubbhàra Kathina xả trong thời chung cùng nhau, là xả vì năng lực tăng tụ hội tụng xả trong vòng sìmà thọ Kathina ấy, thuộc về hành trình Kathina xả trong vòng pakkamanantika, savanantika và simatikkantika, Kathina xả đối với 1 Tỳ-khuru, đi làm cho Kathina xả, phía ngoài vòng sìmà. Nitthinantika, samutthànantika, nàsanantika và àsàvacchedika, kathina xả đối với 1 Tỳ-khuru . Nhưng nếu Tỳ-khuru ấy khi trước không bận tìm phần y mà mình phải được, rồi đi ra ngoài vòng sìmà, hết tiếc rằng: Thôi trở lại. Mà sau đó Tỳ-khuru khác thức tỉnh ép, cho đi đoạt phần y đó lại, rồi trở về làm cho kathina cũng xả trong vòng sìmà đã thọ Kathina. Vậy chỉ về việc phân y mà mình phải được ấy, thuộc về hành trình Kathina xả trong vòng sìmà. Nếu Tỳ-khuru đem phần y mà mình phải được ra ngoài vòng sìmà rồi làm cho Kathina xả trong nơi ấy, chỉ 12 lần thì thuộc về hành trình Kathina xả ngoài vòng sìmà (*muốn rõ điều này nên xem tạng Luật, phẩm thứ 8, từ trang 12 đến 48*).

---o0o---

PAKINNAKAKATHÀ

Vấn: - Mùla của Kathina có mấy? Vatthu có mấy? Bhùmi có mấy?

Đáp: - Mùla của Kathina có 1 là: Tăng tụ hội. Vatthu có 3 là: sanghàti uttaràsanga và antaravàsaka. Bhùmi có 6 là: y làm bằng chỉ may, y làm bằng bông, y làm bằng tơ, y làm bằng lông thú, y làm bằng vỏ cây.

Thật vậy, Kathina thì đủ mùla, vatthu, bhùmi như đã có giải, thọ mới kết quả được. Nếu chỉ thiếu 1 điều nào, như số Tỷ-khưu ít hơn 5 vị hoặc thọ Kathina bằng y khác ngoài 1 trong 3 y, hoặc y ấy họ làm bằng vật nào khác ngoài 6 thứ chỉ ấy, thì Kathina không được kết quả.

Vấn: - Pháp chi về phần đầu Kathina, pháp chi về phần giữa, pháp chi về phần cuối cùng là thế nào?

Đáp: - Trong sự phải thọ Kathina (kathinatthàrakicca) chia ra làm 3 giai đoạn:

- Đoạn đầu phải lo làm pubbakarana (giặc, vò, nhuộm y) nếu thí chủ họ chưa làm.
- Đoạn giữa phải xả y cũ (paccuddhàra) của mình rồi (adhithàna) y mới để thọ Kathina ấy.
- Đoạn cuối cùng phải thọ ra tiếng cho Tăng hội được nghe rõ, rồi làm sangha, gana, puggala, phải anumodanà.

Được anumodanà như thế gọi là sự phải thọ Kathina (kathinatthàrakicca) được kết quả.

Vấn: - Người có mấy chi không nên thọ Kathina, người có mấy chi nên thọ Kathina?

Đáp: - Người có 8 chi không nên thọ Kathina:

- 1) Người không biết pubbakarana (sự phải làm trước khi thọ Kathina).
- 2) Không biết paccuddhàra (xả y cũ).
- 3) Không biết adhitthàna (nguyên đặt tên y mới).
- 4) Không biết atthàra (sự thọ Kathina).
- 5) Không biết maticà (nguyên nhân xả Kathina).
- 6) Không biết Palibodha (sự buộc Kathina).
- 7) Không biết uddhàra (hành trình Kathina xả theo 8 maticà).
- 8) Không biết quả báo (nguyên nhân không phạm tội).

Người có đủ 8 chi (trái với 8 điều giải trên) mới nên thọ Kathina được là:

- 1) biết pubbakarana.
- 2) biết paccuddhàra.
- 3) biết adhitthàna.
- 4) biết atthàra.
- 5) biết maticà.
- 6) biết palibodha;

- 7) biết uddhàra;
- 8) biết quả báo;

Tỳ-khuru thọ Kathina phải biết nhớ rõ rệt 8 điều trên đó mới nên thọ Kathina. Vì Tỳ-khuru biết nhớ các pháp ấy được rõ rệt, mới có thể làm cho Kathinatthàrakicca được kết quả là:

- 1) Phải pubbakarana ngừa sợ e y mà thí chủ họ chưa làm xong (vì không bông hoặc chưa làm kịp).
- 2) Phải biết paccuddhàra để xả y cũ của mình ra
- 3) Phải biết adhitthàna để adhitthàna y Kathina sắp thọ.
- 4) Phải biết atthàtra để thọ Kathina cho đúng theo phép
- 5) Phải biết màtikà, Palibodha, uddhàra cho biết hành trình khi Kathina xả
- 6) Phải biết quả báo, cho rõ thể lực của Kathina.

Nếu không biết, không nhớ các pháp ấy cho rõ rệt, không nên thọ Kathina đâu, trừ ra Tỳ-khuru là vì trưởng lão có tăng hỗ trợ cho sắp đặt thể cho.

Vấn: - Pubbakarana (sự phải làm trước) giải như thế nào?

Đáp: - Có 7 điều:

- 1) Dhovana (giặt, vò).
- 2) Vicàrana (đo).
- 3) Chedana (cắt).
- 4) Bandhana (may, lược).
- 5) Sibbana (may xong).
- 6) Rajana (nhuộm).
- 7) Kappakarana (làm dầu y).

Giải rằng: cả 7 điều ấy, nếu còn sót điều nào, Tỳ-khuru phải làm cho, rồi trước khi thọ Kathina, không nên thọ rồi sau mới làm.

- Điều thứ nhất: Nếu vải Kathina ấy còn mới, dính bột dẹt, hoặc vải cũ dơ phải giặt.
- Điều thứ nhì: phải lo đo cho đúng theo luật định.
- Điều thứ ba: phải cắt bằng dao hoặc bằng kéo cho dứt có điều lớn, điều nhỏ.
- Điều thứ tư: Phải lược theo đường đã cắt ấy.
- Điều thứ năm: phải may theo đường chỉ đã lược.
- Điều thứ sáu: phải nhuộm bằng nước nhuộm mà đức Phật chophép có màu vừa theo sắc bậc Sa-môn.

- Điều thứ bảy: phải làm dấu bằng 1 trong 3 màu (*màu xanh, sấm tro, đen sậm*) cho hoại sắc y.

Phải làm theo thứ tự, từ thứ nhất đến thứ nhì, là không nên làm sai, trước làm sau, sau làm trước, nhưng nếu họ làm xong thì càng tốt, bằng còn sót điều nào, phải làm cho rồi mới được (hiện thời chỉ còn sót điều thứ 7, Tỳ-khuru thọ cần phải làm cho bấy nhiêu thôi).

Vấn: - Paccuddhàra, adhitthàna giải như thế nào?

Đáp: - Paccuddhàra nói về 3 pháp là: sanghàti, uttaràsanaga và antaravāsaka. Adhitthàna cũng nói về 3 pháp ấy. Nhưng paccuddhàra nói về sanghàti, uttaràsanaga và antaravāsaka, và adhitthàna cũ mà mình đã dùng, còn adhitthàna nói về sanghàti, uttaràsanaga và antaravāsaka là y Kathina ấy. Nếu muốn thọ bằng sanghàti, phải paccuddhàra xả sanghàti cũ, rồi adhitthàna sanghàti mới. Thọ uttaràsanaga hoặc antaravāsaka cũng phải xả uttaràsanaga hoặc antaravāsaka cũ ra, rồi adhitthàna uttaràsanaga hoặc antaravāsaka mới như nhau.

Vấn: - Atthàra (sự thọ) nói về mấy pháp?

Đáp: - Atthàra chỉ nói về 1 pháp là nói ra tiếng.

Giải: Tỳ-khuru thọ phải nói ra tiếng cho Tăng hội nghe rõ rệt mới kết quả Kathina, nếu thọ thầm thì một mình (*"thầm thì" là nói nhỏ đủ một mình nghe*), Tăng hội không được nghe với, thì Kathina không được kết quả. còn về cách thức phải thọ như thế nào đã giải ở phía trên đều đủ rồi.

Vấn: - Sự thọ Kathina của mấy hạng người không được kết quả, mấy hạng người được kết quả?

Đáp: - Sự thọ Kathina của 3 hạng người không được kết quả là:

- Người ở ngoài vòng sīmā thọ aunumodanā Kathina.
- Người thọ aunumodanā Kathina không nói ra tiếng.
- Người thọ ra tiếng không cho kẻ khác nghe hiểu nghĩa lý.

Sự thọ Kathina của 3 hạng người sau này mới được kết quả là:

- Người ở trong vòng sīmā thọ aunumodanā Kathina.
- Người thọ aunumodanā Kathina được nói ra tiếng.
- Người nói ra tiếng cho người khác nghe nghĩa lý được rõ rệt.

Vấn: - Sự thọ Kathina mấy cách không được kết quả, mấy cách được kết quả?

Đáp: - 3 cách thọ Kathina không kết quả là:

- Vatthuvipanna
- Kàlavipanna
- Karanavipanna

Cách thọ Kathina được kết quả là:

- Vatthusampanna
- Kàlasampanna
- Karanasampanna

Giải: tiếng Vatthuvipanna nghĩa là vật sai nói về y Kathina không nên dùng (akapiya) là y không đúng phép.

Kàlavipanna nghĩa là thời sai, nói về thời là họ dâng y trong ngày nay, Tăng giao cho Tỳ-khuru người thọ trong ngày mai.

Karanavipanna: nghĩa là làm sai, nói về thí chủ họ chưa làm y xong, rồi Tỳ-khuru không cắt làm cho rồi trong ngày ấy.

Tiếng Vatthusampanna nghĩa là vật phải nói về y Kathina làm đúng theo phép.

Kàlasampanna nghĩa là thời phải nói về thí chủ họ dâng trong ngày nào, Tăng giao cho Tỳ-khuru người thọ trong ngày ấy.

Karanasampanna nghĩa là làm phải nói về thí chủ dâng y làm đúng theo phép hoặc họ làm chưa xong, Tăng giao cho trong ngày nào, Tỳ-khuru người thọ được cắt làm cho đúng trong ngày khác không để qua ngày khác.

Nói tóm lại Tỳ-khuru thọ Kathina bằng y không nên dùng (akappiya) như y có bông, có màu sai, thí chủ dâng y đến trong ngày nay, tăng giao cho Tỳ-khuru thọ đến ngày mai, thọ như thế thì Kathina không được kết quả.

Trừ ra y làm bằng vải, nên dùng (kappiya) Tăng cũng giao cho Tỳ-khuru thọ trong ngày ấy, thọ như thế Kathina mới được kết quả.

Vấn: - Tháng nào nên thọ Kathina?

Đáp: - Tháng nên thọ Kathina là 1 tháng cuối cùng của mùa hạ.

Giải: Sự thọ Kathina, đức Thế Tôn chỉ cho phép thọ được trong 1 tháng chót mùa hạ: kể từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 10, trong khoảng 29 ngày ấy, ngày nào cũng thọ được cả. Ngoài vòng 29 ngày ấy, thọ Kathina không kết quả, dầu có thọ cũng chẳng kết quả chi.

Vấn: - sự thọ Kathina sái (atthàravipatti) hay là thọ phải (atthàrasampati), phải biết bằng cách nào?

Đáp: - sự thọ Kathina sái hoặc thọ biết theo 24 thể thọ, không kết quả và 17 thể thức thọ được kết quả như đã có giải.

Trích dịch trong Kathina khandhaka thứ 7 của phẩm Mahāvagga, cũng vừa đủ nghĩa lý chỉ có bấy nhiêu.

Khemam pappontu pàṇino. Cầu cho tất cả chúng sanh đều được vui.

***BHIKKHU VANSARAKKHITA
TỠ-KHUU HỘ TÔNG***

-ooOoo-

---o0o---

GIẢI VỀ CÁCH THỨC CÁC THỨ Y CA-SA

- 1) Kusi: dịch là miếng vải dài ở ngay chỗ anuvàta dài chung quanh là ngay chỗ khoản dài.
- 2) Addhakusi: dịch là miếng vải nửa phần kusi, tức là miếng vải vẫn ở ngay chỗ khoản vẫn.
- 3) Mandala: dịch là miếng vải lớn ở ngay chỗ khoản lớn (nếu y ngũ điều điều lớn này có 5 khoản).
- 4) Addhamandala: dịch là miếng vải nửa phần miếng vải lớn, tức là miếng vải nhỏ (nếu y ngũ điều, điều nhỏ này có 5 khoản).
- 5) Vivatta: dịch là miếng vải mở ra khi nào trùm thấy rõ ngay cho phía trên lưng, chi này ở ngay khoản lớn chính giữa.
- 6) Anuvivatta: đây là miếng vải mở tiếp theo (khi trùm chỉ thấy phân nửa) chi này ở ngay chỗ 2 bên khoản Anuvivatta.

7) Givēyyaka: dịch là miếng vải quấn, (khi nào trùm thì trùm ngay cổ) chi này ở ngay chỗ khoản Vivatta về phía trên.

8) Jangheyyaka: dịch là miếng vải phải đậy trên xương chỏm vai, chi này ở chỗ 2 khoản anuvivatta về phía dưới.

9) Bahanta: dịch là miếng vải phải đắp bấp tay, khi trùm phải ở ngay phía trên bấp tay, chi này ở ngay chỗ addhamadala nơi 2 khoản phía cuối cùng.

Tóm lại y có 9 chi như thế mới hiệp theo lời của đức Phật chế định. cả 3 y (y 2 lớp y vai trái, y nội) phải làm theo 9 chi ấy (trừ ra thiếu vải cắt may không đủ).

---o0o---

PHÉP DÂNG Y KATHINA ĐẾN TẶNG (SANGHA)

Vấn: - thí chủ dâng cúng y Kathinadāna như thế nào mới gọi là Tặng thí (sanghadāna)?

Đáp: - y để thọ Kathina là vật kê vào trong sanghadāna thì dâng theo Pali như vậy:

---o0o---

CÁCH DÂNG THỨ NHẤT

**Imam dussam Kathina cīvaram bhikkhu sanghassa demā
Dutiyampi, ...
Tatīyampi, ... (đọc 3 lần).**

Nghĩa: chúng tôi xin dâng y này để làm lễ Kathina đến Tỳ-khuru tăng (bhikkhusangha) lần thứ nhì, lần thứ ba.

Về vật phụ tùng (parikkhāra) đã dâng theo thói quen như vậy:

Yenamhākam Kathinam gahitvā kathināni sannāni tasseva

Nghĩa: vị Tỳ-khuru nào lãnh Kathina của chúng tôi, chúng tôi xin dâng các phụ tùng này đến vị đó.

Trong chú giải (atthakathā) có thuyết minh rằng; nếu thí chủ dâng mà đọc Yenamhākam ... Như vậy, thì Tặng không có quyền làm chủ các vật parikkhāra đó được.

Cho nên nếu cần muốn dâng vật nào đến Tăng, phải dâng bằng cách khác, tóm tắt (không cần để tên các vật dâng theo Pali) như vậy .

Cách dâng thứ nhì

Imam mayam [*] bhante vatthuni bhikkhusanghassa niyyàdema [*]

[] Nếu mộ người dâng thì đọc **aham** thế **mayam**, **niyyàdemi** thế **niyyàdema***

nghĩa: bạch các ngài chúng tôi xin dâng những vật này đến Tỳ-khưu tăng. Lại nữa, cũng có 1 cách dâng Kathina chung với vật phụ tùng 1 lần rất tiện lợi theo Pali như vậy.

CÁCH DÂNG THỨ BA

Imam bhante saporivàram kathina cìvaradussam bhikkhusanghassa onojayàma sàdhu no bhante niyyàdema bhikkhusangho imam saporivàram kathina cìvaradussam patigganhà tu patiggahetvà ca iminàdussena kathinam attharatu amhàkam digharatta atthàya hitàya sukhàya.

Nghĩa: bạch chư Đại đức, chúng tôi xin nghiêng mình dâng y Kathina cùng với vật phụ tùng này đến Tỳ-khưu tăng. bạch chư Đại đức cầu xin Tỳ-khưu tăng lãnh y Kathina cùng với những vật phụ tùng của chúng tôi đây, khi đã nhận rồi, xin thọ dụng y này, cho chúng tôi được sự lợi ích, được sự yên vui lâu dài.

- Hết-

--- oOo ---